

THÍCH MINH TUỆ

**NIỆM PHẬT
ĐẠT BẤT NIỆM
TỰ NIỆM
BẢO ĐẢM VĨNG
SANH**

Phật Lịch 2554 - Tây Lịch 2010

**Niệm Phật Đạt Bất Niệm Tự Niệm Bảo Đảm Vãng Sanh
Thích Minh Tuệ**



HT. *Thích Trí Tịnh*

Chữ ký của Hòa Thượng Thích Trí Tịnh
sau khi hiệu đính.

Lời giới thiệu
Tham Mộ Bốn Vị Thích Ca Như
Đức Phật
Tham Mộ A Di Đà Phật

Rất hân hạnh được Thầy
Minh Huệ từ Mỹ Quốc gửi
về quyển "Thiền Phật Đạt Bất
Thiền Từ Thiền Bảo Đảm
Vãng Sinh" nhờ tôi trình
lên Đức Hòa Thượng
Trì Hạ Tĩnh, viên chủ chùa Vạn
Đức, nhờ Ngài hiệu đính.

Ngài Hòa Thượng rất hoan
hỷ và đọc quyển sách đến hai
lần, Ngài rất hài lòng cho
rằng: "Quyển Thiền Phật Đạt
Bất Thiền Từ Thiền Bảo Đảm
Vãng Sinh" này rất hay, toàn
lời, ý đều là của chủ cô, chủ cô
Đức, Ngài không còn ý kiến nào
để bổ sung thêm được nữa". Nên

Họ gọi chỉ viết tên để chứng minh,
thay lời hứa tính của Họ gọi.

Kính thưa quý bạn đồng tu,
Cùng tu Pháp Môn Tịnh Độ Cư
Danh Niệm Phật, trước sự yêu cầu
thiết tha của Thầy Minh Huệ, tôi
đành phải viết đôi lời giới thiệu thô
nhếch này. Đọc đi đọc lại đôi ba lần,
tôi nhận thấy quyển sách này rất
hay, rất cần thiết, rất quý cho tất
cả Phật tử tu Pháp môn Niệm Phật.

Hững tiến trình về "Phường
Pháp Hành Cư" và "Niệm Phật
Thể Bảo Đễ Bảo Đảm Vãng Sanh"
rất chắc chắn, chi tiết, tỉ mỉ, rành
rẽ, dễ hiểu, dễ hành, thêm những
điều cảm ứng, chứng tỏ tác giả là
một hành giả trải trải mình
nghiệm đã từng vượt qua bao
khó khăn, chướng duyên với ý
chí vững bền mới đạt được kết

qua "Bất Niêm Tử Niêm" này.
Quyển "Niêm Phát Đạt Bất
Niêm Tử Niêm Bảo Dảm Yăng
Sanh" này xuất phát từ sự tu
tu tử chứng của tác giả.

Tôi xin thành tâm giới thiệu

Tham Mộ A Di Đà Phật

Thiền Huệ

Hòa Thượng Thích Thiện Huệ

LỜI NGỎ

Nam Mô A Di Đà Phật.

Minh Tuệ tôi là một tiểu tăng rất dốt chữ nghĩa và giáo lý, lại thêm tuổi già sức yếu không có khả năng tụng kinh, tọa thiền, chỉ dốc một lòng niệm Phật A Di Đà cầu vãng sanh Cực Lạc để thành Phật độ chúng sanh. Sau nhiều năm nhập thất tịnh tu, vâng lệnh Thầy Trụ trì và Thầy Giáo thọ, tôi ra thất chia xẻ kinh nghiệm niệm Phật cầu vãng sanh cho Phật tử chùa Tịnh Luật từ tháng ba năm 2009. Sau một năm làm Phật sự, có một số Phật tử trong và ngoài tiểu bang Texas thiết tha yêu cầu tôi viết lại kinh nghiệm tu tập của mình để làm kim chỉ nam cho hành giả Tịnh Độ. Tôi đã nhiều lần từ chối, hôm nọ bỗng dưng tôi sực nhớ lại lời chư Tổ, chư Cổ đức dạy: “Tỳ kheo là phải tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự và dù phải bỏ thân mạng để hoằng dương Tịnh độ, vẫn phải làm”, nên tôi mạnh dạn nhận lời viết quyển “Niệm Phật Đạt Bất Niệm Tự Niệm Bảo Đám Vãng Sanh” này.

Từ đó, hằng ngày sau thời khóa niệm Phật, tôi thường cầu Đức từ phụ A Di Đà và chư Phật mười phương gia bị cho tôi viết quyển sách này **đúng như pháp**. Sau nhiều tháng đọc qua sách vở, tôi sưu tập những lời dạy của Đức Thế Tôn, chư Tổ, chư Cổ đức, rút gọn lại những kinh nghiệm hành trì, cộng thêm sự khích lệ và giúp đỡ quý báu của quý Thầy, quý liên hữu gần xa, tôi hoàn thành được quyển sách nhỏ bé này.

Nhân đây, chúng tôi thành kính tri ân: Hòa thượng thượng Trí hạ Tịnh, (viện chủ Chùa Vạn Đức), Hòa thượng thượng Thiện hạ Huệ, Đại đức Thích Tịnh Trí (Trụ trì chùa Tịnh Luật), Đại đức Thích Pháp Quang (Giáo Thọ chùa Tịnh Luật), Đại đức Thích Chân Văn

(FL) cùng chư liên hữu: Minh Chí (MI), Diệu Âm (Ngọc Minh, Austin), Phạm Khanh (KT Printing), Hoàng Minh, Hoàng Huệ, Tịnh Ngọc (Houston), Bảo Nghiêm (PA), Diệu Thanh (CA), Phương Đoan (VA), Huệ Tâm (CA), Quảng Diên, Thiện Bảo, Không Trì, cô Uyên Đình, cô Tâm Lý, cô Tâm Nguyễn và nhiều liên hữu khác đã khuyến khích, tận tâm giúp đỡ tôi hoàn thành quyển sách này.

Chúng tôi ước mong quyển sách này được phổ biến rộng rãi, những ai có duyên được đọc, áp dụng đúng lời chỉ dẫn chắc chắn sẽ thỏa chí nguyện là đạt Bất Niệm Tự Niệm Bảo Đảm Vãng Sanh Cực Lạc thành Phật độ chúng sanh.

Tự thiết nghĩ đức trí hạ liệt, với kinh nghiệm nhỏ nhen hạn hẹp, không sao tránh khỏi những lỗi lầm sai sót. Chúng con thành tâm kính đề đầu đảnh lễ ngưỡng mong các bậc Tôn Túc từ bi hoan hỉ chỉ dạy cho.

Chúng tôi cũng hết lòng cầu mong các liên hữu gần xa tự nguyện hoan hỉ góp ý xây dựng, để tài liệu này ngày càng phong phú hơn hầu thật sự đem lại nhiều lợi ích cho hành giả Tịnh độ.

Việc làm này nếu có chút ít công đức, con nguyện hồi hướng cho tất cả chúng sanh trong mười phương pháp giới đồng phát khởi, trưởng dưỡng, thành tựu **Tín, Nguyện, Hạnh** để cùng con đồng vãng sanh Cực Lạc, thành Phật độ chúng sanh.

Nam Mô A Di Đà Phật

Mùa An cư kiết hạ 2010

Tu viện Tịnh Luật

Thích Minh Tuệ kính ghi



Liên Tông Cửu Tổ Ngẫu Ích Đại Sư nói:
“Niệm Phật mỗi ngày **ba vạn câu trở lên**, lấy cái
chết làm kỳ hạn, mà **không vãng sanh** thì **ba đời**
chư Phật đều nói dối”.

Quán Niệm Môn, Liên Tông Nhị Tổ Thiện
Đạo Đại Sư nói: “Hành giả Tịnh Độ, mỗi ngày
niệm Phật **ba vạn câu trở lên** là hành nghiệp
Thượng Phẩm Thượng Sanh”.

Muốn được tiêu chuẩn trên, phải niệm Phật
đạt *niệm lực tương tục*, tức là **Bất Niệm Tự
Niệm**.

Thích Minh Tuệ

MỤC LỤC

CHỮ KÝ CỦA HÒA THƯỢNG TRÍ TỊNH
LỜI GIỚI THIỆU CỦA HOÀ THƯỢNG THIÊN HUỆ
LỜI NGỎ
MỤC LỤC

PHẦN I

LÒNG TIN LÀ GỐC VÀO ĐẠO

1. Hợp thời cơ.....2
2. Dễ tu.....2
3. Dễ chứng.....4

PHẦN II

TƯ LƯƠNG TỊNH ĐỘ

1. Tín..... 9
2. Nguyên.....12
3. Hạnh.....13

PHẦN III

TIÊU CHUẨN VÃNG SANH

1. Điều kiện vãng sanh19
2. Lý do không vãng sanh.....21

PHẦN IV

PHƯƠNG PHÁP HÀNH TRÌ

1. Lợi ích của sự niệm Phật.....27
2. Công đức niệm Phật34
3. Bốn môn niệm Phật37
4. Thực hành45

PHẦN V

NIỆM PHẬT THỂ NÀO BẢO ĐẢM VÃNG SANH

1. Tiến trình tu tịnh nghiệp.....66
2. Yếu quyết niệm Phật được nhất tâm67
3. Chuyên tu chánh hạnh.....73
4. Nhập tâm75
5. Bất niệm tự niệm.....82
6. Bảo đảm vãng sanh.....86

PHẦN VI

KHUYẾN TÂN HƯỚNG THUỜNG

1. Khuyến tu giải thoát89
2. Khuyến tu tịnh độ.....90
3. Khuyến vãng sanh ở phẩm vị cao92
4. Thời gian93
5. Công phu97

PHẦN VII

TỔNG KẾT

1. Vấn đáp.....99
2. Kết luận.....123

CHÚ THÍCH125

TÀI LIỆU THAM KHẢO.....129

PHƯƠNG DANH PHẬT TỬ ÁN TỔNG131

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC ĐỂ THỈNH SÁCH136

PHẦN I

LÒNG TIN LÀ GỐC VÀO ĐẠO

Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Lòng tin là gốc vào đạo, là mẹ đẻ mọi công đức. Lòng tin hay nuôi lớn các căn lành. Lòng tin có thể vượt qua các đường ma. Lòng tin có thể được vào định. Lòng tin có thể thoát biển sinh tử luân hồi. Lòng tin có thể thành tựu đạo Giác ngộ của Phật”.

Kinh Hoa Nghiêm lấy Thập tín ⁽¹⁾ làm điểm khởi đầu của sự thành Phật. Kinh Pháp Hoa lấy Chánh tín làm cửa để vào Đạo. Ngũ căn ⁽²⁾ lấy Tín căn làm đầu. Ngũ lực lấy Tín lực làm trước. Kinh A Di Đà cũng lấy Tín làm đầu.

Vì thế, chư Phật trong ba đời, chư Đại Bồ Tát, lịch đại Tổ Sư tu các công hạnh, đầy đủ đại nguyện lực, vào cảnh giới Phật, thành tựu Bồ Đề, chưa có ai không từ nơi chữ Tín này mà bước vào. Lòng tin quan yếu như vậy nên hôm nay tôi phát tâm cố gắng đem hết tâm lực để trình bày những hiểu biết nông cạn của mình, mong quý vị cũng cố thêm lòng tin Tịnh Độ. Tôi sẽ chia sẻ tất cả những kinh nghiệm nhỏ nhen về hành trì niệm Phật trong nhiều năm tịnh tu vừa qua, đồng thời rất hoan hỷ học hỏi ở quý vị những kinh nghiệm hành trì mà quý vị đã gặt hái được, để rồi cùng

nhau công phu đặc lực hơn hầu chúng ta đồng
vãng sanh Cực Lạc thành Phật độ chúng sanh.

Cổ đức dạy: “Pháp môn niệm Phật là pháp
môn hợp thời cơ, dễ tu, dễ chứng”.

1. Hợp Thời Cơ

Tượng Pháp Quyết Nghi Kinh dạy: “Sau
khi Phật diệt độ là thời **chánh pháp** trong năm
trăm năm **trì giới** kiên cố. Thời **tượng pháp** một
ngàn năm kế tiếp **thiền định** kiên cố. Thời **mạt
pháp** một muôn năm **niệm Phật** kiên cố”. Kiên
cố nghĩa là thành tựu.

a. Đức Thế Tôn nhập Niết Bàn nay đã hơn
hai ngàn năm trăm năm mươi lăm bốn (2554).
Như vậy, hiện ta đi vào thời mạt pháp hơn một
ngàn năm rồi, mà càng đi sâu vào thời mạt pháp
thì đức trí chúng sanh càng hạ liệt.

b. Kinh Đại Tập dạy: “Đời mạt pháp ỨC ỨC
NGƯỜI TU HÀNH HIẾM CÓ MỘT NGƯỜI ĐẮC ĐẠO. CHỈ CÓ
NƯƠNG VÀO NIỆM PHẬT MỚI THOÁT KHỎI SANH TỬ”.

c. Tổ thứ mười ba Ấn Quang Đại Sư dạy:
“Cửu giới chúng sanh lìa pháp môn này thì trên
chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư
Phật bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể lợi khắp
quần sanh”.

2. Dễ Tu

a. Vì mọi người: Ai ai cũng niệm Phật được, bất luận tăng tục, ngu trí, vua quan, dân, nam nữ, già trẻ, giàu nghèo, sang hèn, sĩ, nông, công, thương, binh, đau ốm bệnh tật đều niệm Phật được cả.

b. Vì mọi nơi: Ở đâu cũng niệm Phật được, như ở chùa, ở nhà, nhà thương, nhà bảo sanh, sở làm, công xưởng, rừng sâu, núi thẳm, trời cao, bể cả thậm chí ở nhà vệ sinh, nhà tắm, nhà bếp đều niệm Phật được cả.

c. Vì mọi lúc: Lúc nào sáng, trưa, chiều, tối, ngủ cũng niệm Phật được.

d. Vì mọi oai nghi: Đi, đứng, nằm, ngồi, bò, leo, chạy nhảy đều niệm Phật được.

e. Vì mọi cách: Niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng, niệm thầm, niệm bằng ý, niệm lần chuỗi, niệm theo hơi thở, niệm theo tiếng khánh... niệm cách nào cũng được miễn sao không xen tạp, không gián đoạn là được.

g. Vì mọi hoàn cảnh: Mọi hoàn cảnh, mọi tình huống đều niệm Phật được, như rảnh rang, bận rộn, vui buồn, hờn giận, ồn ào hay yên lặng... đều niệm Phật được cả.

h. Vì giản dị mà bao trùm các pháp, hiệu quả cao. Chỉ cần niệm sáu hay bốn chữ mà giải thoát sanh tử luân hồi, thành Phật.

Tổ Liên Trì dạy: “Một câu A Di Đà Phật gồm hết tám giáo, nhiếp cả năm tông”.

Tổ Trí Húc dạy: “Niệm A Di Đà Phật được thuần thực, thời tam tạng⁽³⁾ giáo lý gồm trong đó, một nghìn bảy trăm công án cơ quan hướng thượng cũng ở trong đó, ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, tam tụ tịnh giới⁽⁴⁾ cũng không ra ngoài câu Phật hiệu”.

3. Dễ chứng

a. Tự lực cộng tha lực: Hành giả niệm Phật thuần thực thì trước giờ lâm chung được Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc. Nguyên thứ mười tám trong Kinh Vô Lượng Thọ: “Lúc tôi thành Phật, chúng sanh nghe danh hiệu tôi, chí tâm tin ưa, tất cả thiện căn tâm tâm hồi hướng nguyện sanh cõi tôi, dầu chỉ mười niệm nếu chẳng được sanh thì chẳng lấy Chánh giác, chỉ trừ kẻ ngu nghịch, phỉ báng chánh pháp”.

b. Dễ vãng sanh: Chỉ cần khởi ý muốn vãng sanh là được vãng sanh (Kinh Pháp Cỗ). Cổ đức dạy: “Nhứt cú Di Đà vô biệt niệm, bất lao đàn chỉ đáo Tây Phương”. Tạm dịch là: “Một câu Di Đà không niệm gì khác, không nhọc, khuấy tay đến Phương Tây (Thế giới Cực Lạc)”.

c. Dễ đắc: Là một khi được vãng sanh thì chỉ cần một đời là thành Phật. Kinh Niệm Phật Ba la Mật dạy: “Vãng sanh đồng ý nghĩa với thành Phật, vì vãng sanh tức là thành Phật”.

Vì vãng sanh Cực Lạc dễ thành Phật, nên trên có những Đại Bồ Tát, chư Tổ, dưới thì chúng sanh đều đồng nguyện vãng sanh. Sau đây, tôi xin lược sơ qua một số vị này.

Trên thì có:

- Đại Bồ Tát: Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Giác Minh Diệu Hạnh.

- Chư Tổ tông phái khác: Mã Minh Tổ thứ mười hai Thiên; Long Thọ Tổ thứ mười bốn Thiên; Trí Giả Tổ Thiên Thai Tông; Hoàng Nhứt Tổ Sư Luật Tông...

- Thanh Văn: Xá Lợi Phất, A Nan.

- Chư Tăng: Trí Nghi, Đàm Loan, Đạo Xước, Quán Đảnh, Đạo Ngạn (Chư Thiên cõi trời Đâu Xuất đến rước Ngài không đi, sau Chư Thánh Cực Lạc đến đón Ngài mới chịu đi), Huệ Quang (như Ngài Đạo Ngạn), Phi Tích, Hoài Ngọc (Bồ Tát bung đai bạc đến rước Ngài không đi, sau bung đai vàng đến Ngài mới chịu đi), Trì Huyền (Ngộ Đạt Quốc Sư), Hùng Tuấn (Ngài bị Diêm Vương kể tội phá trai, phạm giới, Ngài khiêu nại, Diêm Vương tha và cho sống lại. Ngài chí tâm niệm Phật, được vãng sanh Cực Lạc), Duy Cung (sư ăn thịt uống rượu, nhờ sám hối, niệm Phật được vãng sanh), Tuân Thức (Từ Vân sám chủ), Ưu Đàm (tác giả Liên Tông Bửu Giám), Hám Sơn (để lại nhục thân).

- Chư tăng Việt nam: Hòa thượng Thích Thiên Tâm, Hòa thượng Thích Giác Lập, Hòa

thượng Thích Thiên Định, Hòa thượng Thích Hồng Đạo, Thượng tọa Thích Thiện Tường, Sa Di Thích Minh Đạt...

- Chư Ni: Huệ Mộc, Pháp Thạnh, Tịnh Chơn, Pháp Tạng, Sư Bà Thích Nữ Đàm Lựu.

- Cư sĩ: Hoàng Thái Hậu Vi Đề Hi, con gái của Ngụy Thế Tử (thầy cha và các anh dù còn sống nhưng đã được ghi danh ở ao thất bảo), Việt Quốc phu nhơn (chuyên tu Tịnh độ, khuyên người thiếp niệm Phật cầu vãng sanh, mộng du Cực Lạc, vãng sanh Thượng Phẩm Thượng Sanh), Viên Hoằng Đạo (tác giả Tây Phương Hiệp Luận, sanh Biên Địa), Vương Nhựt Hưu (tác giả Long Thư Tịnh Độ), Chung Húc và Thiện Hòa (làm nghề giết gà và bò, trước khi chết tướng ba đường ác hiện ra, vãng lời chư tăng niệm Phật, vãng sanh).

- Cư sĩ trên khắp thế giới: Bà Diệu Âm Huỳnh Ngọc Tuyết, Bà Diệu Hưng, Bà Quảng Khánh, Chúc Quý Lư Nhiên Phú, Thiện Bửu Nguyễn Văn Trí, Bà Diệu Âm Tô Vân Liên, Cụ bà Diệu Chi Tăng Kim Lang, Đồng Hưng Lê Văn Hiếu, Bà Diệu Chánh, Bà Triệu Vĩnh Phương, Bà Quảng Cánh Phạm Thị Tý, Bà Diệu Hoa Lê Thị Sen, Bà Lê Thị Cúc, Bà Nhật Trâm Phan Thị Diệu Anh, Bà Nguyễn Hoa Đoàn Thị Minh Hương, Cụ Bà Huệ Chơn Lê Thị Mau, Cụ Nguyễn Thị Khương, Cụ Minh Đài Lưu Lâu, Tuệ Minh Trần Nguyễn Hạnh, Cụ Hồ Thị Lan, Cụ Bà Trần Thị Kiêm, Cụ Bà Nguyễn Thị Sáu, Phan

Văn Anh, Cụ Ông Đoàn Quang Trung, Cụ Nguyễn Minh Công, Cụ Trương Thị Nương, Cô Trần Thị Kim Phụng, cư sĩ Trương Biết.

Trên đây chỉ liệt kê tiêu biểu một số vị vì thật ra số lượng vắng sanh quá nhiều.

Hiện đời dễ thành tựu tịnh nghiệp: Tu Bồ Tát hạnh phải trải qua ba đại A tăng kỳ kiếp (vô lượng kiếp) mới thành tựu đạo quả Bồ Đề. Còn tu Tịnh Độ chỉ cần một đời là thành Phật.

Cổ đức ví dụ tu các pháp môn khác khó khăn và lâu dài như con mối từ gốc tre, đục từng mấu, từng mấu lên ngọn tre (gọi là thụ xuất). Còn tu Tịnh độ như con mối đục ngang thân tre mà ra (gọi là hoành xuất), nhanh chóng, nhẹ nhàng.

Diễn hình, trong vòng một năm nay đã có quý Thầy, Sư cô dự định về chùa Tịnh Luật nhập Phật Thất dài hạn... nào ngờ, quyết tâm hạ thủ công phu, mới hai ngày đã nhập tâm. Lại nữa, có những cư sĩ nhập Phật thất mới bốn ngày được nhập tâm, những cư sĩ tại gia khác dù bận đi làm (ca một, ca hai), chỉ về chùa Tịnh Luật, dù niệm Phật vào ngày cuối tuần, thứ bảy, chủ nhật thôi, thế mà vài tuần lễ cũng đã nhập tâm.

Cho đến ngày nay, qua nhiều lần dự ngày Niệm Phật và Phật thất tại chùa Tịnh Luật, tính chung tiểu bang Texas và mười tiểu bang khác (trong liên bang Hoa Kỳ) hiện có trên bốn mươi (40) vị tại gia (có người niệm Phật nhiều năm nhưng chưa thọ Tam quy, Ngũ giới) được nhập

tâm (bước đầu của Bất Niệm Tự Niệm). Khi đạt được Bất Niệm Tự Niệm **hoàn toàn** (không dụng công tác ý niệm Phật, mà tự nhiên nghe tiếng niệm Phật liên tục không gián đoạn suốt thời gian còn thức) thì bảo đảm vãng sanh, mà **vãng sanh tức thành Phật** như nói trên.

Còn người xuất gia, có rất nhiều, rất nhiều nhưng quý Thầy, Sư cô khiêm nhường, cẩn thận vì mật hạnh nên không nói ra mà thôi.

Riêng Minh Tuệ tôi bắt đắ dĩ lắm phải nói ra để quý vị có niềm tin mà tu. Nay niềm tin đã có, kết quả đã có, nên việc nói ra có thể không còn cần thiết nữa.

PHẦN II

TU LƯƠNG TỊNH ĐỘ

Muốn thành tựu tịnh nghiệp, vãng sanh Cực Lạc hành giả phải có đủ ba món tư lương là: *Tín, Nguyện và Hạnh.*

1. Tín

Tín là lòng tin. Tín những gì? Có sáu thứ tín: *tín tự, tín tha, tín nhân, tín quả, tín sự, và tín lý.*

Tín tự là tin mình có Phật tánh, mình có khả năng thành Phật.

Tín tha là tin Phật Thích Ca không nói dối, tin Phật A Di Đà không nguyện suông.

Tín nhân là tin sâu tiếng niệm Phật là hạt giống, là cái nhân để thành Phật.

Tín quả là tin những vị thượng thiện nhân đang tụ hội ở Cực Lạc là nhờ niệm Phật mà được đến đó, giống như người trồng nhân dưa được quả dưa, trồng nhân đậu được quả đậu. Cũng giống như bóng phải theo hình, âm vang phải theo tiếng. Quyết không nghi ngờ gì cả.

Tín sự là tin hễ có cái này là có cái kia. Có nước Việt nam thì có nước Mỹ, nước Pháp. Có thế giới Ta Bà thì có thế giới Cực Lạc.

Tín lý là tin rằng: “Nhứt thiết duy tâm tạo” tâm đã tạo ra Ta Bà thì tâm cũng tạo ra Cực Lạc.

Liên tông thập Tổ Hành Sách Đại Sư dạy: “Người niệm Phật phải đầy đủ ba lòng tin sau đây:

- Phải tin Tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai biệt. Ta là Phật chưa thành. A Di Đà là Phật đã thành.

Tánh giác không hai: Tâm giác là Phật, Tâm mê là chúng sanh.

- Phải tin ta là Phật lý tánh, Phật danh tự. A Di Đà là Phật cứu cánh.

Tánh tuy không hai nhưng ngôi vị cách xa như trời với vực. Nếu không chuyên niệm đức Phật ấy cầu sanh về cõi Tịnh, ắt nghiệp lưu chuyển chịu khổ vô cùng.

- Phải tin ta dù nghiệp sâu chướng nặng, sống lâu trong cảnh khổ, ta vẫn là chúng sanh trong tâm Phật A Di Đà. Phật A Di Đà tuy muôn đức trang nghiêm ở xa ngoài mười muôn ức cõi Phật, cũng là đức Phật trong tâm chúng ta. Đã là tâm tánh không hai nên tự nhiên cảm ứng. Sự thiết tha của ta ắt có thể cảm lòng từ bi của Phật, ắt có thể ứng, như đá nam châm hút sắt, việc này không thể nghi ngờ.

Ưu Đàm đại sư ⁽⁵⁾ dạy: “Tin nghĩa là tin theo, như trong kinh nói:

- Tin niệm Phật nhưt định vãng sanh Tịnh độ
- Tin niệm Phật nhưt định diệt trừ mọi tội lỗi.
- Tin niệm Phật nhưt định được Phật hộ trì.
- Tin niệm Phật nhưt định được Phật chứng minh.
- Tin niệm Phật, đến lúc mạng chung, nhưt định được Phật tiếp dẫn.
- Tin niệm Phật, bất luận là chúng sanh nào, hễ có cùng lòng tin đều được vãng sanh.
- Tin niệm Phật vãng sanh Tịnh độ nhưt định được vào bất thối chuyển.
- Tin vãng sanh Tịnh độ nhưt định không còn rơi vào ba đường Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh”.

Phải tin sâu: giá như tất cả chúng sanh trong mười phương thành bậc A La Hán, thành Bồ Tát đồng khuyên ta bỏ Tịnh Độ, thậm chí Đức Phật Thích Ca hiện thân bảo ta bỏ pháp môn niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, để quý Ngài chỉ dạy ta pháp khác vi diệu hơn, ta vẫn bái lạy quý Ngài mà thưa rằng: “Bạch đức Thế Tôn, Bạch quý Ngài từ trước đến nay con vẫn tin lời dạy trước đây của Thế tôn, niệm Phật A Di Đà cầu nguyện vãng sanh Cực Lạc, nay con không thể trái lại với bản nguyện này”.

2. Nguyện

Nguyện là nguyện, là thề, là nói lên lòng khát khao ao ước của mình, muốn sanh về Tịnh Độ, muốn thấy Phật A Di Đà.

Từ Chiếu Đại Sư nói: “Luôn luôn phát nguyện ưa thích vãng sanh, ngày ngày nguyện cầu chớ cho thối thất. Nếu không có tâm phát nguyện thì căn lành chìm mất”. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Không phát đại nguyện, đó là việc làm của ma”.

Muốn có nguyện thiết tha, chúng ta hãy tự quán xét lại chính mình, tìm đối tượng mình nhàm chán ghét bỏ, hoặc mình đang tha thiết mong muốn sự gì, việc gì, khía cạnh nào đó, bất như ý, ở Ta Bà này không thực hiện được mà ở Cực Lạc được ưa thích, thỏa mãn được lòng mong muốn ấy, thì lấy đối tượng, sự việc ấy làm động cơ thúc đẩy ta, thiết tha phát nguyện vãng sanh.

Thí dụ:

- Thật sự nhàm chán, ghét bỏ sự hiểm nguy của sanh tử luân hồi.

- Nhận rõ, ghê sợ nỗi khổ đau của ba đường ác.

- Người mắc bệnh nan y, chờ chết. Cực Lạc thì không bệnh, không già, không chết, sống lâu vô hạn.

- Người có con ngõ nghịch, xì ke ma túy... mình khuyên lơn, nhắc nhở không được, sợ họ bị sa địa ngục cần cứu độ.

- Hoặc cần báo đáp tứ trọng ân... vân vân và vân vân.

Nếu ta còn ở Ta Bà sẽ bị đau khổ dài dài, phải bó tay, không cứu độ được mọi người như ý, vậy thì chỉ còn cách vãng sanh Cực Lạc để tránh khổ đau, được an vui, hoặc để rồi trở về Ta Bà cứu độ thân nhân. Tuy mỗi người, mỗi hoàn cảnh, mỗi vấn đề, mỗi đối tượng khác nhau, có ý nguyện khác nhau, lấy đó làm động cơ thúc đẩy ta phát nguyện, lời phát nguyện này xuất phát tận đáy lòng thiết tha mong muốn, ao ước thì lời phát nguyện mới thật sự thiết tha được.

Chư Tổ dạy: “Nguyện bất thiết bất sanh Cực Lạc”.

Tổ thứ chín, Ngẫu Ích Đại Sư dạy: “Vãng sanh hay không là do có Tín, Nguyện hay không? Còn phẩm vị cao hay thấp là do công phu sâu hay cạn”. Lời nguyện phải chân thật, chí thành khẩn thiết, không phải trả bài thuộc lòng, càng không phải là việc làm lấy lệ.

3. Hạnh

Tổ dạy: “Thật sự vì sanh tử, phát lòng Bồ Đề, lấy Tín Nguyện sâu, trì danh hiệu Phật”. Lòng Bồ Đề là lòng trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh (Thượng Cầu Hạ Hoá).

Kinh dạy:

“Chúng sanh vô biện thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

Ngài Từ Chiếu Đại Sư sợ mọi người vương mắc vào sự không rõ lý, nên mới nói:

“Tự tánh chúng sanh thệ nguyện độ,
Tự tánh phiền não thệ nguyện đoạn,
Tự tánh pháp môn thệ nguyện học,
Tự tánh Phật đạo thệ nguyện thành”.

Bốn câu này nói lên lý chân thật rõ ràng, để khiến cho tất cả mọi người độ hết thấy **chúng sanh (vọng niệm) ở trong tự tâm**. Nghĩa là do những tâm niệm tà mê, tạp tưởng, tham lam, si mê, tật đố, sân hận, ác độc nên khiến họ phát thệ nguyện lớn tự tánh tự độ.

Lại ở trong tự tánh đoạn trừ tất cả phiền não là tư tưởng tà, ý niệm tà, trần lao nghiệp thức, như mây mù che lấp tự tánh nên ánh sáng chẳng hiện. Vì thế khiến họ phát nguyện lớn, tự đoạn trừ khiến chúng mãi mãi không dậy khởi.

Lại ở trong tự tánh tu học tất cả các pháp môn, nghĩa là Niệm Phật Tam Muội, bi trí, hạnh nguyện, vô lượng pháp môn. Cho nên khiến họ phát thệ nguyện lớn, tự ngộ tự tu, thường không

thối thất, tiến thẳng đến Bồ Đề, chẳng để họ được chút ít mà cho là đầy đủ.

Lại ở trong tự tánh tin có Phật, phát thệ nguyện lớn, thường tự soi xét, tự nguyện thành tựu đạo giác ngộ của Phật.

Phải có tâm nhằm chán Ta Bà, ưa thích Cực Lạc.

Phật dạy: “Ta Bà là cõi khổ”. Cái khổ có vô lượng. Tạm chia có Tam khổ và Bát khổ.

Tam khổ: là khổ khổ, hoại khổ và hành khổ. Khổ khổ là khổ chồng thêm khổ, như các thứ bệnh tật đối kháng...liên tiếp nối nhau làm ta khổ mãi. Hoại khổ các pháp vô thường hủy hoại nên khổ. Hành khổ là các pháp dời đổi vô thường mà sinh khổ não.

Bát khổ: là sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, oán tắng hội khổ, ngũ ấm xí thạnh khổ. Ái biệt ly khổ là thương yêu xa lìa nên khổ. Cầu bất đắc khổ là mong muốn mà không được nên khổ. Oán tắng hội khổ là những người ta oán ghét mà gặp gỡ nên khổ. Ngũ ấm xí thạnh khổ là năm ấm vận hành lấy lòng nên khổ.

Cõi Cực Lạc từ khổ còn không có, làm sao có cảnh khổ. Cõi này toàn là những sự an vui, hạnh phúc cùng cực. Ăn, mặc, ở đều được như ý, muốn gì được nấy (tùy tâm sở hiện), chung sống với thượng thiện nhơn, làm bạn với Bồ Tát (Bồ Tát vi bạn lữ), gần Phật A Di Đà, ngày đêm được

nghe diệu pháp, không già, không bệnh, không chết sống mãi (vô lượng thọ) cho đến khi thành Phật.

Bậc cao đức ngày xưa vì thấy chúng sanh mãi mê lầm, không thấu suốt nguyên nhân có đau khổ và an vui, nên mới so sánh Ta Bà và Cực Lạc như sau:

- Ở cõi Ta Bà loài người bầm thọt thân hình máu thịt, có sinh là có khổ, cõi Cực Lạc chúng hữu tình đều hóa sanh nơi hoa sen, không có sự khổ về sinh.

- Ở cõi Ta Bà thời tiết đổi dời, con người lần lần đi vào cảnh già yếu, cõi Cực Lạc không có sự thay đổi nóng lạnh, chúng sanh không bị khổ suy già.

- Ở cõi Ta Bà con người mang thân hữu lậu sinh nhiều bệnh hoạn, cõi Cực Lạc chúng sanh thân thể phước báo thanh tịnh, không có sự khổ về đau yếu.

- Ở cõi Ta Bà ít ai sống đến bảy mươi tuổi, con vô thường mau chóng, cõi Cực Lạc chúng sanh mạng sống đến kiếp vô lượng vô biên, không có sự khổ về chết.

- Ở cõi Ta Bà con người bị sợi dây thân tình, ái luyến ràng buộc, chịu nỗi khổ chia lìa, cõi Cực Lạc chúng sanh đều là quyến thuộc Bồ Đề, nên không bị khổ về ân tình chia cách.

- Ở cõi Ta Bà có nhiều sự ganh ghét oán thù nên khi gặp gỡ tất phải chịu nhiều nỗi phiền não

khổ đau, cõi Cực Lạc toàn bậc thượng thiện nhân nên không có sự khổ về oan gia hội ngộ.

- Ở cõi Ta Bà con người phần nhiều nghèo khổ, thiếu kém tham cầu không thấy đủ, cõi Cực Lạc sự thọ dụng về ăn, mặc, ở, các thứ trân báu đều được hóa hiện tự nhiên theo ý muốn.

- Ở cõi Ta Bà con người hình thể xấu xa, các căn không đủ, cõi Cực Lạc chúng sanh tướng hảo trang nghiêm, thân thể có ánh sáng xinh đẹp.

- Ở cõi Ta Bà chúng sanh xoay vần trong vòng sanh tử luân hồi, cõi Cực Lạc bậc thượng thiện nhân đều chúng vô sanh pháp nhẫn (lý thể chân như thật tướng xa lìa sanh diệt).

- Ở cõi Ta Bà tu hành khó thành đạo quả, cõi Cực Lạc mọi người tiến lên ngôi Bất thoái chuyển dễ dàng.

- Ở cõi Ta Bà nhiều gò nông hang hố, rừng rậm chông gai, đầy dẫy các thứ như ác, cõi Cực Lạc vàng ròng làm đất, cây báu ngút trời, lầu chới trên châu, hoa khoe bốn sắc.

- Ở cõi Ta Bà rừng Ta La Song Thọ đã khuất bóng đức Phật, hội Long Hoa của Bồ Tát Di Lạc còn xa diệu vợi, cõi Cực Lạc, Di Đà Thế Tôn hiện đang thuyết pháp.

- Ở cõi Ta Bà chỉ mến danh lành của Bồ Tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, cõi Cực Lạc chúng sanh thường làm bạn với các Ngài.

- Ở cõi Ta Bà bọn ma cùng ngoại đạo làm
nã loạn người tu hành chân chánh, cõi Cực Lạc
chỉ thuần là sự giáo hóa của Phật, tà ma không
còn dấu vết.

- Ở cõi Ta Bà tài sắc, âm thanh, danh lợi
khiến người tu mê hoặc, cõi Cực Lạc có Y Báo và
Chánh Báo thanh tịnh, hoàn toàn không có bóng
người nữ.

- Ở cõi Ta Bà ác thú, ma quái, gào thét rùng
rợn, cõi Cực Lạc chim nước, cây rừng thường nói
Pháp mầu.

So sánh hai cõi, cảnh duyên hơn kém nhau
rất xa. Sự thù thắng của cõi Cực Lạc thật không
sao kể hết.

Có thật sự nhàm chán cảnh khổ đau cùng
cực ở Ta Bà, ham thích cảnh vui tốt bực miền
Cực Lạc, mới dũng mãnh phát tâm niệm Phật,
thiết tha cầu vãng sanh Cực Lạc.

Hạnh chính là phần hành trì thực tế để làm
sao đạt được sự nhập tâm (bước đầu của Bất
Niệm Tự Niệm). Đó cũng chính là trọng tâm của
khóa giảng, của sự họp mặt của chúng ta trong
lần kết thúc này.

PHẦN III

TIÊU CHUẨN VÃNG SANH

1. Điều kiện vãng sanh

Kinh A Di Đà dạy: “Xá Lợi Phất này! Nếu có thiện nam tử hay thiện nữ nhân mà được nghe nói Phật A Di Đà, rồi nhớ ngay danh hiệu của Ngài, niệm trong một ngày, hay là hai ngày, hay là ba ngày, hay là bốn ngày, hay là năm ngày, hay là sáu ngày, hay là bảy ngày, niệm kỳ cho thành người **nhứt tâm**, không còn loạn tưởng, thế là người ấy khi nào lâm chung, Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng hiện ra trước mặt, người ấy lúc chết, tâm không điên đảo, tức là được sanh sang nước Cực Lạc của Phật A Di Đà”.

Niệm Phật bảy ngày được một lòng không loạn (nhứt tâm bất loạn) là nói với bậc thượng căn thượng trí được vãng sanh thượng phẩm. Hàng phàm phu sát đất như chúng ta “Nhập Tâm” còn chưa có phần. Được Bất Niệm Tự Niệm tức là được bảo đảm vãng sanh là quý lắm rồi.

Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ dạy: “Lại này Xá Lợi Tử! Nếu có các thiện nam tử hoặc thiện nữ nhân lòng tin trong sạch được nghe danh hiệu vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ và thế giới Cực Lạc công đức trang nghiêm như vậy, nghe

xong **tư duy**: hoặc một ngày một đêm, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, hoặc sáu, hoặc bảy ngày, **hệ niệm** chẳng loạn thì các thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân đó lúc lâm chung Vô Lượng Thọ Phật và vô lượng Thanh Văn đệ tử, Bồ Tát chúng của Ngài vây quanh trước sau, đến đứng trước mặt, từ bi **gia hựu** (6) khiến tâm chẳng loạn. Xả mạng xong theo Phật chúng hội vào thế giới Cực Lạc, cõi Phật thanh tịnh của Vô Lượng Thọ Phật”.

Kinh Vô Lượng Thọ, Nguyệt thứ mười tám: “Lúc tôi thành Phật, chúng sanh nghe danh hiệu tôi, chí tâm tin ưa, tất cả thiện căn tâm tâm hồi hướng nguyện sanh cõi tôi dầu chỉ **mười niệm**, nếu chẳng được sanh thì chẳng lấy chánh giác, chỉ trừ kẻ ngu nghịch, phỉ báng chánh pháp”.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Bậc trí thức lại bảo phải chấp tay niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”, do đương nhơn thành tâm xưng danh hiệu Phật, nên tiêu trừ tội trọng tám mươi ức kiếp sanh tử”. Ngay lúc ấy Đức Vô Lượng Thọ Như Lai cảm biết, liền sai Hóa Phật, Hóa Quan Âm và Hóa Thế Chí hiện đến trước hành giả khen rằng: “Lành thay thiện nhơn! Người đã xưng danh hiệu Phật, nên các tội tiêu diệt, ta đến đây để rước ngươi”.

Nói gọn, chỉ cần niệm Phật **một câu** cũng được Phật tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc.

Kinh Pháp Cỗ còn nói một cách đơn giản hơn: chỉ cần khởi lên ý muốn vãng sanh Cực Lạc là được Phật tiếp dẫn về Cực Lạc.

Quán Kinh nói: “Vô Lượng Thọ Như Lai có tám muôn bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám muôn bốn ngàn vẻ đẹp tùy hình, mỗi vẻ đẹp tùy hình lại có tám muôn bốn ngàn tia sáng. Những **tia sáng** ấy soi khắp các cõi ở mười phương, **thâu nhiếp tất cả chúng sanh niệm Phật**”.

Khi chúng ta niệm Phật (miệng niệm hay ý niệm) từ nơi ta phát ra Tâm thanh (âm thanh phát xuất từ tâm). Mà A Di Đà Phật Pháp thân ở khắp mọi nơi, Phật quang (như đã nói ở trên) chiếu thấu mọi nơi. Lúc đó, Tâm thanh hòa nhập với Phật quang, Phật quang lại nhập vào Tâm thanh, Phật quang và Tâm thanh dung thông nhau. Đó chính là cách thức Phật nhận ra người niệm Phật và tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc.

2. Lý do không vãng sanh.

Mới nghe qua tưởng chừng việc vãng sanh rất dễ. Nhưng thực tế muốn vãng sanh phải đạt được điều kiện tối thiểu của việc này.

Ngài Lý Bình Nam (Thầy của Hòa thượng Tịnh Không) nói: “Qua hai mươi chín năm hướng dẫn Phật thất, Ngài được biết có khoảng hai ngàn người chết. Thế mà có triệu chúng vãng sanh chỉ khoảng mười người thôi”.

Vậy là vãng sanh chỉ có năm phần ngàn (5/1000). Nên người xưa nói rằng người niệm Phật cầu vãng sanh nhiều như bông xoài, trứng cá, lông trâu mà người được vãng sanh ít như sừng lân. Tại sao vậy? Vì chúng ta không đạt được tiêu chuẩn (điều kiện) vãng sanh.

Vi sao không đạt được? Sau đây là một số lý do:

a. Ý thức

- Hôn mê, bất tỉnh (stroke, coma) trước khi chết, lúc ấy ý thức không còn hoạt động nữa lấy ai chỉ đạo niệm Phật hay khởi ý muốn vãng sanh, do vậy mất phần vãng sanh.

- Cuồng loạn mất trí (điên) nên không thể chú tâm tưởng niệm.

- Trúng phong cứng họng không thể xưng danh hiệu Phật.

- Bị thú dữ, cọp, sói, giặc cướp làm kinh hoàng, hốt hoảng.

- **Bất đắc kỳ tử** (hoạnh tử), chết đột ngột như chiến sĩ ở chiến trường, các tai nạn như xe đụng, máy bay rớt, tàu chìm, bom đạn, lửa cháy, nước trôi, v.v... tinh thần hốt hoảng, tán loạn, ý thức đâu kịp niệm Phật hay muốn vãng sanh.

- **Bệnh khổ** bức bách thân thể như ung thư gan, v.v... hoặc vì tứ đại phân ly. Sự đau nhức cùng cực như con cua bị bỏ vào nước sôi, hay con rùa bị lột mai vậy.

- Tham sồng sợ chết, **luyện ái** gia đình vợ chồng con cháu, thân bằng quyến thuộc, tài sản, v.v...

- Không gặp bạn lành khai thị và trợ niệm mà gặp bạn ác phá hoại lòng tin.

Chư tổ dạy: “Tâm vô nhị dụng” nghĩa là tâm không thể làm hai việc cùng một lúc. Ba trường hợp sau ở trên, tâm thần **rối loạn, điên đảo, luyện ái** đủ thứ, tâm quá **bận rộn** nên ý thức không thể nhớ mà niệm Phật hay khởi ý muốn vãng sanh được, nên mất phần vãng sanh.

b. Không tương ưng và nghi

Mặt khác, hành giả không rơi vào những trường hợp trên, nhưng như đại sư Tĩnh Thế dạy: “Hàng ngày hành giả niệm Phật rơi vào ba loại không tương ưng sau:

- Tâm tánh **không thuần**, lúc còn lúc mất, khi niệm Phật lơ mờ, tâm có khi trụ, có khi không trụ, không dùng hết sức mình do đó không cảm ứng.

- Tâm tánh **chẳng chuyên nhất, không quyết định**. Niệm Phật không có tâm quyết định, cũng chẳng được cảm ứng.

- Tâm tánh **chẳng tiếp nối** (tương tục). Khi niệm Phật chẳng thể tiếp nối, niệm Phật giây lát, giây lát lại làm việc khác, cũng không được cảm ứng.

Ba điều lần lượt tạo nên, do tâm tánh chẳng thuần nên không có tâm quyết định, do tâm không quyết định nên tâm tánh chẳng tiếp nối. Ba việc này trái với Phật. Do đó niệm Phật chẳng được cảm ứng.

Tóm lại, niệm Phật còn **bị xen tạp** và **bị gián đoạn**, nên chẳng được tương ứng.

Trong Tịnh Độ Thập Môn, Tông Chủ Từ Chiếu dạy rằng: “Người niệm Phật lúc sắp lâm chung nếu có **nghi ngờ** ba điều thì không được vãng sanh Tịnh độ.

- Nghi từ lúc sinh ra đến giờ tạo nghiệp rất nặng, còn việc tu hành lại rất ít, e không được vãng sanh.

- Nghi tôi còn thiếu nợ người, hoặc có tâm nguyện chưa làm xong; tham, sân, si chưa dứt, e không được vãng sanh.

- Nghi tuy niệm A Di Đà, nhưng lúc lâm chung e Phật không đến tiếp dẫn.

Có ba điều nghi này, do vì nghi ngờ nên tự tạo thành chướng ngại, làm mất chánh niệm không được vãng sanh.”

c. Nói chung

Nói chung người tu Tịnh độ còn có mười (10) điều làm chướng ngại không vãng sanh.

- Tin không hết lòng
- Làm không hết sức.

- Phát nguyện không tha thiết.
- Niệm không đúng cách.
- Tâm còn duyên quá nhiều việc đời.
- Chẳng nhàm chán Ta Bà, chẳng ưa thích

Tịnh Độ.

- Ham học rộng hiểu nhiều về đời và đạo.
- Thích ngâm nga phân tâm (thích ca nhạc, ngâm thơ)
- Tán ngẫu nói chuyện phím (thị phi)
- Không chuyên tu (không được nhất tâm).

PHẦN IV

PHƯƠNG PHÁP HÀNH TRÌ

Phần bốn (Phương Pháp Hành Trì) và Phần năm (Niệm Phật Thế Nào Để Bảo Đảm Vãng Sanh) là căn bản của sách này nhằm trình bày từ lý thuyết đến thực hành một phương thức cụ thể bảo đảm vãng sanh bất kể tình huống nào xảy ra lúc lâm chung.

1. Lợi ích của sự niệm Phật

Kinh nói: “ Ái hà thiên xích lãng,
Khô hải vạn trùng ba
Dục thoát luân hồi khổ
Tảo cấp niệm Di Đà”.

Tạm dịch: “ Sông ái rộng ngàn thước
Biển khổ muôn trùng sóng
Muốn thoát khổ luân hồi
Hãy mau niệm Di Đà”.

Lợi ích niệm Phật có bảy điều thù thắng.
Cam Lộ Sớ nói:

1- Từ ngữ ít nên dễ thực hành: vì chỉ xưng một câu A Di Đà Phật nên tất cả mọi người đều có thể niệm.

2- Niệm duyên theo cảnh Phật: vì nhất tâm niệm duyên nơi tướng hảo của Phật, lấy cõi thanh tịnh làm cảnh giới.

3- Lìa tai nạn được an vui: vì được chư Phật và Bồ Tát gia hộ nên người niệm Phật không có các hoạn nạn, vui vẻ tốt lành.

4- Xung danh diệt tội: vì niệm Phật một câu, diệt trừ tội nặng của sự sinh tử trong tám mươi ức kiếp.

5- Trì niệm được phước: vì xưng một câu Phật hiệu được phước hơn bảy loại báu trong tứ thiên hạ cúng dường Phật và A La Hán.

6- Quả báo cảm được thấy Phật: vì chúng sanh niệm Phật, nên nhất định thấy Phật.

7- Đích thân Phật đón rước vãng sanh: Hóa Phật và Bồ Tát phóng quang tiếp đón hành giả vãng sanh cõi Phật.

Kinh nói: “Người nào chí tâm thọ trì danh hiệu Phật, hiện đời sẽ được mười điều thắng lợi:

1- Ngày đêm thường được tất cả chư thiên đại lực thần tướng và hằng sa quyến thuộc ủng hộ.

2- Thường được hai mươi lăm (10) vị Đại Bồ Tát như đức Quán Thế Âm và nhiều vị Bồ Tát theo thủ hộ mình.

3- Hằng được chư Phật ngày đêm hộ niệm, Đức Phật A Di Đà thường phóng ánh sáng nhiếp thọ người ấy.

4- Tất cả ác quỷ như Dạ Xoa, La Sát đều không thể làm hại. Tất cả rồng độc, rắn độc và thuốc độc đều không thể xâm phạm.

5 - Không bị những tai nạn như nước trôi, lửa cháy, giặc oán, đao tên, gông xiềng, tù ngục, hoạn tử.

6- Những nghiệp ác về trước lần lần tiêu diệt. Những oan mạng bị mình giết, nhờ công đức niệm Phật đều được giải thoát, không còn theo báo phục.

7- Đêm nằm nghỉ yên ổn, hoặc mơ thấy điềm lành hay thấy sắc thân thắng diệu của Phật A Di Đà.

8- Tâm thường an vui, nhan sắc sáng nhuận, khí lực đầy đủ, việc làm có kết quả tốt.

9- Thường được mọi người kính trọng giúp đỡ, hoặc hoan hỷ lễ bái cũng như kính Phật.

10- Khi lâm chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được thấy Phật A Di Đà và các thánh chúng tay bung đài vàng tiếp dẫn vãng sanh về Cực Lạc, cùng tận kiếp vị lai hưởng thọ sự vui nhiệm màu”.

Niệm Phật Kính Luận của Nhị Tổ Thiện Đạo Đại Sư nói: “Các kinh niệm Phật vãng sanh

nói niệm Phật có **ba chục lợi ích**, cả ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai:

a - Quá khứ:

Diệt trừ các tội. Niệm một câu Phật hiệu diệt tám mươi ức kiếp trọng tội sanh tử (Kinh Quán Vô Lượng Thọ)

b - Hiện tại:

- 1) Diệt trừ các tội. Niệm một câu Phật hiệu diệt tám mươi ức kiếp trọng tội sanh tử.
- 2) Công đức vô biên. Niệm một câu Phật hiệu được tám mươi ức kiếp công đức vi diệu.
- 3) Được pháp thù thắng chư Phật.
- 4) Chư Phật đồng chứng minh.
- 5) Chư Phật đồng hộ niệm.
- 6) Mười phương chư Phật đồng khuyên tin niệm.
- 7) Nếu có họa hoạn, niệm Phật liền trừ.
- 8) Khi lâm chung lòng không điên đảo (Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ)
- 9) Niệm Phật một pháp nhiếp nhiều pháp.
- 10) Pháp môn Tịnh Độ bao gồm năm Tông, tám Giáo. Một câu A Di Đà Phật niệm được thuần thực ba Tạng, mười hai bộ kinh ⁽¹¹⁾, những giáo lý cực tể đều ở trong đó, một ngàn bảy trăm công án, đường lối hướng thượng đều ở trong đó, ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, ba tụ tịnh giới cùng ở trong đó.

11) Khi lâm chung Phật tự đến rước (Kinh Xung Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ)

12) Dùng ít công đức mau sanh Tịnh Độ (Kinh Pháp Cỗ)

13) Thọ mạng lâu dài. Tăng long phước thọ, kéo dài mạng sống, Phật hiệu là thuốc trường sinh của bậc Đại giác.

c - Vị lai.

14) Hóa sanh trong đài hoa. Thân màu vàng ròng. Kinh: “Hoa sen chín phẩm là cha mẹ mình”.

15) Sống lâu không chết. Sống cho đến ngày thành Phật.

16) Thân có ánh sáng.

17) Đủ ba mươi hai tướng.

18) Được sáu thứ thần thông. Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Túc mạng, Thần túc, Tha tâm, Lưu tận thông.

19) Được Vô sanh pháp nhẫn.

20) Thường thấy chư Phật.

21) Cùng với Bồ Tát làm bạn. Kinh nói rằng: “Bồ Tát vi bạn hữu”.

22) Hương hoa, âm nhạc sáu thời cúng dường.

23) Cơm áo tự nhiên nhiều kiếp không hết.

24) Tự do tiến đạo thẳng đến Bồ đề.

25) Thường tươi trẻ không có tướng già.

26) Thường được khỏe mạnh không có bệnh tật.

- 27) Không bị đọa ba ác đạo.
- 28) Thọ sanh tự tại.
- 29) Ngày đêm sáu thời thường nghe diệu pháp.
- 30) Ở địa vị bất thối.”

Tịnh Độ Quần Nghi Luận của đại sư Hoài Cảnh nói: “Người sanh về Tây Phương có ba chục điều lợi ích:

- 1) Vãng sanh cõi Phật.
- 2) Được niềm vui pháp lớn.
- 3) Thân cận chư Phật.
- 4) Trải qua mười phương cúng dường Phật.
- 5) Tận tai nghe Phật thuyết pháp.
- 6) Tư lương phước huệ nhanh chóng tròn đầy.
- 7) Mau chứng Bồ Đề.
- 8) Các trời, Người cùng tụ hội một nơi.
- 9) Không thối chuyển.
- 10) Vô lượng hạnh nguyện tăng tiến.
- 11) Chim Anh Vũ, Xá Lợi tuyên dương pháp âm.
- 12) Gió thổi hàng cây tấu diễn thiên nhạc.
- 13) Nước xoáy châu Ma ni diễn thuyết pháp khổ không.
- 14) Tiếng nhạc tấu diễn âm thanh vi diệu.
- 15) Bốn mươi tám nguyện của Phật nhiếp thọ.
- 16) Thân sắc vàng ròng.
- 17) Thân không xấu xa thấp hèn.
- 18) Đầy đủ sáu thứ thân thông.

- 19) Thường ở nơi chánh định tụ.
- 20) Không có các điều bất thiện.
- 21) Thọ mạng lâu dài.
- 22) Y phục và ẩm thực tự nhiên hóa hiện.
- 23) Chỉ thọ hưởng những điều vui.
- 24) Được ba mươi hai tướng tốt.
- 25) Thật không có người nữ.
- 26) Không có tiểu thừa.
- 27) Lìa khỏi tám nạn.
- 28) Được ba pháp nhẫn.
- 29) Thân thường có ánh sáng.
- 30) Thân được sức mạnh kiên cố như kim cương.”

Người đạt Bất Niệm Tự Niệm sâu, vọng niệm ít khởi. Tỉnh thoảng vẫn có khởi nhưng vừa khởi lên liền “tự dứt”. Đây là điều vi diệu độc đáo nhất của pháp môn.

Người xưa nói: “Một niệm lành, niệm mãi trong tâm, tâm sẽ trọn lành”. Kinh nói: “Niệm Phật một câu phước đức vô lượng”. Nay ngày đêm chúng ta niệm ba ngàn, năm ngàn, một vạn, mười vạn, ba mươi vạn câu. Vậy thì phước đức biết bao nhiêu mà kể cho hết.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Tâm làm Phật, Tâm là Phật”.

Liên Tông Cửu Tổ Ngẫu Ích đại sư nói: “Mỗi tiếng niệm Phật của mình, tiếng nào mình cũng đã là Phật rồi”.

Vậy thì Tâm ta **đang** làm Phật, quyết định Tâm ta **phải** là Phật.

2. Công đức niệm Phật

a. Công đức

Kinh Niệm Phật Ba La Mật dạy: “Muốn vãng sanh Cực Lạc chỉ cần xưng danh hiệu Phật là đủ. Vì danh hiệu chính là biểu tượng của Pháp thân, cho nên **niệm danh hiệu chính là niệm Pháp thân** vậy”.

Pháp sư Tịnh Không nói: “A Di Đà Phật là bốn danh (tên chung, tên gốc) của tất cả pháp giới chư Phật. Danh hiệu của từng vị trong tất cả pháp giới chư Phật là **biệt hiệu** của họ. A Di Đà Phật là **bốn danh** của họ cho nên gọi là Pháp Giới Tạng Thân.

Tuyệt Hư Lão Nhân nói: “Một câu Nam Mô A Di Đà Phật là **Pháp Giới Tạng Thân**, bao gồm cả thập phương tam thế chư Phật. Một câu Nam Mô A Di Đà Phật **bao trùm** cả mười hai loại bộ kinh điển trong tam tạng, tức là chữ A đã bao gồm toàn bộ giáo pháp của tam tạng. Sáu chữ Hồng Danh là **vua** của các chú, sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” là **chữ bí mật**, chẳng phiên dịch. Cả sáu chữ đều chẳng phải là tiếng Trung Hoa. Pháp này cao tột, **thù thắng hơn** trì tụng bất cứ chú ngữ nào khác”.

Tổ thứ chín Ngẫu Ích Đại Sư nói: “A Di Đà Phật là một danh hiệu lớn lao, gồm có vạn công đức, niệm danh hiệu ấy để **vì công đức** thì công đức nào cũng phải đến hết”.

Trong Quán Kinh Sớ, Tổ Thiện Đạo Đại Sư nói: “Niệm Phật một câu diệt tám mươi ức kiếp trọng tội sanh tử và được tám mươi ức kiếp vi diệu **công đức**”.

Kinh Niệm Phật Ba La Mật nói: “Nếu có chúng sanh nào chí thành xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật thì **uy lực bất khả tư nghì** của danh hiệu khiến cho **tâm thể thanh tịnh** mà chúng sanh ấy không hề hay biết”. Hiện tượng thanh tịnh hóa này, theo Duy Thức Học được giải thích như sau: Khi ta niệm Phật chúng tử vô lậu của danh hiệu Phật huân tập vào tạng thức, nó sẽ **chuyển hóa** những chủng tử hữu lậu, gọi là **bạch tịnh hóa**. Huân tập càng nhiều chủng tử vô lậu, sức chuyển hóa (bạch tịnh hóa) càng mạnh, đến giai đoạn nào đó, bạch tịnh hóa hoàn toàn thì không còn chủng tử hữu lậu, mà chỉ có chủng tử vô lậu, lúc đó tạng thức trở thành **Bạch Tịnh Thức**, cũng gọi là **Vô Cấu Thức** (Thức thứ chín). Sau đó chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí.

Do vậy, hành giả cần nỗ lực tinh tấn công phu ngày càng đặc lực hơn, để chủng tử vô lậu (danh hiệu Phật) **tăng trưởng** một phần thì chủng tử hữu lậu (phiền não, tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến .v.v...) **giảm** một phần; chủng tử vô lậu

tăng trưởng mười phần thì chúng tử hữu lậu **giảm** mười phần v.v... Nhờ vào tiến trình bạch tịnh hóa nói trên, người đạt được Bất Niệm Tự Niệm cảm thấy an lạc, mát mẻ, vui vẻ, hạnh phúc không tài nào diễn tả được, nên nói: uống nước nóng lạnh tự biết. Vọng niệm ngày càng ít hơn, thỉnh thoảng nếu có cũng bị uy lực của danh hiệu Phật, và sức chuyển hóa chúng tử chặn đứng, hủy diệt ngay khi vừa móng khởi. Nếu hành giả tiến sâu hơn, đạt **Niệm Phật Thành Một Khối** thì vọng niệm thô sẽ **không** móng khởi được nữa.

Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội nói: “Tất cả chư Phật quá khứ vị lai và hiện tại trong mười phương ba đời đều học pháp niệm Phật, mau chóng chứng đắc đạo giác ngộ giải thoát”. Thế nên biết, chư Phật trong ba đời đều do **niệm Phật được thành Phật**.

b. So sánh công đức

Theo phẩm Phổ Môn nói: “Có một người cúng dường chư Bồ Tát nhiều gấp sáu mươi hai ức (6.200.000) lần số Bồ Tát nhiều như cát sông Hằng chẳng bằng **một thời** lễ bái cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm.

Kinh Thập Luận nói: “Một trăm kiếp niệm Quán Thế Âm, chẳng bằng khoảng thời gian một **bữa ăn** niệm danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng”.

Tịnh Độ Quán Nghi Luận nói: “Một đại kiếp niệm danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng, chẳng bằng niệm **một câu A Di Đà Phật**”.

Pháp môn Tịnh Độ thu nhiếp quả của lục độ, vượt hơn số bố thí tiền của gấp trăm ngàn vạn lần.

Kinh Niết Bàn nói: “một tiếng niệm Phật phân làm mười sáu phần công đức. Nếu có một người bố thí cho chúng sanh khắp cả một thế giới trải qua **ba tháng** nhưng chỉ đem một phần trong mười sáu phần công đức của một tiếng niệm Phật thì cũng **hơn** công đức người bố thí kia.

Thế nên biết niệm Phật hơn cả sự bố thí tiền của gấp trăm ngàn vạn lần.

3. Bốn Môn Niệm Phật

Nguyện mà không hành là nguyện suông. Người đời nói: Học, Hiểu, Hành. Nhà Phật dạy: Văn (nghe), Tư (suy nghĩ), Tu (thực hành).

Về hành có bốn cách: Thật tướng niệm Phật, Quán tướng niệm Phật, Quán tượng niệm Phật, Trì danh niệm Phật.

a. Thật tướng niệm Phật là niệm tánh Phật bản lai của chính mình. Đây là quán Pháp thân thật tướng của Phật. Pháp này dành cho bậc thượng căn thượng trí. Phàm phu hạ căn hạ trí chúng ta không kham nổi.

b. Quán tưởng niệm Phật là pháp quán tưởng Y Báo Chánh Báo cõi Cực Lạc (Kinh Quán Vô Lượng Thọ). Tổ Thiệu Đạo dạy: tâm chúng sanh thô, quán cảnh quá vi tế, sâu màu nên khó thành tựu.

c. Quán tượng niệm Phật là pháp quán tượng Phật. Để tượng Phật trước mặt, ghi nhận mọi nét của bức tượng, rồi quán tưởng cho đến khi dù không có tượng, lúc mở mắt, nhắm mắt đều thấy hình tượng Phật hiện rõ trước mặt.

- Trong kinh không thấy nói pháp này.

- Đây chỉ là cách thức phụ giúp cho sự trì danh hiệu Phật để hành giả tâm không tán loạn, dễ được chánh niệm mà thôi.

d. Trì danh niệm Phật là chấp trì danh hiệu Phật cũng gọi là xưng danh niệm Phật.

Cổ Đức dạy: “Pháp môn Tịnh Độ là con đường tắt trong con đường tắt. Cả ba căn thượng, trung, hạ đều có thể thực hành vừa dễ dàng vừa mau chóng”.

Cách này có hai cách: Quán tưởng trì danh và Nhiếp tâm trì danh.

1- Quán tưởng trì danh là pháp trì danh cộng thêm quán tưởng.

2- Nhiếp tâm trì danh là pháp tôi đang hành trì theo đúng lời dạy của Đức Thế Tôn trong kinh A Di Đà, kinh Lăng Nghiêm và cũng chính

là pháp được chư Tổ triển khai, phổ biến từ xưa đến nay. Điển hình như là Tổ Thiện Đạo, Tổ Ngẫu Ích, Tổ Triệt Ngộ, Tổ Pháp Nhiên và các Hòa thượng Thiền Tâm, Trí Tịnh, v.v...

3- Cách trì danh

Có năm cách trì danh: Cao thanh trì, Đê thanh trì, Kim cang trì, Mặc trì, Ý trì.

a- Cao thanh trì là niệm ra tiếng lớn.

b- Đê thanh trì là niệm ra tiếng nhỏ. Kinh Đại Tập dạy: “Đại niệm thấy đại Phật, tiểu niệm thấy tiểu Phật”. Cổ Đức bảo: “Niệm Phật lớn tiếng thấy Phật lớn, niệm Phật nhỏ tiếng thấy Phật nhỏ”.

Kinh Đại Tập dạy: “Niệm Phật ra tiếng có mười công đức:

- Đánh tan tâm hôn trầm mê ngủ.
- Thiên ma kinh sợ.
- Tiếng vang khắp mười phương.
- Ba đường ác được dứt khổ.
- Tiếng bên ngoài không xâm nhập.
- Niệm tâm không tán loạn.
- Mạnh mẽ tinh tấn.
- Chư Phật vui mừng.
- Tam muội hiện tiền.
- Vãng sanh về Tịnh Độ”.

Nhưng khi niệm ra tiếng thì dễ bị hao hơi tổn khí nên không thể niệm lâu.

c- Kim cang trì là niệm không ra tiếng, còn nhép môi.

Ưu điểm: không hao hơi, tốn khí, niệm được lâu.

Khuyết điểm: nhép môi làm thân động, tâm động theo.

Ba cách này là niệm bằng miệng, niệm lâu ngày có thể trở thành thói quen (tập khí), miệng tự động niệm mà tâm không niệm gọi là hữu khẩu vô tâm. Tổ Đức Nhuận nói: “Niệm như thế dù thét cho bể cuống họng cũng hoàn không”. Nghĩa là vô ích. Do vậy có nhiều vị niệm Phật mấy chục năm rồi mà vẫn trợ trợ, không cảm nhận được chút an lạc nào, còn bị phiền não là khác, nên sanh ra chán nản.

d- Mặc trì là vẫn niệm bằng miệng nhưng không ra tiếng (niệm thầm).

Ưu điểm: không hao hơi tốn khí.

Khuyết điểm: dễ hôn trầm (buồn ngủ)

e- Ý trì là niệm bằng ý.

Chư tổ dạy: “Tâm vô nhị dụng”. Nghĩa là tâm không thể làm hai việc cùng một lúc. Khi tâm lo nghĩ một việc nào khác thì tâm không thể niệm Phật được.

Kinh Pháp Cú dạy: “Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp nói năng hoặc hành

động, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe. Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự vui sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình”.

Theo Duy Thức học: “Ý thức công vi thủ, tội vi khôi”. Nghĩa là về công ý thức đứng đầu, về tội thì ý thức cũng đứng đầu. Làm ác do ý thức, làm thiện cũng do ý thức. Thí dụ: ý thức muốn đánh, muốn đá thì tay mới đánh, chân mới đá. Ý thức muốn chửi mắng, miệng mới chửi mắng, v.v... Sa địa ngục do ý thức lôi kéo. Vãng sanh Cực Lạc cũng do ý thức đưa đẩy. Làm ma hay làm Phật đều do ý thức làm.

Bằng những lý lẽ trên. Với ý trì ta bắt ý thức phải niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc để thành Phật, thật đúng là diệu pháp. Khi ý thức niệm Phật thì, như đã nói ở trên, ý thức không còn làm được việc gì khác, bật vọng niệm, vọng tưởng, mà câu Phật hiệu luôn hiện tiền.

Trong suốt thời gian ý trì không có vọng niệm vọng tưởng, đúng là tu chỉ của Thiền. Lại lắng nghe rành rẽ rõ ràng danh hiệu Phật đó là tu quán của Thiền. Như vậy ý trì không khác chỉ quán song tu của Thiền.

Cách tập ý trì

Cách thứ nhất:

- **Bước 1:** dùng máy (cassette hay chip) hát niệm Phật A Di Đà (6 chữ hay 4 chữ tùy ý thích), hành giả tịnh tọa, lắng lòng nghe (nhĩ căn = lỗ tai), dùng ý thức nghĩ, ghi nhận, đưa vào tâm từng chữ, từng câu rành rẽ, rõ ràng theo đúng nhịp điệu hát của máy. Đừng để bị xen tạp và gián đoạn.

Thực tập vài tiếng đồng hồ hoặc vài ba ngày tự nhiên thuần thục.

Nhớ: khi tập cách này phải xả, bỏ quên, không quan tâm đến cách niệm trước đây.

Cách này quá dễ, ai ai cũng thực hành được, nhưng có khuyết điểm là tâm còn phan duyên theo tiếng bên ngoài, gọi là hướng ngoại.

- **Bước 2:** Không dùng máy nữa, mà dùng bốn hay sáu ngón tay để nhịp.

Hành giả tịnh tọa, lắng lòng, dùng ngón tay nhịp, dùng ý thức để nghĩ, niệm từng chữ, một cách rành rẽ, rõ ràng, theo từng nhịp của ngón tay.

Thực tập vài tiếng đồng hồ hoặc vài ba ngày tự nhiên thuần thục.

- **Bước 3:** không dùng máy và ngón tay.

Hành giả tịnh tọa, lắng lòng, tự nghĩ và tự niệm rành rẽ, rõ ràng từng chữ, từng câu thánh hiệu A Di Đà.

Lúc đầu biết tâm mình đang niệm Phật A Di Đà, chứ chưa nghe tiếng. Quen dần, thuần thục sẽ nghe rành rẽ, rõ ràng, từng tiếng (từng chữ), từng câu thánh hiệu A Di Đà.

Cái nghe này là nghe bằng tánh nghe (không phải bằng nhĩ căn, lỗ tai). Tình trạng này gọi là “Phản văn, văn Phật hiệu”.

Người mới (sơ cơ) ý trì chỉ năm hoặc mười phút là mệt, niệm không được nữa, thì thay đổi niệm bằng miệng (Kim cang trì hay mặc trì là niệm thầm, hay niệm ra tiếng) thời gian ngắn (5,10 phút) rồi lại tiếp tục niệm bằng ý (ý trì) luân phiên thay đổi như thế nhiều lần, lâu ngày ý trì sẽ thuần thục (hoàn toàn niệm bằng ý).

Cách thứ hai:

- **Bước 1:** Viết bốn chữ hay sáu chữ Thánh Hiệu A Di Đà lên bảng viết hay lên giấy.

Hành giả tịnh tọa, lắng lòng, mắt nhìn Thánh hiệu A Di Đà (4 hay 6 chữ) thay vì đọc bằng miệng thì đọc bằng ý (ý thức).

Thực tập vài tiếng đồng hồ hoặc vài ba ngày thì tự nhiên thuần thục.

- **Bước 2:** Không dùng mắt nhìn tám bảng hay giấy có viết Thánh Hiệu A Di Đà nữa.

Hành giả tịnh tọa, lắng lòng, tự nghĩ và tự niệm y như bước ba nói ở cách thứ nhất.

Thực tập vài tiếng đồng hồ hoặc vài ba ngày tự nhiên thuần thực.

Nói rõ hơn, khi dùng ý nghĩ từng tiếng, từng chữ, từng câu Thánh hiệu A Di Đà, là gieo (huân tập) hạt giống (chủng tử) Phật vào Tạng thức. Huân trưởng lâu ngày chày tháng, hạt giống vô lậu sẽ lớn mạnh dần dần, và khởi hiện hành qua nhiều trạng thái, từ thấp đến cao như sau:

- Giúp ta nhớ niệm Phật nhiều hơn.
- Giúp ta nghe thành tiếng (bằng tánh nghe)
- Thay vì ý thức mà Tạng thức tự niệm (nhập tâm).

Ưu điểm: không hao hơi, tổn khí, đúng như pháp, dứt trừ được vọng niệm, vọng tưởng, mau nhập tâm, đạt Bất niệm Tự niệm.

Khuyết điểm: khó thực hành.

Kinh nghiệm cho thấy, khi thực sự buông xả được vạ duyên, ý trì được sáu mươi (60) phút liên tục không gián đoạn, mỗi ngày hai lần, một tuần lễ sau là hoàn toàn có khả năng sẽ được nhập tâm.

4. Thực hành

a. Vì sao phải niệm Phật?

Người xưa nói: “Ngồi buồn lo nghĩ vẫn vợ, lo cau trở muộn, lo già hết duyên” hoặc “Nhân cư vi bất thiện”.

Đức Phật dạy: “Tâm chúng sanh là tâm viên, ý mã”. Tâm viên là tâm như con khỉ, leo trèo nhảy nhót không mệt mỏi. Ý mã là y như con ngựa chạy rong không ngừng nghỉ.

Kinh Pháp cú nói: “Tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác các pháp”

Liên Tông Thập Nhị Tổ Triệt Ngô đại sư nói: “Phàm đã có tâm thì không thể vô niệm. Vì tâm thể vô niệm chỉ có chư Phật chứng đắc, còn từ Đẳng giác Bồ Tát trở về trước đều thuộc hữu niệm. Phàm khởi một niệm, nhất định sẽ rơi vào một trong mười cõi, vô niệm thì vượt ngoài mười cõi. Vì không một niệm nào vượt ra khỏi mười pháp giới. Cho nên vừa khởi một niệm tức là đã có một duyên thọ sanh như sau:

- Nếu tâm này tương ứng với lòng đại từ đại bi bình đẳng, công đức y chánh (7), cho đến hồng danh vạn đức, tức đã niệm pháp giới Phật.

- Nếu tâm này tương ứng với tâm Bồ Đề, Lục Độ vạn hạnh tức đã niệm pháp giới Bồ Tát.

- Nếu tâm vô ngã tương ứng với mười hai nhân duyên tức đã niệm pháp giới Duyên Giác.

- Nếu tâm vô ngã quán xét Tứ đế tức đã niệm pháp giới Thanh Văn.

- Hoặc tâm này tương ứng với Tứ thiên, Bát định cho đến Thập Thiện Thượng phẩm tức đã niệm pháp giới Thiên.

- Nếu tâm tương ứng với ngũ giới tức niệm pháp giới người.

- Nếu tu tập các pháp ngũ giới, Thập thiện mà trong tâm còn sân hận, kiêu mạn, thắng thua tức rơi vào pháp giới Tu La.

- Nếu dùng tâm yếu kém niệm Thập ác hạ phẩm tức rơi vào pháp giới Súc sanh.

- Nếu dùng tâm nửa yếu kém, nửa mạnh mẽ tương ứng với trung phẩm Thập ác thì liền rơi vào pháp giới Ngạ Quỷ.

- Nếu với tâm mạnh mẽ tương ứng với thượng phẩm Thập ác thì liền rơi vào pháp giới Địa ngục”.

Con người sau khi thân hoại mạng chung, nghiệp lực nào mạnh nhất sẽ đưa đi tái sinh ở cảnh giới tương ứng (gọi là nghiệp lực chiêu cảm). Ví như, cái cây bình thời nghiêng về hướng nào, khi ngã sẽ đổ về hướng đó. Người nào biết rõ lý lẽ và lời dạy trên của Chư Tổ và Đức Phật **mà không niệm Phật** thì chưa từng có; Vậy **phải niệm Phật để về cảnh giới Phật** (tránh rơi vào chín cảnh giới kia).

Vả lại, pháp môn niệm Phật là **đễ tu, dễ chứng, hợp thời cơ** như đã trình bày ở Phần một, và là pháp môn mà tất cả chư Phật trong ba đời mười phương phải thực hành để thành Phật (Kinh Nguyệt Đăng Tam Muội).

b. Tiếng niệm Phật

1- Tiếng niệm Phật phải rành rẽ (không lộn lạo), rõ ràng (không trại giọng), chắc thiết, (tâm tiếng khắng nhau). Trong bốn chữ nên nhấn mạnh chữ đầu (A) hoặc chữ cuối (Phật). Kinh nghiệm cho thấy, nếu niệm không rành rẽ, rõ ràng thì khi nhập tâm sẽ không rành rẽ, rõ ràng. Khi niệm nhấn mạnh chữ nào, sẽ nhập tâm chữ đó trước, tiếp theo những chữ kế tiếp. Ví dụ, nhấn mạnh chữ A khi nhập tâm, sẽ ra A Di Đà Phật. Nhấn mạnh chữ Phật, khi nhập tâm nó sẽ ra Phật A Di Đà. Nhấn mạnh chữ Đà, khi nhập tâm nó sẽ ra Đà Phật A Di. Muốn điều chỉnh lại cũng được nhưng mất thời gian khá lâu.

2- Niệm không quá mau, vì mau quá, tâm không bắt kịp tiếng (không chắc thiết), dễ mệt, không niệm được lâu. Niệm quá chậm thì sẽ rời rạc, lơ lửng, có kẻ hờ vọng niệm để chen vào. Không niệm quá mau, không niệm quá chậm, tốc độ vừa phải.

3- Tiếng niệm Phật phải xuất phát từ **tâm**, lên **miệng** ra tiếng, đến **tai** nghe, ý ghi nhận tiếng ấy vào tâm. Như vậy tâm khởi, miệng niệm, tai nghe, tâm ghi nhận, được vậy thân, khẩu, ý (tâm)

đều niệm Phật, xoay vần liên tục như vậy không có kẽ hở thì nhứt định không còn vọng niệm, vọng tưởng nữa. Niệm như vậy là tiếng hiệp với tâm, chắc thiết, hay nói tâm tiếng là một, hoặc nói tiếng ở đâu tâm ở đó, được vậy khi niệm Phật nhứt định tâm đã có Phật. Không thể nói gì khác hơn được.

Lại nữa, kinh niệm Phật Ba La Mật nói: “Danh hiệu Phật là biểu tượng Pháp thân Phật”. Vậy niệm Phật là niệm Pháp thân Phật, nhớ nghĩ như vậy thì không thể nói hữu khẩu vô tâm được.

Nên nhớ; mỗi tiếng niệm Phật là một tiếng kêu cứu Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc đồng thời một lần **đánh thức ông Phật tự tánh**.

c. Giọng niệm Phật

Hòa thượng Tinh Vân ở Đài Loan nói: chúng ta cần thường niệm Phật bằng bốn tâm niệm như sau. Niệm Phật với:

1- Tâm bi thiết là niệm với giọng bi lụy, thiết tha khẩn cầu Phật tiếp dẫn như con té giếng, thiết tha kêu cha mẹ cứu vớt. Giọng này buồn lắm nhưng dễ cảm ứng.

2- Tâm hoan hỷ là niệm với tâm hớn hở vui mừng như người học đạo gặp diệu pháp, sẽ được Phật tiếp dẫn giải thoát, không khác người nghèo được của báu.

3- Tâm như **hư không** là niệm với cái tâm thanh thản (không mong cầu), rỗng rang, vô sự, buông xả vạn duyên, không còn mảy may chấp trước, dính mắc ngũ dục lục trần, danh văn, lợi dưỡng.v.v...

4- Tâm **thực tại** là tùy duyên niệm Phật theo ngoại cảnh, như tiếng nước chảy, gió thổi, chim kêu, xe chạy, tiếng chuông, tiếng mõ v.v... đều **giả tá** tiếng niệm Phật. Mỗi mỗi bất luận là tiếng gì, thậm chí tiếng mắng chửi mình đều giả tá là tiếng niệm Phật.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Nhứt thiết duy tâm tạo” nghĩa là tất cả đều do tâm làm ra, hay “Nhứt thiết pháp từ tâm tướng sanh” nghĩa là tất cả pháp từ tâm tướng sanh ra.

Pháp sư Tịnh Không thường nói: “Tâm tướng sự thành”.

Hoà thượng Quảng Khâm nói: “Tất cả tiếng chim kêu, nước chảy, gió thổi Ngài đều nghe là tiếng niệm Phật, suốt thời gian như thế”.

Để giả tá nhứt là tiếng mõ, tôi và một số liên hữu đã thực hành kết quả rất tốt.

Quý vị nên thực tập pháp “giả tá” này, càng nhiều càng tốt. Bao giờ quý vị nghe được lời căn nhắc của ông xã hay bà xã mình là tiếng niệm Phật, chừng ấy quý vị mới đạt tới niệm Phật, không xen tạp, không gián đoạn, rồi tiến tới **nhứt tâm**.

d. Thái độ niệm Phật

Khi niệm Phật, tâm không nên trụ bất cứ chỗ nào trên thân cả, mà chỉ trụ vào câu niệm Phật (danh hiệu Phật). Gọi là tiếng ở đâu, tâm ở đó, nghĩa là khi miệng niệm Phật, tâm phải có Phật (chắc thật).

1- Niệm Phật bằng cái tâm cung kính, chí thành, khẩn thiết, như vậy mới tương ưng, dễ cảm ứng. Tâm cung kính là tâm kính như đang đối diện với Phật. Tâm chí thành là tâm thành thật cùng cực như con xa nhà, thật lòng muốn gặp lại mẹ hiền. Tâm khẩn thiết là tâm thiết tha, gấp rút như cầu cứu lửa cháy đầu.

Dụng công vậy là hoàn toàn tốt, nhưng thực tế chúng ta khó dụng công nổi mà chỉ có thể dụng công trong thời khóa biểu hằng ngày.

Ngoài thời khóa ta niệm một cách **bình thường** như nói chuyện nhưng phải **nghiêm túc** không phải đùa.

2- Niệm Phật bằng cái tâm buông xả vạn duyên, cái **tâm không**. Tâm không không phải là không có cái tâm mà là tâm rỗng rang, **vô sự**, không chấp trước, không dính mắc cái gì khác ngoài danh hiệu Phật, bằng cái tâm thanh thản nghĩa là không mong cầu gì cả, kể cả không mong cầu thành tựu tịnh nghiệp vãng sanh.

Nhà Phật dạy: người tu phải có nguyện cầu nhưng không mong cầu, vì mong cầu là vọng tưởng chướng ngại đường tu.

Trên đây phân tách tiếng niệm Phật, giọng niệm Phật và thái độ niệm Phật để cho hành giả sơ cơ chọn lựa pháp thích hợp mà hành trì. Đối với người niệm thuần thực, họ tùy duyên, an nhiên, tự tại trước mọi pháp (tiếng, giọng, thái độ niệm Phật). Hiểu như vậy, dù là sơ cơ cũng không nên phân biệt, chấp trước pháp này đúng sai, tốt xấu, hay dở mà gây chướng ngại đường tu.

e. Những điều cấm kỵ

Điều tối kỵ là niệm Phật một cách lơ là, lơ lửng, giả dối, không quan tâm chú ý đến câu Phật hiệu, niệm lấy có, chiếu lệ, niệm cho đủ số. Niệm như vậy đúng là miệng niệm Phật mà tâm không có Phật. Tổ nói: “Thét cho bể cuống họng cũng hoàn không”. Nghĩa là vô ích.

f. Các bệnh đối trị

Người niệm Phật thường bị các bệnh sau: phan duyên, hôn trầm, tán loạn, vô ký.

1- Phan duyên là các căn, nhứt là mắt, tai mũi, chạy theo (duyên theo) sắc, thanh, hương, v.v...

Đối trị: làm ngơ (xả bỏ) ngoại cảnh, tập trung tâm ý (nhiếp các căn) vào câu Phật hiệu.

2- Hôn trầm là buồn ngủ, ngủ gục.

Đối trị: thay đổi vị thế, phương cách, nhịp độ như đang tịnh tọa thì đổi kinh hành, hay lễ Phật. Đang niệm thầm thì đổi niệm ra tiếng. Đang niệm ra tiếng hay niệm thầm thì gia tăng tốc độ (niệm nhanh hơn).

3- Tán loạn là vọng niệm, vọng tưởng khởi dậy quá mạnh, suy nghĩ tứ tung, loạn xạ.

Đối trị:

- Áp dụng pháp Phán văn trì danh, miệng niệm tai nghe. Tập trung tinh thần, lắng lòng (thu nhiếp các căn) khởi dậy câu Phật hiệu rành rẽ, rõ ràng từng chữ, từng câu một.

- Đối với người sơ cơ (mới tập niệm Phật) dùng pháp trên không hiệu quả thì dùng pháp **Thập Niệm Ký Số**, như sau: Niệm rành rẽ, rõ ràng bốn chữ hay sáu chữ cũng được, niệm câu nào nhớ câu nấy, không được lẩn chuỗi, **chỉ dựa vào tâm để nhớ**. Niệm nhớ đủ mười câu, bắt đầu niệm nhớ lại từ một đến mười. Luân chuyển mãi như thế.

Không được quá mười câu. Niệm rõ ràng, **nhớ phân minh**, nghe rành rẽ, không xen tạp, không gián đoạn, không có kẽ hở, làm sao vọng niệm chen vào được.

4- Vô ký là trạng thái không hôn trầm, không tán loạn, lưng chừng, mơ mơ, màng màng,

nửa thức, nửa ngủ, nửa tỉnh nửa mê. Có người **lầm tưởng** là đắc định.

Đối trị giống như tán loạn, hoặc hôn trầm nói trên.

Trên đây nói chung cách đối trị tổng quát, mỗi người có căn tánh, trình độ khác nhau nên khéo léo, linh động, uyển chuyển áp dụng cách đối trị của riêng mình.

j. Thời khoá công phu

Hành giả tịnh nghiệp phải đồng mãnh tinh tấn hành trì miên mật ngày đêm. Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy: “Niệm Phật phải chuyên cần”. Chuyên là tinh ròng, không xen tạp. Cần là không bỏ phí một phút, giây không gián đoạn. Đồng nghĩa này, Tổ thứ mười một, Tịnh Am đại sư, và Tổ thứ mười hai Triệt Ngộ thiền sư đồng dạy: “Niệm Phật phải niệm **KHÔNG XEN TẠP KHÔNG GIÁN ĐOẠN**”. Tổ thứ tám Liên Trì đại sư dạy: “Bí quyết của niệm Phật là **NIỆM NHIỀU**” nhiều ở đây phải hiểu là nhiều câu và nhiều thời gian (24/24 giờ).

Tại sao? Vì:

- Trong A Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư nói: “Mỗi tiếng niệm Phật của mình, tiếng nào mình cũng là Phật rồi”.

- Cổ đức nói: “Nhứt niệm tương ưng (8), nhứt niệm Phật. Niệm niệm tương ưng, niệm

niệm Phật”. Chữ niệm này có thể hiểu hai nghĩa: một tiếng niệm Phật mà được tương ưng thì ngay tiếng niệm Phật đó mình là Phật rồi: hoặc một sát na (thời gian ngắn) niệm Phật được tương ưng, thì ngay sát na đó mình là Phật rồi. Nhiều sát na niệm Phật được tương ưng thì nhiều sát na mình là Phật rồi.

Có người nói: “Niệm Phật lai rai. Như Lai cũng độ. Niệm Phật tà tà Di Đà cũng rước”. Quan niệm này hết sức tiêu cực, may ra ỨC ỨC người có một, nên tránh.

1- Nhập Phật thất

a- Tại chùa

Phật tử nên cố gắng sắp xếp mọi việc gia đình để tham dự những khóa Phật thất do chùa tổ chức, vì đây là cơ hội, nhân duyên giúp ta hành trì niệm Phật mang lại kết quả tốt đẹp nhất. Vì sao?

- Đất già lam là nơi được Thiện Thần Hộ Pháp thường bảo vệ.

- Đạo tràng niệm Phật nhất định được Chư Phật, Chư Bồ Tát trong mười phương thường hộ niệm.

- Từ trường công đức thanh tịnh của đại chúng rất mạnh. Nó tác động mãnh liệt qua lại lẫn nhau, giúp hành giả tỉnh thức, tự dẹp vọng tưởng, tự phá phiền não quay về với tự tánh rỗng

lặng sáng suốt của mình mà niệm Phật, do vậy kết quả tối đa.

- Nhận được những kinh nghiệm quý báu về hành trì niệm Phật của quý Thầy, Sư cô và liên hữu, nên thực hành đúng cách, công phu đặc lực hơn.

- Nhờ hành giả tự khép mình trong khuôn khổ, nội quy, thời khóa tu học nên:

* Tránh được bệnh giải đãi mà đồng mãnh tinh tấn niệm Phật.

* Không tự do phóng túng mà thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức, nhờ vậy mà thân tâm trang nghiêm, thanh tịnh. Đây là yếu tố đạt **nhứt tâm**.

* Dễ thành tựu tịnh nghiệp từng bước một.

Dù chưa thành tựu, cũng nắm được nguyên tắc căn bản, có thêm một số kinh nghiệm hành trì, thực tập được những bước hành vững chắc, có những tiến bộ vượt bậc, làm cái đà để từng bước thành tựu tịnh nghiệp sau này, hầu bảo đảm vãng sanh thỏa chí nguyện thành Phật, cứu độ chúng sanh.

Chùa không đủ khả năng tổ chức Phật thất quanh năm suốt tháng nhưng vào những ngày nghỉ cuối tuần có “Ngày niệm Phật”, vì những lợi ích nói trên, để tự tạo cho mình một hành trang đầy đủ về Cực Lạc, nghĩ vậy thì nhứt định phải

tích cực tham dự thường xuyên không bỏ qua lần nào cả.

b- Tại Tu Viện

Chùa Tịnh Luật đã xây cất chùa mới ở Houston (Texas). Chùa cũ ở Waller (Texas) đổi tên là Tu Viện Tịnh Luật. Nơi đây rộng rãi, mát mẻ, yên tĩnh, có những cốc nhỏ riêng biệt, đủ tiện nghi, cho từng vị một, rất thích hợp cho việc tịnh tu.

Dưới sự hướng dẫn của hai Thầy tu Tịnh Độ đã và đang có những vị Thầy, Sư cô, Phật tử (trong và ngoài tiểu bang Texas) nhập Phật thất tịnh tu nơi đây, thành tựu khả quan.

c- Tại nhà

Nhập Phật thất là cách tu hiệu năng cao nhất. Do vậy nếu vì hoàn cảnh sanh hoạt không đến chùa hoặc tu viện được, thì nên tu Phật thất tại nhà. Thời gian dài ngắn gì cũng được, càng dài càng tốt, ít nhất là một ngày. Người dù bận rộn cách mấy, một tuần cũng có ít nhất một, hai ngày rảnh.

Như ông bà già phải giữ cháu để con đi làm. Hai ngày cuối tuần không đi làm thì chúng phải tự giữ con, để bố mẹ nhập tu Phật thất tự tạo hành trang về Cực Lạc chứ.

Về hình thức và nội dung Phật thất, dựa vào cách tổ chức của chùa và tu viện, uyển

chuyển tùy theo hiện cảnh gia đình, trọng nội dung hơn hình thức.

2- Định khóa hằng ngày

Ở chùa hoàn cảnh thuận lợi hơn nên dễ lập định khóa, quý vị là cư sĩ tại gia thì tùy hoàn cảnh sanh hoạt hằng ngày, tùy khả năng sức lực, khả năng hành trì mà lập định khóa thích ứng. Định khóa không nên quá thấp (uổng phí thời gian) cũng không nên quá cao (khi có, khi không). Chư tổ dạy: “Định khóa có tiền, như định không có thối và thà chết chớ không bỏ qua định khóa”. Lời dạy quý báu này, xin quý vị ghi nhớ cho.

Định khóa niệm Phật có ba phần: Tịnh tọa niệm Phật, Lễ bái niệm Phật và Kinh hành niệm Phật. Ba phần này, **niệm Phật là chánh**, tịnh tọa, lễ bái, kinh hành là **phụ**. Có nghĩa là danh hiệu Phật phải **luôn luôn hiện tiền**, không bị xen tạp, không bị gián đoạn.

Thế nào gọi là không xen tạp, không gián đoạn? Không xen tạp nghĩa là không hoài nghi, ngoài Thánh Hiệu A Di Đà Phật (sáu chữ hoặc bốn chữ) không có bất cứ gì khác, thí dụ như không có niệm Phật Thích Ca, Phật Dược Sư, Quán Thế Âm Bồ Tát, tham, sân, si... không có tạp nghĩ buồn giận, thương, ghét, muốn.

Không gián đoạn nghĩa là chữ nọ nối với chữ kia, câu sau đuôi câu trước nối tiếp liền tù tì không có kẻ hở.

a- Tĩnh tọa niệm Phật: là ngồi mà niệm Phật. Có nhiều cách ngồi.

- Toàn già (kiết già hay gọi là Kim Cang Tọa): gác bàn chân trái lên đùi chân mặt, gác bàn chân mặt lên đùi bên trái, gót hai bàn chân đều phải sát vào bụng.

- Bán già, có hai cách:

* Hàng ma tọa: gác bàn chân mặt lên đùi trái (như Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát).

* Kiết tường tọa: gác bàn chân trái lên đùi mặt (như Ngài Phổ Hiền Bồ Tát).

Tay: hai bàn tay để ngửa, bàn tay mặt đặt lên trên bàn tay trái, vừa sát bụng, và để nhẹ trên hai bàn chân, hai đầu ngón tay cái đầu lại (Tam Muội Ấn).

Lưng tay chân đều đầu vào đó rồi, phải lay chuyển thân thể độ ba bốn lần cho được ung dung và phải giữ xương sống ngay thẳng, chẳng khác nào một cây cột đối với cái nhà. Nếu cột xiêu thì nhà đổ vậy.

Ngồi đúng cách giúp máu huyết lưu thông điều hòa, không bị tê nhứt, thân an định giúp tâm dễ an định.

Hành giả vì lý do bệnh, có thể ngồi trên ghế một cách bình thường vẫn được, vì rằng niệm Phật mới là chánh, còn ngồi là phụ.

Trong suốt thời gian tịnh tọa phải giữ câu Phật hiệu hiện tiền, nghĩa là niệm Phật không xen tạp, không gián đoạn. Niệm tốt nhất vẫn là ý trì và mặc trì.

b- Lễ bái niệm Phật

Lễ bái niệm Phật cũng gọi là lễ bái trì danh. Lạy chậm rãi, khoan thai, đúng cách. Tốt nhất là lạy theo sự hướng dẫn của Pháp sư Đạo Chứng chỉ rõ trong “Niệm Phật chuyên hóa tế bào ung thư”.

“Lễ Phật một lạy tội diệt hằng sa”. Lạy càng nhiều càng tốt nhưng hành giả chuyên tu thì phải ưu tiên giữ câu Phật hiệu hằng hiện tiền (luôn luôn, không xen tạp, không gián đoạn). “Niệm Phật một câu phước đức vô lượng”.

Tùy sức, không nên lạy một lần quá nhiều, mỗi một dễ chán nản. Lạy vừa sức mình, nhiều lần trong ngày vẫn tốt hơn.

c- Kinh hành niệm Phật

Kinh hành niệm Phật là vừa đi vừa niệm Phật. Niệm Phật là chánh, đi là phụ. Phải đi để thay đổi vị thế tránh mỗi một, **không phải đi diễn hành**, tâm trụ nơi Phật hiệu chứ không phải trụ nơi bước chân.

Kinh hành thân quá động, tâm khó an định lắm, nên thời gian dành cho kinh hành ngắn nhất.

Suốt thời gian định khóa, bất luận là bao lâu, từ khi bắt đầu thấp nhang, đến khi kết thúc bằng ba tiếng chuông, phải niệm Phật không cho xen tạp và gián đoạn, nghĩa là ngoài Thánh hiệu Di Đà, không có bất cứ cái gì khác như định nghĩa trên. Định khóa rất cần thiết nó giúp ta tinh tấn không giải đãi.

3- Pháp Thập Niệm

Đối với người mới tập niệm Phật, hoặc người quá bận rộn, nên hành **Pháp Thập Niệm** như sau:

- Sớm mai thức dậy phục sức xong rồi, chắp tay hướng về hướng Tây, niệm: “Nam Mô A Di Đà Phật”. Nên lấy hơi dài, niệm liên tiếp một hơi, kể là một niệm, niệm đủ mười hơi là mười niệm. Nhưng đừng quá cố gắng, hơi hoặc dài ngắn, tiếng hoặc cao thấp, niệm hoặc chậm mau, đều tùy theo sức mình.

- Niệm xong, phát nguyện vắn tắt cầu sanh Tây Phương Cực Lạc.

- Nếu có thờ Phật, nên thấp hương cúng Phật xong đối trước Phật mà niệm, khi vào và lui ra phải lễ Phật ba lạy.

- Chỉ nên niệm mười hơi, vượt quá mười hơi, dễ sanh bệnh.

4- Không định khóa

Hám Sơn đại sư ⁽⁹⁾ khai thị: “Mỗi ngày trừ hai thời công khóa, chỉ đem một câu A Di Đà Phật đặt ngang ngực, niệm niệm chẳng quên, tâm tâm chẳng mê. Với hết thấy sự đời chẳng nghĩ ngợi gì đến. Chỉ lấy một câu Phật hiệu làm **mạng sống** chính mình. Cắn chặt hàm răng quyết chẳng buông bỏ, thậm chí ăn uống, cử động, đi, đứng, nằm, ngồi, một tiếng niệm Phật này, thời thời **hiện tiền**. Nếu gặp cảnh giới thuận, nghịch, vui, giận, phiền não, lúc tâm chẳng yên, bèn đem một tiếng niệm Phật khởi lên, liền thấy phiền não ngay khi ấy tiêu diệt. Bởi niệm niệm phiền não là gốc sanh tử. Nay dùng niệm Phật tiêu diệt phiền não, chính là Phật độ nổi khổ sanh tử. Nếu niệm Phật tiêu được phiền não, liền có thể hết khỏi sanh tử, không có pháp gì khác. Nếu niệm Phật đến khi làm chủ được phiền não, thì làm chủ được mộng寐. Nếu trong mộng đã kiểm soát được thì trong khi bệnh khổ cũng làm chủ được. Nếu đã làm chủ được (bản thân) trong khi bình tật, thì lúc mạng lâm chung, liền biết chỗ sanh về. Sự này chẳng khó làm, chỉ cần làm với một niệm sanh tử, **tâm khẩn thiết**. Chỉ cần dựa vào một mình tiếng niệm Phật không có suy nghĩ gì khác. Lâu ngày **thuần thực**, tự nhiên được đại an lạc, được đại thọ dụng”.

Thảo Am thiền sư dạy: “Trong hết thấy lúc, đều coi là lúc lâm chung, thì thời nào cũng là thời niệm Phật. Niệm Phật như thế mới là tâm

khẩn thiết. Tâm khẩn thiết như vậy mới sanh Tịnh Độ. **Phải chí tử hạ thủ công phu**, mới mong thành tựu tịnh nghiệp. Thường nghĩ đến lúc chết, tâm mới **tha thiết**. Phải như vậy mới có thể đạt đến thành Phật. Đây mới là bí quyết niệm Phật chân thành”.

Cổ đức dạy: “Hành giả niệm Phật, phải niệm ở khắp mọi nơi, mọi chỗ, mọi hoàn cảnh, mọi tình huống ngay cả trong mộng cũng niệm, ấy mới gọi là **chơn niệm**. Niệm đến tâm xót lệ ứa, niệm đến lửa tắt tro lạnh, niệm cho thân gào quỉ khóc. Niệm đến trời vui, đất mừng. Vạc dầu sôi sau lưng, ao sen trước mặt, dầu ngàn vạn người ngăn ta không cho niệm cũng chẳng làm gì nổi”.

Theo đúng lời chỉ dạy trên, ta nên:

- Tập giữ câu Phật hiệu **luôn luôn hiện tiền** trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, động, tịnh, ăn uống, mặc áo, tắm rửa, giặt dũ, vui buồn, phiền não, đau ốm...

- Tập thành **thói quen**, niệm Phật năm, mười câu trước và sau trong những trường hợp sau: Ba bữa ăn (sáng, trưa, chiều), khi tắm, đi vệ sinh, sau khi thức dậy, trước khi đi ngủ, trước khi ra khỏi nhà, sau khi về đến nhà, hay làm những việc gì có tánh cách cố định. Chỉ cần tập một tuần lễ là quen, càng nhiều thói quen càng tốt. Tập thành “ghiền” niệm Phật càng quý.

Tổ thứ Tám, Liên Trì đại sư dạy: “Bí quyết của hành môn niệm Phật là **NIỆM NHIỀU**”. Nhiều ở đây là nhiều câu và nhiều thời gian. Và phải **KHÔNG XEN TẠP, KHÔNG GIÁN ĐOẠN**.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Tùy duyên nhưng bất biến”.

Tổ sư Ấn Quang đại sư dạy: “Một lòng không trụ, muôn cảnh đều nhàn”.

Ngạn ngữ: “Ngọn núi cao không ngăn làn mây bạc” hay “Bụi trúc rậm chẳng ngại dòng nước chảy”.

Vậy hành giả Tịnh độ phải khéo léo linh động, uyển chuyển, tùy duyên, tận dụng tối đa thời gian hành trì **Niệm Phật**.

Ví như người ở nhà bận giữ con cháu hay làm công việc nhà, người làm ở các công sở, hay lúc lái xe đến sở, hoặc lái xe về nhà, thì có thể mở máy cassette để nghe tiếng niệm Phật suốt thời gian này, gọi là khéo léo tận dụng tối đa thời gian niệm Phật để được vãng sanh Cực Lạc.

Ưu Đàm đại sư dạy: “Muốn vãng sanh Cực Lạc, cần chuyên nhất ý niệm, nắm chặt một câu A Di Đà Phật.

- Chỉ một niệm này là **Bổn Sư** của ta.
- Chỉ một niệm này là **Hóa Phật**.

- Chỉ một niệm này là **dũng tướng** phá tan địa ngục.

- Chỉ một niệm này là **bảo kiếm** chém bầy tà.

- Chỉ một niệm này là **đèn sáng** xua tan bóng tối.

- Chỉ một niệm này là **thuyền lớn** vượt qua biển khổ.

- Chỉ một niệm này là **phương pháp hay** thoát khỏi sanh tử.

- Chỉ một niệm này là **đường tắt** ra khỏi ba cõi.

- Chỉ một niệm này là **bản tánh Di Đà**.

- Chỉ một niệm này là thấu suốt **Tịnh độ duy tâm**”.

Chỉ cần nhớ câu A Di Đà Phật này, ở nơi tâm niệm đừng bỏ mất. **Niệm niệm thường hiện tiền, niệm niệm không rời tâm**, rảnh rang cũng niệm như thế, bận rộn cũng niệm như thế, an vui cũng niệm như thế, bệnh khổ cũng niệm như thế, lúc sống cũng niệm như thế, khi chết cũng niệm như thế. Được vậy, **bảo đảm vãng sanh Cực Lạc**.

Vậy thì chúng ta phải: **Quyết chí tử hạ thủ công phu** để vãng sanh Cực Lạc thành Phật độ chúng sanh.

PHẦN V

NIỆM PHẬT THỂ NÀO ĐỂ BẢO ĐẢM VÃNG SANH

Đây là phần chính của quyển sách này. Mục đích nhằm giúp mọi hành giả biết tôn chỉ pháp môn niệm Phật và cách niệm Phật. Một phương pháp thực hành cụ thể đảm bảo vãng sanh. Mục đích như đã trình bày ở phần ba, tiêu chuẩn vãng sanh rất dễ dàng. Trước giờ lâm chung, **chỉ cần phát khởi ý muốn vãng sanh** thì được Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh ngay. **Ý muốn** mà chúng ta nói ở đây là ý thức (thức thứ sáu). Ý thức phải thể hiện ý muốn vãng sanh.

Sát na cuối cùng trước giờ lâm chung:

- Nếu ý thức làm một việc khác như tham sống, sợ chết, luyến ái gia đình, tài sản hoặc bịnh hoạn bức bách mà bịnh nhân lúc đương thời có công phu niệm Phật (nghĩa là chủng tử Phật khá nhiều) thì việc **trợ niệm** nhằm niệm giúp, nhắc nhở ý thức của bịnh nhân quay về niệm Phật là vô cùng cần thiết. Khi đó, ý thức của bịnh nhân lãnh hội, chấp nhận **thực hiện** niệm Phật thì mới được vãng sanh. Bằng như ý thức bịnh nhân quá điên đảo, lãnh hội không nổi, không chấp nhận, không niệm Phật thì mất phần vãng sanh.

- Nếu ý thức bình nhân không hoạt động được nữa thì cho dầu có được trợ niệm vẫn không có kết quả. Thế thì, để bảo đảm vãng sanh, chúng ta phải trông cậy vào thức thứ tám (A Lại Da thức) hoạt động liên tục từ kiếp này qua kiếp khác, cũng gọi là tâm, là tự tánh, thực hiện việc niệm Phật thay vì thức thứ sáu (ý thức).

Đây là chủ đích tối hậu của khóa Phật thất

1. Tiến trình tu tịnh nghiệp

Tiến trình tu tịnh nghiệp như sau:

- Bất Niệm Tự Niệm.
- Sự Nhất Tâm Bất Loạn.
- Lý Nhất Tâm Bất Loạn.

a. **Bất Niệm Tự Niệm:** sẽ trình bày chi tiết ở đoạn năm phần này.

b. Sự Nhất Tâm Bất Loạn: niệm Phật cho đến khi đã phục trừ mọi phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến... cho đến ngày diệt được hết hẳn cả kiến hoặc và tư hoặc, nghĩa là không bị kiến tư hoặc làm loạn. Đây là Sự Nhất Tâm Bất Loạn. Ngôi vị này ngang hàng A La Hán của Thanh Văn và đắc định của Thiên Tôn.

c. Lý Nhất Tâm Bất Loạn: niệm Phật cho đến khi nào tâm mình mở ra, mình thấy được Phật của tâm **tánh mình**, thấy được chư Phật ở mười phương. Chứng được pháp môn Bất Nhị

nghĩa là không bị tà thuyết nhị biên làm loạn. Đây là Lý Nhất Tâm Bất Loạn. Ngôi vị này ngang hàng thiên tông là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, là Đại Bồ Tát. Hòa thượng Trí Tịnh còn nói: “Người ấy còn ở Ta Bà cũng là vị Đại Bồ Tát”.

Trong suốt tiến trình từ khi bắt đầu thực tập đến khi đạt được bước thứ nhất (Bất Niệm Tự Niệm), dần dần đến Lý Nhất Tâm Bất Loạn cũng **chỉ cần niệm một câu Phật hiệu duy nhất** thôi. Đúng như kinh Lăng Nghiêm đã dạy: “Không cần phương tiện gì khác, tự được khai tâm”. Như chư Tổ dạy: “**Một câu A Di Đà Phật thành Phật còn có dư**”.

2. Những yếu quyết niệm Phật được Nhứt tâm

Đại sư Hám Sơn dạy: niệm Phật muốn được nhất tâm cần có năm yếu quyết sau đây:

- Phải có chí quyết định.
- Phải nhận rõ không mê lầm.
- Phải buông bỏ được.
- Phải tùy duyên..
- Phải có tâm chán khổ khẩn thiết.

Pháp sư Tịnh Không cũng dạy:

- Nhìn thấu.
- Buông xuống.
- Tự tại.

- Tùy duyên.
- Niệm Phật.

a. Phải có chí quyết định

Ngạn ngữ có câu: “Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông” hoặc “Thành tâm sở chí, kim thạch vị khai” tạm dịch: “Lòng chí thành có thể chẻ đá, phá vàng”, hay như người đời thường nói: “Mọi thành tựu trên thế gian này dành cho kẻ có ý chí và nghị lực”.

Hoặc: “Niệm Phật không khó, khó ở bền lâu. Bền lâu không khó, khó ở nhất tâm. Nhất tâm không khó, khó ở **quyết tâm**”.

Vậy thì, hành giả Tịnh độ muốn thành tựu từng công phu thấp nhất là Bất Niệm Tự Niệm phải có ý chí kiên cường là giữ vững lập trường, bền tâm quyết chí, không chùn chân, dừng bước, không thay đổi (quyết định), phải có nghị lực kiên cố, nhẫn nại sẵn sàng san bằng mọi nghịch cảnh, chướng duyên và một **quyết tâm** cao như leo núi cao, từng bước vững chắc nhứt định lên đến đỉnh mới thôi.

b. Phải có tâm nhận rõ không lầm

Kinh dạy: “Nhứt thiết hữu vi pháp như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ, diệc như điện”. Tạm dịch: “Tất cả pháp hữu vi (pháp do tạo tác sinh ra hay do sai biệt sinh ra) như mộng寐 (không thật), giả (huyễn ảo) như bọt nước trên

biển cả, như bóng trong gương (không thật), như hạt sương trên đầu ngọn cỏ, ánh điện chớp trên bầu trời, có đó liền mất đó (biến dịch, vô thường, vô ngã).

Thiền sư Không Đàm nói: “Công danh cái thế, màn sương sớm. Phú quý kinh nhân, giấc mộng dài”. Tạm hiểu là công danh dù hơn đời cũng chỉ là hạt sương sớm mai trên đầu ngọn cỏ, mặt trời vừa ló dạng sương nọ tiêu tan ngay. Giàu có, rùng tiền, bạc biển, đến nỗi người phải kinh sợ cũng chỉ là giấc mộng dài mà thôi.

Chư Tổ dạy: “Bản lai vô nhất vật hay Vạn Pháp giai không”. Nghĩa là trong bản tánh chân tâm không có một vật gì cả, tất cả các pháp đều là **không**.

Còn về vợ chồng, con cháu thì sao?

Chư Tổ dạy: “Vợ chồng là oan gia, con là đòi nợ, trả nợ, đền ơn hay báo oán mà thôi”. Nói như vậy không có nghĩa là vứt bỏ tình nghĩa vợ chồng, con cháu mà là **phải và chỉ** làm tròn bổn phận làm vợ, chồng, cha, mẹ chứ không chấp trước, dính mắc, tình ái là gốc sinh tử luân hồi, chương nạn vãng sanh Cực Lạc. Phải nhận thức rõ như trên, mới gọi là nhìn thấu nhận rõ, không mê lầm.

c. Phải buông bỏ được (buông xuống, xả)

Đức Thế Tôn đã bỏ ngôi báu, cung vàng, điện ngọc, rời cha hiền, vợ đẹp, con ngoan, xuất

gia tu đạo, sống cuộc đời đạm bạc ba y, một bát, v.v... để rồi đắc đạo Giác Ngộ, trở thành bậc tôn quý nhất thế gian này, là bậc Thầy vĩ đại của người, trời, là Cha hiền của muôn loài. Đây là tấm gương sáng cho hàng Phật tử chúng ta.

Nhà Phật dạy: “Xả đắc” nghĩa là xả thì được. Xả một được một, xả mười được mười, xả tất cả được tất cả”. Vậy thì xả cái gì?

Pháp sư Tịnh Không dạy: “Xả ngũ dục, lục trần, danh văn, lợi dưỡng, tự tư, tự lợi, tham, sân, si, mạn”(mười sáu chữ).

Cổ đức dạy: “Hạnh khởi giải tuyệt” nghĩa là bắt đầu công phu thì phải buông bỏ mọi kiến giải, dù là kiến giải tịnh độ.

Về tình ái cũng không dính mắc.

Tất cả chúng ta, ai ai mới sinh ra đều là **Trần Văn Trụi** để rồi ra đi là **Trần Trắng Tay**. Đến chẳng mang lại gì (không), đi cũng chẳng mang gì theo (không, có chẳng là nghiệp đã tạo). Thế mà chấp thủ làm chi? Quý vị hãy thử nghĩ coi, quý vị đã trân quý, bằng mọi cách chất chứa, cố gìn giữ tiền của, danh vọng, sắc đẹp, v.v... thế mà nó cũng đã từng bỏ quý vị rồi. Những thứ hiện còn giữ, rồi một ngày nào đó, vô thường đến quý vị ra đi, dù quý vị luyện tiếc, quyết giữ nó, thử hỏi có giữ được không, hay là bắt buộc xuôi tay mà ra đi.

Tóm lại trước sau gì cũng phải buông bỏ mà thôi. Nếu để chết mới buông bỏ, ôi thôi! Cả đời đã gây quá nhiều ác nghiệp, quyết định bị đọa vào ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Chi bằng bây giờ buông bỏ, quyết chí niệm Phật A Di Đà, đạt Bất Niệm Tự Niệm, vãng sanh Cực Lạc, thành Phật độ sanh (trong đó dĩ nhiên có ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con cháu nhiều đời nhiều kiếp của mình) theo gương sáng của Đức Bổn Sư Thế Tôn có tốt hơn không?

Lại nữa, kinh Niệm Phật Ba La Mật dạy: “Người niệm Phật trong khi xưng danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, phải phát khởi cái tâm, lia bỏ tất cả”.

Phàm phu chúng ta thường hay hẹn, hẹn ngày mai. Cái ngày mai đó không bao giờ có, như “ngày mai ăn bánh khổi trả tiền”. Người xưa dạy: “Ngay giờ, quyết dứt, liền thôi dứt, chờ đợi cho xong, chẳng lúc xong”.

d. Phải tùy duyên

Tùy duyên thì an mệnh. Hãy an phận thủ thường, ít muốn biết đủ, giàu sống theo giàu, nghèo sống theo nghèo, sang sống theo sang, hèn sống theo hèn, vinh sống theo vinh, nhục sống theo nhục.

Thích nghi với mọi hoàn cảnh, mọi tình huống. Giữ vững lập trường, bền lòng vững chí,

không chùn chân, dừng bước. Đó gọi là tùy duyên nhưng bất biến.

Về hành trì cũng phải tùy duyên.

- Tùy theo nhà lớn nhỏ, có bàn thờ Phật hay không, chớ nên chấp chặt vào nghi thức.

- Về thời khóa cũng vậy, phải tùy theo thời gian rảnh rỗi hay bận rộn, sức khỏe và căn cơ của mình, phải biết uyển chuyển như ngạn ngữ dạy: “Trúc kín đâu ngăn dòng nước chảy” hay “Núi cao chẳng ngại án mây bay”.

Điều quan trọng là phải biết uyển chuyển tận dụng thời gian và sức lực, chớ buông trôi, giải đãi.

Tóm lại, hành giả phải tùy duyên nhưng bất biến. Bất biến nhưng tùy duyên, phải làm chủ lấy mình, không để bị cảnh duyên, linh động, uyển chuyển, tận dụng thời gian, sức lực, phải hạ quyết tâm cao, kiên nhẫn tinh tấn niệm Phật đó mới thật là người trí chân tu.

Tùy duyên nhưng không phan duyên.

e. Phải có tâm chán khổ khẩn thiết

Phật dạy rằng Ta Bà là cõi khổ. Cái khổ có vô lượng. Tạm chia có tam khổ là: Khổ khổ, Hoại khổ và Hành khổ. Khổ khổ là khổ chồng thêm khổ, như các thứ bệnh tật, đói khát liên tiếp nối đuôi nhau làm ta khổ mãi. Hoại khổ là các pháp

vô thường hủy hoại nên khổ. Hành khổ là các pháp đòi đòi vô thường mà sinh khổ não.

Bát khổ là: Sinh khổ, Lão khổ, Bệnh khổ, Tử khổ, Ái biệt ly khổ, Cầu bất đắc khổ, Oán tắng hội khổ, Ngũ ấm xí thành khổ. Ái biệt ly khổ là thương yêu xa lìa nên khổ. Cầu bất đắc khổ là mong muốn mà không được nên khổ. Oán tắng hội khổ là những người ta oán ghét mà gặp gỡ nên khổ. Ngũ ấm xí thành khổ là năm ấm vận hành lấy lừng nên khổ.

Cõi Cực Lạc ngay cả danh từ khổ còn không có, làm sao có cảnh khổ. Cõi này toàn là những sự an vui, hạnh phúc cùng cực. Ăn, mặc, ở đều được như ý, muốn gì được nấy (tùy tâm sở hiện), chung sống thượng thiện nhơn, làm bạn với Bồ Tát (Bồ Tát vi bạn lữ), gần Phật A Di Đà, ngày đêm được nghe diệu pháp, không già, không bệnh, không chết, sống mãi (Vô Lượng Thọ) cho đến khi thành Phật.

Vì nhàm chán cảnh khổ ở Ta Bà, ham thích cảnh vui miền Cực Lạc nên ta phải dũng mãnh phát tâm niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc.

3. Chuyên tu chánh hạnh

Thế nào là Bất Niệm Tự Niệm? Bất Niệm Tự Niệm là không cần phải dụng công, không cần phải tác ý (không cần ra sức) mà cái tâm nó tự

niệm liên tục không gián đoạn cho đến giờ phút cuối cuộc đời.

Hoà thượng Thiên Tâm đã dạy: “Khi ta niệm Phật, danh hiệu Phật là hạt giống (chủng tử) gieo (huân tập) vào tạng thức, khi sức dồn chứa, huân tập đã nhiều, chủng tử tự khởi hiện hành. Đó là không niệm tự niệm. Muốn được huân tập nhiều là phải niệm Phật nhiều. Muốn niệm Phật được nhiều không cách nào hơn chuyên tu.

Quán Kinh Sớ quyển bốn nói: “Từ công hạnh mà thiết lập tín tâm. Nhưng công hạnh có hai loại, một là chánh hạnh, hai là tạp hạnh. Chánh hạnh tức là chỉ y tựa vào các kinh vãng sanh mà tu tập. Chánh hạnh là như thế nào?

- Một là nhất tâm chuyên tụng Quán Kinh, A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, v.v...

- Hai là nhất tâm chuyên chú, suy gẫm, quán sát, ức niệm sự trang nghiêm của chánh báo và y báo của cõi Cực Lạc.

- Ba là nếu như lễ lạy, thì chỉ chuyên tâm lễ lạy Đức Phật A Di Đà.

- Bốn là nếu xưng danh, thì chỉ nên xưng tán danh hiệu của Đức Phật A Di Đà.

- Năm là nếu như tán thán cúng dường, thì chỉ nên nhứt tâm tán thán cúng dường Đức Phật A Di Đà.

Đây gọi là Chánh Hạnh

Lại nữa trong phân chánh hạnh, có hai loại: nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, đi, đứng, nằm, ngồi bất luận thời gian dài ngắn, niệm niệm không quên, đây gọi là **ngiệp chánh định**, thuận theo bốn nguyện của Đức Phật A Di Đà. Còn các nghiệp: lạy Phật, tụng kinh, tán thán Phật A Di Đà, quán sát cõi Cực Lạc đều gọi là **ngiệp phụng**.

Ngoại trừ hai hạnh chánh và phụng này ra, các hạnh khác đều gọi là **tạp hạnh**.

Câu trên ý muốn nói tạp hạnh nhiều vô lượng không thể nói hết được, thế nhưng ở đây nêu lên năm loại chánh hạnh làm **chuẩn**, ngoài ra đều là **tạp hạnh**.

4. Nhập tâm

a. Chuyên cần niệm Phật

Đức Phật dạy: “Không một thành tựu nào mà thiếu sự tinh tấn. Nếu không tinh tấn thì không có một công đức nào thành tựu cả”. Tinh tấn là thế nào? Tinh là tinh chuyên. Tấn là tấn tới, tiến bộ. Tinh tấn niệm Phật là phải chuyên niệm (chánh hạnh) mỗi mỗi ngày càng nhiều hơn (tiến bộ). **Niệm không xen tạp, không gián đoạn.**

Cổ Hòa thượng Đức Niệm khai thị: “Niệm Phật như nấu nước sôi, nước sắp sôi, tắt lửa để nguội, rồi nấu lại, nước sắp sôi lại tắt lửa, v.v...”

nấu mãi như vậy nấu suốt đời nước cũng không sôi”. Nghĩa là niệm Phật **gián đoạn** thời không thể thành tựu.

Cố Hòa thượng Tuyên Hóa cũng khai thị: “Niệm Phật cũng giống như gọi điện thoại, điện thoại có mười số thì phải quay (bấm) đủ mười số và phải đúng số”. Nghĩa là niệm Phật phải niệm nhiều, đúng cách (như pháp) mới có kết quả. Nên nhớ, giọt nước nhỏ, dần dần đầy lu lớn. Nước đầy rồi, tiếp tục nhỏ, chừng ấy không muốn tràn, nó vẫn cứ tràn một cách tự nhiên, không ai ngăn cấm nó được. Niệm Phật và nhập tâm cũng thế.

Tôi còn nhớ rõ, năm 1999, lúc đang thỉnh đại hồng chung, bỗng nhiên tự nghe thấy câu A Di Đà Phật vang dội trong tâm, mừng quá, tiếp tục niệm liên tù tì (không xen tạp, không gián đoạn), định trưa không ăn quá đường với quý Thầy, ở trong cốc niệm Phật, thế mà “Phật hiệu” không khởi lên nữa mà chìm mất luôn. Đầu năm 2001, tôi nhập thất, sau hơn năm tháng, ngày đêm miên mật niệm Phật, trưa nọ vừa đặt lưng xuống giường, tự dung “tiếng trong tâm” khởi dậy. Tôi nghe đủ thứ, ban đầu nguyên bài chú Đại Bi, sau là Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Trưa hôm sau lại tự nghe lời ca cải lương và tiếng nói của người thân đã chết năm năm rồi. Tôi tự nghĩ, người chết đã quên hẳn trong quá khứ, cải lương thì từ nhỏ mình không ưa thích, tại sao bây giờ nó lại khởi dậy?

Trong lúc đó, đầu tôi thường nghe nổ bốp, bốp, bốp..., thân đi đứng tựa hồ không vững, xúng vủng, xơ vơ. Thân tâm như vậy nên hoang mang lo sợ, tôi hỏi sư huynh, huynh bảo: “Vì đệ dụng công quá mức, đủ can đảm tiếp tục hành trì như vậy thì một đắc hai diên” và khuyên tôi trì chú Lăng Nghiêm. Tôi tự nghĩ, đắc thì từ từ, tội gì phải liều mạng như vậy chứ? Trì chú Lăng Nghiêm là trị ma, như vậy là tôi bị tẩu hỏa nhập ma hay là bị ma phá chứ gì? Từ đó, tôi lấy trì chú làm chánh, niệm Phật là phụ. Muốn được vãng sanh, tôi trì thêm chú vãng sanh (Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương, Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đa Ra Ni) và chú Vô Lượng Thọ. Hai năm rưỡi sau, đủ ba năm, tôi ra thất **trắng tay**. Đầu năm 2005, tôi vô thất trở lại và tìm đọc sách khai thị Tịnh Độ, đọc đến câu nhà thiền nói: “Đầu sào trăm trượng phải biết bước thêm một bước nữa”. Câu này tôi đã biết từ năm 1980 (lúc đó tu thiền), ở đây có thêm bốn chữ “**Tịnh Độ cũng vậy**”. Chỉ vòn vẹn bốn chữ, nó đánh thức tôi. Đẹp hết sách vở, ngày đêm miên mật niệm bốn chữ A Di Đà Phật. Mười hai ngày sau nhập tâm. Bây giờ ngồi nghĩ lại, nếu hồi đó mình gặp Thầy Minh Tuệ thì đâu phải hoang phí sáu năm trời, tuổi trên bảy mươi, thời gian quý từng ngày, sáu năm quá dài, quá dài. Do vậy, tôi tự phát tâm chia xẻ kinh nghiệm cho bất cứ ai có duyên. Đây là lý do chánh khiến tôi tự thuật trong đoạn văn này. Trình bày dài dòng như vậy, không ngoài mục

đích giúp quý vị rút kinh nghiệm, có bài học thực tiễn hơn.

Bao nỗi lo âu sợ hãi trước đây chỉ cần năm chữ “chúng tử khởi hiện hành” là hóa giải ngay, thế mà không biết, quả thật đại ngu, trả cái giá hoang phí sáu năm trời. Ôi, quá đắt, quá đắt!!!

Qua một quá trình luân tập như pháp (đúng cách) hạt giống danh hiệu Phật A Di Đà dồn chứa đầy đủ ở tạng thức (thức thứ tám), nó (hạt giống Phật) **tự khởi hiện hành**. Tiếng niệm Phật bấy giờ không phải phát ra từ miệng như mọi khi mà phát ra từ **tạng thức** hay nói là **tâm**, là **Tự Tánh** nó **Tự niệm**.

Tiếng niệm Phật phát ra từ miệng là do ý thức (thức thứ sáu) chỉ đạo. Nếu vì lý do gì đó, ý thức ngưng hoạt động, như đã nói ở trên thì không niệm Phật được nên mất phần vãng sanh.

Bất niệm tự niệm là **tự động tạng thức** nó **tự niệm** (mình không dụng công tác ý để niệm bằng miệng hay bằng ý). Thức này thường còn hoạt động không ngừng nghỉ, hoạt động toàn thời gian nên lúc nào cũng niệm Phật được nên nói là bảo đảm vãng sanh trong mọi tình huống.

b. Trạng thái nhập tâm

Khi ta **không** dụng công niệm Phật mà **vẫn nghe** (phải nghe chứ không phải nghĩ, không phải tưởng tiếng niệm Phật, cũng không phải biết). Cái nghe này có hai trường hợp:

- Nghe bằng lỗ tai, nhĩ căn, nhĩ thức **dur âm** niệm Phật của mình hay của người khác. Khi nghe tiếng, thử bịt lỗ tai lại, nếu **không còn nghe** thì cái nghe này thuộc trường hợp trên (dur âm). Bằng như **còn nghe**, chứng tỏ rằng tiếng niệm Phật này không phải ở ngoài không gian, mà là ở trong nội tâm mình phát ra, và lúc này mình không nghe bằng lỗ tai, nhĩ căn, nhĩ thức nữa, mà nghe bằng **tánh nghe**, nhà thiền gọi là tánh trong căn. Trường hợp này mới đúng là phản văn, văn tự tánh, nghĩa là quay cái nghe lại, nghe tự tánh mình niệm. Đây tạm gọi là **nhập tâm**.

Nhân đây, tôi muốn nhấn mạnh với tất cả hành giả hai điều trọng yếu nhất:

- Tổ thứ mười ba Ấn Quang đại sư dạy: “Chưa được mà nói là được, hoặc được mười mà nói mười một là **đại vọng ngữ** sa A Tỳ Địa Ngục”.

- Tổ thứ hai Thiện Đạo đại sư dạy: “Người đã được, nói là được để **khoe khoang, khoát lác** là nuôi lớn cái **ta**, từ đó sanh ra cống cao ngã mạn thì **bao nhiêu công đức tu hành tự thiêu hủy hết**”.

c. Huân trưởng mức nhập tâm

Nhập tâm là chỉ trạng thái **ban đầu** của Bất Niệm Tự Niệm. Bao giờ dù mình **không** niệm mà vẫn nghe tiếng niệm Phật liên tục không gián đoạn, suốt thời gian từ sáng đến tối, đến khi

ngủ quên, như vậy mới đúng nghĩa Bất Niệm Tự Niệm. Còn như mỗi ngày chỉ nghe được năm, mười câu hay năm mười tiếng đồng hồ thì **chưa đúng** là Bất Niệm Tự Niệm, chỉ gọi là **nhập tâm** (dấu hiệu ban đầu của Bất Niệm Tự Niệm) mà thôi.

Có nhiều vị nhập tâm năm, ba năm rồi mà không biết cách nuôi lớn, nên nó vẫn **y như cũ**, tệ hại hơn có vị bị **mất hẳn** không còn nghe nữa. Mất hẳn ở đây có nghĩa là không còn nghe, chứ thật ra chúng tử niệm Phật vẫn còn tích chứa trong tạng thức, chẳng qua là bị những chúng tử hữu lậu che lấp, nên tạm gọi là bị chìm thì đúng hơn.

Vậy thì phải nuôi lớn (huân trưởng) bằng cách nào?

Tức huân trưởng mức nhập tâm (huân là huân tập, trưởng là trưởng dưỡng) như thế nào để trở thành Bất Niệm Tự Niệm.

Tùy theo túc căn và công phu sâu cạn của mỗi người mà sự nghe ban đầu số câu nhiều, ít, thời gian dài, ngắn, tiếng lớn nhỏ, khác nhau. Nghe tiếng của mình hay của người khác, tùy thuộc vào sự huân tập tiếng của ai nhiều, thì nghe tiếng của người đó trước (của mình hay của máy niệm Phật).

- Khi nghe niệm câu Phật hiệu (tự niệm) thì mình niệm theo cách nào cũng được, ra tiếng là tốt nhất, nếu có sức.

Bằng không, lắng lòng nghe tự niệm câu Phật hiệu thôi. Khi ngưng tự niệm câu Phật hiệu thì mình niệm **mỗi** ra tiếng tốt nhất, thời gian dài, ngắn tùy mỗi người.

Thí dụ: tự niệm mười (10) câu Phật hiệu, mình niệm mỗi ba mươi (30) phút, ngưng coi có tự niệm lại không, nếu chưa chịu niệm thì mình niệm mỗi thêm mười (10) phút nữa. Nếu có tự niệm thì mình ngưng. Đếm coi tự niệm mấy câu, khi câu Phật hiệu ngưng, mình niệm mỗi.

Ví như lần đầu niệm mỗi bốn mươi (40) phút, lần thứ hai mình phải niệm mỗi đủ bốn mươi (40) phút mới có tự niệm. Nhiều lần như vậy, nếu tự niệm tăng số câu, thì mình giảm số phút niệm mỗi. Khi tự niệm tăng, mình giảm niệm mỗi. **Cho đến khi nào luôn luôn có tự niệm mình khỏi niệm mỗi, mà mình nghe tiếng niệm Phật liên tục không gián đoạn suốt thời gian còn thức, như vậy mới đúng nghĩa Bất Niệm Tự Niệm.**

Khi niệm lực còn yếu, đọc sách vài hàng, vài trang, không còn nghe nữa. Huân tập nhiều cho đến khi nào đọc sách cả ngày vẫn nghe liên tục không gián đoạn. Tiến sâu hơn, lấy động tu tịnh, giữa đại chúng cả trăm người cùng quý Thầy tụng kinh, cả đạo tràng, tràn ngập lời kinh, cùng

tiếng chuông, mõ mà ta nhiếp được nhĩ căn không cho nó phan duyên theo ngoại cảnh, lắng lòng nghe được tiếng niệm Phật của tự tâm một cách liên tục không gián đoạn. Được vậy mới gọi là **không bị cảnh chuyển, làm chủ được mình bảo đảm vãng sanh.**

5. Bất Niệm Tự Niệm

Bất Niệm Tự Niệm là bước đầu để bảo đảm được vãng sanh. Trong Kệ Niệm Phật, Hòa thượng Trí Tịnh nói: “Niệm Phật đến **Niệm lực được tương tục mới đúng nghĩa chấp trì danh** mà Đức Thế Tôn dạy trong kinh A Di Đà”.

Lời này không phải của Ngài tự nói, mà là lời của Nhị tổ Thiện Đạo (12) và Bát tổ Liên Trì đại sư nói từ ngàn xưa. Niệm Phật khi tâm được **thuần thực** rồi thì nó có cái trón niệm Phật nơi **tâm**. Lúc đó không cần phải tác ý, không cần phải dụng công, nhưng nơi **tâm** vẫn cứ tiếp tục nổi lên tiếng niệm Phật. Không dụng công tác ý mà nó niệm không gián đoạn gọi là được **niệm lực tương tục**. Dù không niệm cái tâm nó vẫn **tự niệm** nên gọi là **Bất Niệm Tự Niệm**.

Hòa thượng Thiện Tâm dạy: “Nên biết lúc hành giả khởi niệm, thì mỗi câu Phật hiệu đều đi sâu vào tạng thức. Khi sức dồn chứa huân tập đã nhiều, tức câu niệm Phật từ nơi tạng thức tự phát

ra trong khi thức hay lúc ngủ. Đây gọi là cảnh giới **Bất Niệm Tự Niệm**”.

Nhi vị hòa thượng Trí Tịnh và Thiền Tâm dựa vào ý của chư Tổ, hai Ngài đã từ bi giảng dạy trạng thái Bất Niệm Tự Niệm quá rõ ràng như vậy mà có người không tin, còn hồ nghi thật là lạ!!!

Xin được nhấn mạnh một lần nữa: đây là lời của Nhị Tổ Thiện Đạo và các vị Tổ khác.

Huân trưởng Bất Niệm Tự Niệm.

Muôn huân trưởng Bất Niệm Tự Niệm, hành giả phải: tịnh tọa, lắng lòng, chú ý, lắng nghe tiếng niệm Phật của tự tánh.

Tịnh tọa: là ngồi yên lặng nên đọc tịnh tọa niệm Phật (nói ở phần bốn: Thời khóa công phu)

Lắng lòng: lắng lòng cũng gọi là nhiếp tâm, định tâm nghĩa là lúc ấy buông xả vạn duyên, không nghĩ thiện, không nghĩ ác, không tính toán lợi hại, được mất, hơn thua, vinh nhục, không dính mắc sáu trần, không nhớ nghĩ thế sự, quá khứ, hiện tại, vị lai. Lúc này tâm không hướng ngoại mà quay hẳn vào trong, rỗng rang, vô sự. Y như Lục Tổ Huệ Năng bảo Thượng tọa Huệ Minh: “Thượng tọa hãy **lắng lòng** nghe ta nói, trong lúc không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là Bản lai diện mục của Thượng tọa Huệ Minh?” Ngắn gọn, giản dị như thế mà Thượng tọa Huệ

Minh tự khai ngộ, nhận ra bản lai diện mục (Phật tánh) của chính mình. Nhờ đâu? Nhờ lắng lòng.

Kể đến là **chú ý (tác ý)** lắng lòng rồi chăm chỉ chú ý, vì tâm vô nhị dụng, tâm không thể làm một lúc hai việc, chú ý nghe là cột tâm vào câu Phật hiệu, thì tâm không có niệm gì khác được (không vọng niệm). Lắng lòng, chú ý rồi **lắng nghe** nghĩa là dùng cái tâm rỗng rang vô sự lắng nghe (bằng tánh nghe) rành rẽ, rõ ràng, từng tiếng, từng câu niệm Phật của tự tánh. Đây mới **thật sự** là nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm nối tiếp mà kinh Lăng Nghiêm, Phẩm Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương đã dạy.

Làm được bốn điều này trong thời gian ngắn hành giả sẽ đạt thành một khối. Tiếp tục hành trì như thế sẽ tiến đến nhất tâm bất loạn (sự rời lý, cũng gọi là Niệm Phật Tam Muội) không cần phương tiện gì khác như Kinh Lăng Nghiêm đã dạy.

Trong lúc lắng nghe, câu Phật hiệu dù có **nhANH, nuỐT chữ hay nhỏ**, cũng mặc kệ cứ một lòng lắng nghe từng tiếng, từng câu một. Thậm chí tiếng niệm Phật **bị mất hẳn**, cũng mặc kệ (không niệm môi như huân trường mức nhập tâm nói trên) cứ một lòng lắng nghe tự nhiên tiếng niệm Phật sẽ nổi lên lại.

Lặp đi lặp lại nhiều lần như vậy. **Kiên tâm bền chí** hành trì như thế lâu ngày sẽ không còn bị

gián đoạn mà nối tiếp liên tục và thành một khối, bước đầu của nhất tâm bất loạn.

Phàm làm việc gì, khi mình nhận thức được lợi ích của việc làm đó, mình mới hăng say, thích thú mà làm. Niệm Phật hay huân trưởng cũng không ngoài nguyên tắc này. Vậy hành giả nên tự tạo cho mình động cơ thúc đẩy, ta dùng mãnh tinh tấn hành trì miên mật bằng cách tu tập cho ta có những khái niệm sau đây:

- Khái niệm rằng: bốn chữ A Di Đà Phật không phải là danh tự rỗng mà là biểu tượng Pháp Thân Phật A Di Đà (Kinh niệm Phật Ba La Mật). Niệm A Di Đà Phật là niệm Pháp Thân của Ngài nhớ nghĩ cầu cứu Ngài tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc quốc. Chắc chắn ta được vãng sanh, nếu không thì Ngài trái với bốn nguyện (trái lời thề). Ngài đâu còn là Phật. Vả lại kinh dạy: “Mặt trời, mặt trăng có thể rơi rụng, núi Tu Di có thể tiêu tan nhưng lời nói của Phật không bao giờ hư dối” huống hồ đây là lời thề.

- Khái niệm rằng: bốn chữ A Di Đà Phật là Vạn Đức Hồng Danh. Thánh Hiệu này được tạo thành bởi vô lượng công đức mà Tỳ Kheo Pháp Tạng (tiền thân của Đức Phật A Di Đà) tu tập trong vô lượng kiếp, nên nói Thánh Hiệu này tích tụ bao hàm vô lượng công đức. Liên Tông Cửu Tổ Ngẫu Ích đại sư nói: “Niệm A Di Đà Phật để vời công đức đến với mình, thì công đức nào cũng phải đến hết”.

- Khái niệm rằng: “Niệm Phật thành Phật.” (Nhân nào quả nấy) khi hành giả niệm Phật là một mặt cầu cứu Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh, mặt khác đánh thức ông Phật của tự tánh mình. Cổ Đức nói: “Nhất niệm tương ứng, nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Ngẫu Ích Đại Sư cũng nói: “Mỗi tiếng niệm Phật, tiếng nào mình cũng đã là Phật rồi”.

- Khái niệm rằng: tiếng niệm Phật siêu việt hơn hết mọi âm thanh, vì bản thể của nó là toàn bộ công đức, trí tuệ, hạnh nguyện của Phật, có công năng thỏa mãn mọi nhu cầu của mình (tội diệt, phước sanh), có công năng tuyệt vời là chuyển hóa hết những chủng tử hữu lậu như tham, sân, si... bạch tịnh hóa tạng thức, chuyển tám thức thành bốn trí (13). Ngắn gọn là chuyển đổi thân tâm dần dần thanh tịnh mà mình không hề hay biết (Kinh Niệm Phật Ba La Mật)

Hành giả **kiên tâm, bền chí** hành trì sẽ cảm nhận sự vi diệu không thể nghĩ bàn.

Lưu ý: hành giả đạt Bất Niệm Tự Niệm rồi, phải duy trì tình trạng này **suốt đời** để được bảo đảm vãng sanh.

6. Bảo đảm vãng sanh

Hòa thượng Trí Tịnh dạy: “Người tu Tịnh Độ phải đạt được từng công phu thập nhất là **Bất Niệm Tự Niệm** mới **bảo đảm vãng sanh**”. Bảo

đảm vãng sanh không phải là ý riêng của Ngài mà là ý của Tổ (như đã trình bày ở trên).

Liên Tông Cửu Tổ Ngẫu Ích Đại Sư dạy: “Cốt sao tin cho đến nơi, giữ cho ổn, thẳng một bè mà niệm. Hoặc là suốt ngày đêm niệm mười vạn, hoặc năm vạn, ba vạn, lấy số câu quyết định chẳng thiếu làm chuẩn. Trọn cả đời này, thế chẳng biến cải. Nếu chẳng được vãng sanh thì **tam thế chư Phật đều nói dối**”.

Một Đức Phật nói dối còn chưa từng có, huống hồ ba đời tất cả chư Phật nói dối, quyết định là tuyệt đối không bao giờ có việc này.

Điều đáng bàn ở đây là làm sao một ngày đêm niệm được tối thiểu **ba vạn** (30.000) câu Phật hiệu và niệm suốt đời. Như hiện nay chúng ta niệm Phật bằng miệng hay bằng ý, đều phải dụng công tác ý, hao hơi tổn khí lực rất nhiều nên không tài nào niệm được nhiều và lâu, suốt đời như đã ấn định trên.

Muốn đạt được tiêu chuẩn nói trên hầu bảo đảm vãng sanh, nhất là trong trường hợp ý thức không có khả năng giúp hành giả niệm Phật thì chỉ có một cách duy nhất là **phải đạt được Bất Niệm Tự Niệm**.

PHẦN VI

KHUYẾN TẤN HƯỚNG THƯỢNG

1. Khuyến tu giải thoát

Đức Phật dạy: “Thân người khó được” với hai thí dụ sau đây:

- Đất dính trên đầu ngón tay và đất ngoài đại địa. Đức Phật dạy: “Thân người chết đi, được tái sinh làm người ít như đất dính ở đầu ngón tay, mà bị đọa trong ba đường ác nhiều như đất ngoài đại địa”. Tại sao vậy? Vì chúng sanh khi hiện tiền tạo quá nhiều ác nghiệp.

- Như con rùa mù, ở dưới đáy biển, trăm năm trôi lên mặt biển một lần để mong chui vào bọng cây. Cái khó thứ nhất là bọng cây nổi trên mặt biển một trăm năm, cứ bị sóng gió đẩy đưa trôi dạt biết tận đâu mà tìm. Cái khó thứ hai, dù cho gặp được bọng cây, con rùa mù, không thấy đường làm sao chui vào bọng cây được. Trăm ngàn vạn lần khó. Thế mà Đức Thế Tôn nói còn dễ hơn được lại thân người.

Người xưa nói:

“Thân này chẳng tính đời nay độ.

Còn đợi bao giờ mới độ thân”.

Tứ Liệu Giản của Tổ Vĩnh Minh Đại Sư nói:

“Không thiền, không tịnh độ
Giường sắt, cột đồng lửa
Muôn kiếp lại ngàn đời
Chẳng có nơi nương tựa”.

Ý nói, người không tu muôn ngàn đời bị đọa vào địa ngục. Người tin, hiểu lời Đức Phật, Tổ dạy như thế mà không tu giải thoát là điều hy hữu.

2. Khuyến tu tịnh độ

Tượng Pháp Quyết Nghi Kinh dạy: “Sau khi Phật diệt độ, v.v... thời mạt pháp một muôn năm là **Niệm Phật kiên cố**” Kiên cố có nghĩa là thành tựu.

Kinh Đại Tập nói: “Thời mạt pháp, ức ức người tu hành ít có người đắc đạo. Duy có niệm Phật mà được giải thoát sanh tử”.

Liên Tông Thập Tam Tổ Ấn Quang Đại Sư nói: “Chín giới chúng sanh liả khỏi pháp môn Tịnh Độ này, thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn Tịnh Độ này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh”.

Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, duy có Tịnh Độ là pháp dễ tu, dễ chứng (dị hành đạo) nhờ tha lực tiếp dẫn của Phật A Di Đà vãng

sanh Cực Lạc, một đời thành Phật. Còn lại những pháp môn khác là pháp môn tự lực.

Thời mạt pháp, căn tánh chúng sanh hạ liệt, nên rất khó tu (nan hành đạo), khó thành tựu.

Tứ Liệu Giản của Tổ Vĩnh Minh Đại Sư nói:

“Có Thiên, không Tịnh Độ
Mười người, chín ngại đường
Khi âm cảnh hiện ra
Chớp mắt **đi theo nghiệp**.”

Không Thiên, có Tịnh Độ
Muôn tu, muôn người sanh
Khi được thấy Di Đà,
Lo gì không tỏ ngộ!

Có Thiên, có Tịnh Độ
Cũng như cọp mọc sừng
Đời này làm thầy người
Đời sau làm Phật Tổ.

Nhị Tổ Thiện Đạo Đại Sư cũng dạy: “Hành giả chuyên tu Tịnh Độ, vạn người tu, vạn người vãng sanh”.

Trong Thất Giác Chi, cũng gọi là Thất Bồ Đề Phần là bảy pháp có công năng giúp trí huệ Bồ Đề pháp triển, thứ nhất là Trạch Pháp Giác Chi, là pháp biết **chọn lựa chân pháp** mà hành trì. Phần đông Phật tử chúng ta đi chùa mười

mấy, hai chục năm rồi mà chưa chọn chân pháp, chỉ đến chùa để tụng kinh, niệm Phật, sám hối, công quả, **tạp tu** thôi. Do vậy mà chưa cảm nhận được sự an lạc giải thoát, có chăng chỉ là gieo duyên với Tam Bảo, hưởng phước báo Nhơn Thiên mà thôi. Muốn thật sự giải thoát sanh tử, Phật tử phải tự chọn cho mình một chân pháp để hành trì.

Như trên đã nói, thời mạt pháp này, Tịnh Độ là pháp môn thù thắng, hợp thời cơ, dễ tu, dễ chứng nhất, là con đường tắt trong các pháp môn. Mà trong Tịnh Độ xưng danh là con đường tắt. Vậy thì, trì danh niệm Phật là con đường tắt nhất trong con đường tắt.

Những ai tin, hiểu lời Đức Thế Tôn và chư Tổ dạy mà không niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc, liễu sanh thoát tử, mà cam chịu vĩnh viễn trôi lăn trong lục đạo luân hồi. Thì oan uổng biết mấy, thật là đáng thương!

3. Khuyển vãng sanh ở phẩm vị cao

Người xưa nói: “Một niệm lành, niệm mãi trong tâm, tâm sẽ trọn lành”. Kinh nói: “Niệm Phật một câu phước đức vô lượng”. Nay ngày đêm chúng ta niệm ba ngàn, năm ngàn, một vạn, mười vạn, ba mươi vạn câu, vậy thì phước đức biết bao nhiêu mà kể cho hết.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Tâm làm Phật, Tâm là Phật”.

Liên Tông Cửu Tổ Ngẫu Ích Đại Sư nói: “Mỗi tiếng niệm Phật của mình, tiếng nào mình cũng đã là Phật rồi”.

Vậy thì, tâm ta **đang** làm Phật, quyết định tâm ta **phải** là Phật.

4. Thời gian

a. Hoa nở

1- Hạ Phẩm

Quán Kinh nói: “Sanh **Hạ Phẩm Hạ Sanh** **mười hai đại kiếp** hoa sen mới nở, và gặp hai Bồ Tát Quán Thế và Đại Thế Chí để nghe pháp”. Một đại kiếp là một tỷ ba trăm bốn mươi bốn triệu (1.344.000.000) năm. Vậy mười hai đại kiếp sẽ là mười sáu tỷ một trăm hai mươi tám triệu năm (1.344.000.000 x 12 = 16.128.000.000) hoa sen mới nở. Trái đất chúng ta đang ở, từ khi không có gì rồi qua bốn giai đoạn thành, trụ, hoại, không là một đại kiếp, mà mười hai lần như vậy hoa sen mới nở để gặp Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí để nghe pháp.

Quán kinh nói: “*sanh Hạ Phẩm Thượng sanh bốn mươi chín ngày hoa sen nở gặp hai Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí để nghe Pháp*”

Cùng là Hạ Phẩm mà Hạ Phẩm Thượng Sanh và Hạ Phẩm Hạ Sanh thời gian hoa nở cách biệt quá xa (16.128.000.000 năm so với 49 ngày), mười sáu tỷ một trăm hai mươi tám triệu năm so với bốn mươi chín ngày.

2- Trung Phẩm

Quán Kinh nói: “Trung Phẩm Hạ Sanh và Trung Sanh, sau bảy ngày hoa sen nở. Thượng Sanh hoa sen nở liền, chứng quả A La Hán.

3- Thượng Phẩm

Hạ Sanh qua một ngày một đêm hoa sen mới nở.

Trung Sanh qua một đêm hoa sen mới nở.

Thượng Sanh hoa sen nở liền.

b. Thăng cấp

1- Trung Phẩm

- Hạ Sanh thăng Trung Sanh phải qua nửa tiểu kiếp.

- Trung sanh thăng Thượng sanh cũng phải qua nửa tiểu kiếp.

Mỗi tiểu kiếp là mười sáu triệu tám trăm ngàn (16.800.000) năm.

2- Thượng Phẩm

- Hạ Sanh thăng Trung Sanh phải qua ba tiểu kiếp.

- Trung Sanh thăng Thượng Sanh phải qua một tiểu kiếp.

* **Hạ Phẩm Thượng Sanh** thăng **Trung Phẩm Hạ Sanh** phải qua ba tiểu kiếp.

* **Trung Phẩm Thượng Sanh** thăng **Thượng Phẩm Hạ Sanh** phải qua ba tiểu kiếp.

* **Hạ Phẩm Thượng Sanh** thăng **Thượng Phẩm Hạ Sanh** phải qua bảy tiểu kiếp.

* **Hạ Phẩm Thượng Sanh** thăng **Thượng Phẩm Thượng Sanh** phải qua mười một (11) tiểu kiếp.

Tóm lược:

- Từ bậc Hạ lên bậc Trung phải qua ba (3) tiểu kiếp.
- Từ bậc Trung lên bậc Thượng phải qua ba (3) tiểu kiếp.
- Từ Trung Phẩm Hạ Sanh lên Trung Phẩm Trung Sanh phải qua nửa tiểu kiếp.
- Từ Trung Phẩm Trung Sanh lên Trung Phẩm Thượng Sanh phải qua nửa tiểu kiếp.
- Từ Thượng Phẩm Trung Sanh lên Thượng Phẩm Thượng Sanh phải qua một (1) tiểu kiếp.

- Từ **Hạ Phẩm Thượng Sanh** lên **Thượng Phẩm Thượng Sanh** phải qua mười một (11) tiểu kiếp thời gian quá dài.

Hiểu được lý lẽ này, Minh Tuệ tôi tin rằng quý vị sẽ:

- Trân quý thời gian, tranh thủ từng phút, từng giây để niệm Phật, hầu vãng sanh tối thiểu phải là **Hạ Phẩm Thượng Sanh**, bốn mươi chín ngày sau **hoa sen nở**. Còn vãng sanh Hạ Phẩm Hạ Sanh phải chờ mười sáu tỷ một trăm hai mươi tám triệu (16.128.000.000) năm **hoa sen mới nở**, thời gian quá dài.

- Không quá khiêm nhường ở Hạ Phẩm Thượng Sanh mà phải là **Thượng Phẩm Thượng Sanh**.

Tại sao?

Quán Kinh nói: “Khi đã sanh về cõi kia, lại thấy Kim Thân của Phật đầy đủ các tướng, chư Bồ Tát sắc tướng cũng cụ túc trang nghiêm, các ánh sáng và rừng báu đều diễn thuyết pháp màu. Hành giả nghe xong, liền ngộ **Vô Sanh Pháp Nhẫn**, trong giây phút thừa sự chư Phật, rồi **trở về bản quốc**, chứng vô lượng trăm ngàn Đà La Ni. Đây gọi là **Thượng Phẩm Thượng Sanh**”.

Hạnh phúc biết bao, vãng sanh Thượng Phẩm Thượng Sanh, hoa sen nở liền, gặp Phật A Di Đà ngay, chứng liền Vô Sanh Pháp Nhẫn, được thọ ký ngày thành Phật, liền trở về Ta Bà độ sanh ngay, không một ngày nào ở Cực Lạc. Độ sanh sớm một ngày là chúng sanh đỡ khổ một

ngày, còn gì hơn chứ? Muốn được vậy thì phải chí tử hạ thủ công phu.

5. Công phu

Quán Niệm Pháp Môn nói: “Mỗi ngày niệm danh hiệu Phật một vạn câu, lại cần phải tùy thời lễ bái, tán thán sự trang nghiêm Tịnh Độ. Cần phải rất tinh tiến, hoặc niệm ba vạn, sáu vạn, mười vạn câu đây đều là bậc **Thượng Phẩm Thượng Sanh**”. Nên biết niệm từ **ba vạn câu trở lên** là hành nghiệp của bậc **Thượng Phẩm Thượng Sanh**, niệm ba vạn câu trở xuống là hành nghiệp của bậc thượng trung trở xuống.

Muốn niệm Phật từ ba vạn câu trở lên phải đạt **Bất Niệm Tự Niệm**. Kinh nghiệm cho biết nếu đạt Bất Niệm Tự Niệm **sâu** chẳng những ba vạn câu mà mười vạn câu cũng chẳng phải là khó.

PHẦN VII

TỔNG KẾT

1. Vấn đáp

1- Hỏi: Niệm Phật và tu các công hạnh có cần hồi hướng không?

Đáp: Niệm Phật A Di Đà và tu tập **hai hạnh chánh và phụ** thì không cần phải hồi hướng riêng biệt. Còn tu tập **tạp hạnh** cần phải hồi hướng mới thành nghiệp vãng sanh. (Xin đọc phần 5, mục 3, Chuyên tu chánh hạnh).

2- Hỏi: Tu tịnh nghiệp có cần diệt tham, sân, si không? Nếu cần thì làm sao?

Đáp: Tham, sân, si (tà kiến) là tam độc cần phải diệt trừ. Đối với hành giả Tịnh Độ chỉ cần duy nhất một câu A Di Đà Phật, vạn đức Hồng Danh này có công năng diệt tội, sanh phước, tăng trưởng thiện căn và chuyển tám thức thành bốn (4) trí, thành Phật còn có dư. Khi niệm sân vừa móng khởi hay đã khởi hiện hành (đã nổi cơn sân) chỉ cần nhiếp tâm niệm Phật là xong. Vì tâm một lúc không thể làm hai việc, niệm Phật thì niệm sân tự diệt. Bởi vậy Cổ đức dạy: “Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”.

3- Hỏi: Người chuyên tu tịnh nghiệp có cần tụng kinh sám hối như Lương Hoàng Sám và Thủy Sám không?

Đáp: Đối với hành giả chuyên tu tịnh nghiệp tụng những kinh sám hối, ấy không phải là chánh hạnh, mà là **tạp hạnh**.

Vả lại, Quán Kinh nói: “Niệm một câu A Di Đà Phật, diệt được trọng tội sanh tử tám mươi ức kiếp, vậy là đã sám hối rồi, dành thì giờ tụng kinh sám hối để niệm Phật có tốt hơn không?”

4- Hỏi: Người tu tịnh nghiệp tụng kinh A Di Đà và các kinh Đại thừa khác được không?

Đáp: Nói chung tụng kinh Phật, trì các chú ngữ là quý rồi, xét riêng hành giả chuyên tu tịnh nghiệp thì:

- Tụng kinh A Di Đà là chánh hạnh mà nghiệp **phụ**. Niệm Phật A Di Đà là chánh hạnh mà nghiệp **chánh**.

- Còn tụng các kinh khác, dù là kinh Đại thừa cũng là **tạp hạnh**.

Vả lại, danh hiệu A Di Đà Phật là vua các chú (Tuyệt Hư Lão Nhân Tịnh Độ Tuyển Tập), vậy niệm A Di Đà Phật là cao tốt, thù thắng hơn trì tụng bất cứ chú ngữ nào khác (hãy đọc Phần 4, mục 4 Công đức niệm Phật)

5- Hỏi: Người tu tịnh nghiệp có bắt buộc phải thọ Tam qui, ngũ giới không?

Đáp: Không bắt buộc, nhưng nếu đủ điều kiện nên thọ.

Luật dạy:

“Quy y Phật khỏi đọa Địa Ngục
Quy y Pháp khỏi đọa Nga Quỷ
Quy y Tăng khỏi đọa Bàn Sanh” (súc
sanh)

Vậy thì thọ Tam qui sẽ không bị đọa ba đường ác. Nếu thọ thêm Ngũ giới, giữ gìn trọn vẹn có vô lượng phước. Đây là thắng duyên giúp hành giả dễ tiến tu, sớm thành tựu Tịnh nghiệp.

6-Hỏi: Người tu tịnh nghiệp có bắt buộc phải ăn chay trường không?

Đáp: Không bắt buộc nhưng hành giả Tịnh Độ quyết tâm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, thành Phật độ chúng sanh mà còn ăn thịt chúng sanh là thiếu tâm từ bi. Tâm này không tương ứng với tâm Phật nên khó vãng sanh phẩm vị cao. Tổ thứ tám Liên Trì Đại Sư dạy: “Ác lớn nhất là sát sanh”. Ăn chay là ngưng sát sanh, ngưng được nghiệp sát. Vậy ăn chay được càng nhiều ngày càng tốt, trường chay là quý nhất. Lại nữa, Bát Tổ Liên Trì cũng dạy: “Trong các hạnh thiện, phóng

sinh là bậc nhất”. Vì sao? Vì chúng sanh tham sống, sợ chết. Phóng sanh là cứu mạng sống chúng sanh, là mình tự tu Tứ Vô Lượng Tâm (Từ, Bi, Hỷ, Xã), tự tu lục độ (bố thí tài, bố thí pháp, bố thí vô úy) và tự sám hối (chuộc tội sát sanh trước đây), phước đức hiện đời là không bệnh hoạn, sống lâu, nếu hồi hướng vãng sanh Cực Lạc thì đã chuyển phước đức thành công đức. Công ít mà phước nhiều, nhân nhỏ mà quả to. Không cần phải chờ ngày lễ lớn phóng sanh chim, cá mà hằng ngày nên phóng sanh, kiến, dán, ruồi, muỗi, v.v... khi chúng vào nhà cũng tốt lắm rồi.

7- Hỏi: Niệm Nam Mô A Di Đà Phật (sáu chữ) và niệm A Di Đà Phật (bốn chữ) cách nào tốt hơn?

Đáp: Xét nghĩa

- Danh hiệu là A Di Đà Phật

- Nam mô là quy mạng, là quay về nương tựa.

- Niệm **Nam Mô A Di Đà Phật** (sáu chữ) là nói quay về nương tựa Phật A Di Đà, tỏ lòng thành kính dễ cảm ứng hơn.

- Niệm **A Di Đà Phật** (bốn chữ), ngắn gọn dễ nhập tâm hơn. Còn việc thành kính là do ở tâm.

Liên Trì Đại sư nói: “Ngài dạy đại chúng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, còn Ngài thì niệm A Di Đà Phật”.

8- Hỏi: Phản văn, văn tự tánh là sao?

Đáp: Là quay cái nghe lại, nghe tự tánh mình niệm. Người đạt Bất Niệm Tự Niệm, nghe tự tánh mình niệm Phật bằng tánh nghe mới đúng nghĩa phản văn, văn tự tánh.

9- Hỏi: Nhập tâm và Bất Niệm Tự Niệm có khác nhau không? Nếu có, khác chỗ nào?

Đáp: Khác nhau, khác ở chỗ cạn, sâu.

Nhập tâm, hành giả chỉ nghe tiếng niệm Phật của tự tánh mình trong thời gian ngắn nào đó (còn gián đoạn, chưa nghe được toàn thời gian lúc thức, còn non cạn) tạm gọi là bước đầu của Bất Niệm Tự Niệm.

10- Hỏi: Như Thầy nói khi trợ niệm mà thần thức của bệnh nhân bị điên đảo, lãnh hội không nổi, không niệm Phật theo, hoặc ý thức bệnh nhân ngưng hoạt động trước giờ lâm chung, hai trường hợp này sẽ mất phần vãng sanh, vậy thì thân nhân phải làm sao đây?

Đáp: Có hai giải pháp

Giải pháp 1:

- Trưởng ban hộ niệm phải liên hệ với thân nhân của bệnh nhân tìm hiểu nguyên nhân tệ trạng này, do ác nghiệp gì, hay bệnh nhân còn bận bịu, dính líu, thắc mắc, uẩn khúc điều gì? Từ đây khéo léo khai thị giải tỏa, mở gút cho bệnh nhân.

- Toàn ban hộ niệm cùng thân nhân của bệnh nhân thay mặt bệnh nhân thành khẩn sám nghiệp chướng.

Khi nhận thấy hai việc trên mang lại hiệu quả tốt, nghĩa là tệ trạng trên được cải tiến khả quan, thì xúc tiến hộ niệm như thường lệ.

Nếu giải pháp một không thành công, bệnh nhân ra đi trong tình trạng hôn mê, thì chỉ còn cách áp dụng giải pháp 2.

Giải pháp 2:

1) Nhờ quý Thầy chân tu giới hạnh thanh tịnh, thành khẩn cầu siêu và khai thị hương linh.

2) Thân nhân làm Phật sự như ăn chay, niệm Phật A Di Đà, phóng sanh, bố thí, cúng dường Tam Bảo, ấn tống kinh sách, Pháp thí băng đĩa, thuyết giảng giáo lý Phật, v.v... Thành khẩn hồi hướng cho hương linh này siêu sanh Cực Lạc.

11- Hỏi: Có cần phải có nhiều Thầy không?

Đáp: Cần nội dung hơn hình thức, chất lượng hơn số lượng, vì các lẽ sau:

- Vị thầy chân tu, giới hạnh thanh tịnh, mà thành khẩn nguyện cầu, mới được chư Phật, chư Bồ Tát cảm ứng, cộng thêm lòng nguyện cầu chân thành thiết tha của thân nhân.

- Thần thức (hương linh nhờ cõi bỏ thân ngũ âm) nên rất sáng suốt, đối với vị thầy phạm trai phá giới phạm phu chúng ta không biết nhưng họ biết hết. Khi họ biết rồi, đâu có kính nể nghe theo lời khai thị, mặc khác họ oán ghét, khởi niệm sân hận, mà sân hận là nhân ba đường ác, bị phản tác dụng (không thăng mà bị đọa) rất nguy hiểm cần chú ý.

Vậy thì:

- Ba thầy mà có một thầy không thanh tịnh thì đâu tốt bằng chỉ có một thầy thanh tịnh.

- Ba thầy mà đều là thầy thanh tịnh thì dĩ nhiên là tốt hơn một thầy.

12- Hỏi: Trợ niệm cách nào để có kết quả tốt.

Đáp: Ban trợ niệm không nên cứng ngắt theo sách vở mà phải khéo léo uyển chuyển niệm Phật và khai thị sao cho thích hợp với tâm lý, ước

muôn, nguyện vọng của bệnh nhân hay hương linh.

Về niệm Phật, niệm bốn chữ hay sáu chữ, giọng nào (bình thường hay Hải Triều Âm...) nên niệm vừa phải tránh quá nhanh hay quá chậm. Nhất là người hấp hối phải niệm rành rẽ, rõ ràng và chậm rãi để bệnh nhân có khả năng tiếp nhận mà niệm theo. Trường hợp này, không nên đọc văn hồi hướng (sau phần niệm Phật) vì tâm thần bệnh nhân lúc này quá yếu, không tiếp thu được lời văn dài dòng khó hiểu, mà chỉ nên dành thì giờ này liên tục niệm thánh hiệu Phật A Di Đà.

Về khai thị, vị thầy được đương nhơn kính trọng hoặc người được đương nhơn thương yêu nhất (như vợ, chồng, cha, mẹ, con cháu, v.v...). Khai thị đúng ước muốn, nguyện vọng chánh đáng của người bịnh thì kết quả sẽ tốt nhất. Ví dụ, ông chồng quá yêu mến, quyến luyến bà vợ thì bà vợ cần khai thị ngắn gọn như sau (mà kết quả tối đa như ý): “Anh ráng niệm Phật theo em, để rồi anh với em đồng vãng sanh Cực Lạc thành Phật cứu độ cha mẹ cùng các con của mình, nhen anh”.

Xong rồi là niệm Phật, năm, mười, hai mươi câu, rồi lặp lại lời khai thị trên. Làm nhiều lần như thế, cho đến hơi thở cuối cùng. Sau giờ lâm chung, trước bàn thờ hương linh cũng phải khai thị như vậy, rất tốt.

Ngược lại, đối với người (dù tại gia hay xuất gia), bệnh nhân không ưa hay chán ghét, oán hận thì tuyệt đối không cho gặp mặt. Vì gặp mặt bệnh nhân sanh phiền não, khởi niệm sân hận là nhân của ba đường ác, rất nguy hiểm.

Về lời văn khai thị, văn phải ngắn gọn, lời phải rành rẽ, rõ ràng, điều hoà, truyền cảm, ý phải đáp ứng nguyện vọng chánh đáng của bệnh nhân.

13- Hỏi: Ai là người khai thị hữu hiệu nhất?

Đáp: Theo thứ tự ưu tiên sau: quý Thầy ngộ đạo (tâm thanh tịnh). Người niệm Phật đạt niệm lực được tương tục (Bất Niệm Tự Niệm sâu). Người được yêu quý, kính trọng. Người có tín tâm sâu, thành khẩn khai thị đúng pháp Điển hình, hiện nay ở Việt Nam có một vị cư sĩ chuyên tu Tịnh Độ đạt Bất Niệm Tự Niệm sâu, là trưởng Ban Hộ Niệm. Ông đã hộ niệm rất nhiều nơi (kể cả các tỉnh xa) đều có kết quả tốt như ý (có triệu chứng được vãng sanh Cực Lạc)

14- Hỏi: Nhiếp sáu căn là sao?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm nối tiếp, đặc Tam Ma Địa bậc nhất”. Sáu căn là gì? Là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tại sao phải nhiếp? Sau đây là lý do.

Ý nghĩa.

Người xưa dạy: “Sáu căn là sáu tên giặc (lục tặc) cũng là cửa sổ mở sáu phép thần thông” hoặc “sáu căn không dính mắc sáu trần là giải thoát”.

Mắt thấy sắc đuổi theo, chấp chặt nên khổ đau. Tai nghe tiếng đuổi theo, chấp chặt nên khổ đau. Mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy. Muốn hết khổ đau, tâm được an định thì sáu căn phải được thu nhiếp (không chạy theo sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Tịnh niệm là niệm thanh tịnh.. Thanh tịnh ở đây là không hoài nghi, ngoài Thánh Hiệu A Di Đà, không xem tạp thánh hiệu nào khác, không tham sân si, v.v...

Tam Ma Địa là chánh định, đối với Tịnh Độ Tông là Nhất Tâm Bất Loạn.

Thực hành: từ cạn đến sâu.

Cấp I: nhiếp sáu căn là sáu căn vẫn tiếp xúc và hay biết mọi sự mọi việc nhưng không dính mắc, chấp chặt, đuổi theo sáu trần. Cụ thể, mắt nhìn tượng Phật để nhiếp nhãn căn vào Phật. Tai nghe tiếng niệm Phật để nhiếp nhĩ căn vào Thánh Hiệu Phật. Mũi ngửi mùi hương cúng Phật để nhiếp tỷ căn và cảnh giới Phật. Lưỡi niệm Phật để nhiếp thiệt căn và Thánh Hiệu A Di Đà. Thân ngồi nghiêm trang để nhiếp thân căn vào cảnh giới Phật. Ý nhớ nghĩ ghi nhận tâm thanh của Thánh Hiệu.

Cấp II: Ý trì là niệm Phật bằng ý (xem phần 4, Cách trì danh). Niệm bằng ý vẫn có tiếng. Bây giờ lắng lòng nghe tiếng Phật hiệu, gọi là “Phản văn, văn Phật hiệu”. Nghe không phải là nghe bằng lỗ tai (nhĩ căn) mà nghe bằng tánh nghe (căn tánh, chơn tâm, cũng gọi là chơn như, còn gọi là bản tánh).

Cấp III: Tập như trên lâu ngày chày tháng thành thực sẽ nhiếp (đóng) trọn vẹn nhĩ căn.

Lục căn dung thông (liên quan) lẫn nhau. Chỉ cần nhiếp thành tựu một căn, thì năm căn còn lại cũng thành tựu. Như Cổ đức dạy: “Nhứt tu, nhứt thiết tu”, nghĩa là thành tựu một là thành tựu tất cả. Đạt đến trình độ này mới đúng nghĩa nhiếp trọn vẹn sáu căn. Khi nhiếp trọn vẹn sáu căn và niệm Phật không gián đoạn, là đạt Nhất Tâm Bất Loạn. Ban đầu là Sự Nhất Tâm Bất Loạn, sau là Lý Nhất Tâm Bất Loạn, thì vãng sanh Thật Báo Trang Nghiêm Độ (Thượng Phẩm).

15- Hỏi: *Con quy y với vị Thầy, Thầy con tu chứng được vãng sanh Cực Lạc vậy con có được vãng sanh theo Thầy con không? Và bạn con làm lỡ quy y với tà sư. Khi tà sư bị đọa, vậy bạn con có bị đọa theo vị tà sư đó hay không?*

Đáp: Cả hai đều KHÔNG. Người xưa nói: “Ông tu, ông chứng, bà tu, bà đắc” và “Tội ai làm nấy chịu”. Luật nhân quả đầy “Tự tác hoàn tự

thọ”, nghĩa là tự mình làm, tự mình chịu, không ai thay thế cho ai được cả.

16- Hỏi: *Nguyên thứ 19 nói: “Lúc tôi thành Phật, thập phương chúng sanh phát Bồ Đề Tâm, tu các công đức, nguyện sanh về cõi nước tôi, đến khi lâm chung, nếu tôi chẳng cùng đại chúng hiện trước người đó, thời tôi không thủ ngôi Chánh Giác”. Như vậy thì con phát Bồ Đề Tâm, thỉnh thoảng chủ nhật con đến chùa làm công quả, cúng dường Tam bảo, tụng kinh, niệm Phật, bái sám gọi là tu công đức, nếu công đức nhiều thì ở phẩm vị cao, công đức ít thì vãng sanh ở phẩm vị thấp, phải không Thầy?*

Đáp: Kinh A Di Đà nói: “Không thể lấy chút ít căn lành, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi Cực Lạc”. Do vậy Cổ đức dạy: “Công đức nói ở nguyên thứ 19 là **công đức rất ráo**, như bố thí phải là **Bố Thí Ba La Mật**” (rất ráo) nên Nhị Tô Thiên Đạo Đại Sư nói trong Quán Kinh Sớ, đây là Tạt tu (cách nói trên), ngàn người tu chỉ có năm, ba người vãng sanh mà thôi.

Và lại, trong kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh (do Ngài Hạ Liên Cư hội tập) có thêm đoạn văn như sau: “**Phụng hành sáu Ba La Mật kiên cố bất thoái, nhất tâm niệm tôi, ngày đêm chẳng**

ngót”, điều này chứng minh rằng công đức nói trên phải là công đức rốt ráo (Ba La Mật), đồng thời phải nhứt tâm niệm Phật ngày đêm không gián đoạn mới chắc được vãng sanh.

17- Hỏi: Vậy thì phải tu sao để được bảo đảm vãng sanh?

Đáp: Phải chuyên tu chánh hạnh, chánh nghiệp như đã trình bày ở phần 5 (Chuyên tu chánh hạnh).

18-Hỏi: Tu Tịnh Độ thuộc Tiểu thừa hay Đại thừa?

Đáp: Giáo pháp Tiểu thừa không có tịnh độ. Vậy là thuộc Đại thừa. Nhưng nếu người niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc mà không phát tâm cứu độ chúng sanh, như vậy là không có Bồ Đề Tâm, thuộc căn tánh Tiểu thừa. Không đúng đại nguyện của Phật A Di Đà nên không được vãng sanh.

19- Hỏi: Vậy sao kinh nói ở Cõi Cực Lạc có Thanh Văn, Duyên Giác nhiều vô số kể?

Đáp: Những vị này trước tu theo Tiểu thừa (Nguyên Thủy) sau phát tâm hướng Đại thừa (thượng cầu hạ hóa) nghĩa là trên thì cầu thành

Phật đạo, dưới là giáo hóa (độ) chúng sanh nên được vãng sanh.

20-Hỏi: Kinh nói từ Thập Tín trở lên phải tu hai đại A Tăng Kỳ Kiếp (vô số kiếp) mới đạt giai vị Bất Địa Bỏ Tát (Bất Động Địa Bồ Tát) thì đắc Tam Bất Thối (Vị Bất Thối, Hạnh Bất Thối và Niệm Bất Thối). Kinh A Di Đà lại nói: “Này Xá Lợi Phất! Những chúng sinh, sinh về Cực Lạc là hàng A Bệ Bạt Trí”. A Bệ Bạt Trí là Bất Thối Chuyển. Vậy hai kinh đó có trái ngược nhau không?

Đáp: Không trái ngược nhau. Kinh trước nói Bất thối về địa vị tu hành. Kinh A Di Đà nói bất thối về nơi chốn (Xứ Bất Thối). Người sanh về Tây Phương Tịnh Độ không có năm thoái duyên không bị lùi sụt.

Năm thoái duyên là:

- 1) Yếu mệnh và lâm bệnh.
- 2) Có người nữ và sáu trần gây ô nhiễm
- 3) Giao du với người làm ác, tức là gặp ác trí thức.
- 4) Có tâm bất thiện, Tâm ác
- 5) Thường không gặp Phật.

Ở Cực Lạc không có năm thoái duyên này cho nên chúng sinh ở đây đều được bất thối.

21- Hỏi: Thế nào là cực trọng nghiệp và ảnh hưởng việc tái sanh ra sao?

Đáp: Cực trọng nghiệp là nghiệp hết sức lớn. Có hai loại: Thiện và Bất Thiện (ác). Người niệm Phật đạt Lý Nhất Tâm Bất Loạn là Thiện Cực trọng nghiệp. Trong lúc thân còn ở Ta Bà mà thân thức đã vãng sanh Cực Lạc trường hợp Thừa Viễn Đại Sư, Tổ thứ ba Liên Tông. Về thân xác muốn xả bỏ hay lưu giữ là tùy ý gọi là sinh tử tự tại. Người phạm tội ngũ nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật ra máu hay phá hòa hợp Tăng là Ác Cực trọng nghiệp. Tội này sa địa ngục A Tỳ (Địa ngục vô gián). Minh Tuệ đã chứng kiến một vị chưa chết mà nửa đêm bị quỷ sứ hành hạ đủ cách.

22- Hỏi: Thế nào là tích lũy nghiệp, ảnh hưởng ra sao?

Đáp: Tích lũy nghiệp là nghiệp tích lũy nhiều đời, nhiều kiếp cộng với kiếp hiện tại. Tích lũy nhiều thành cực trọng nghiệp, ít thì ra Cận tử nghiệp.

23- Hỏi: Cận tử nghiệp là gì?

Đáp: Là nghiệp trước giờ lâm chung.

24- Hỏi: Người tu hành có bị cận tử nghiệp chi phối không?

Đáp: Cũng có, cũng không. Có hai trường hợp:

1) Những vị tu hành chứng đạo, đắc đạo như Tịnh Độ Tông thì niệm Phật đạt Lý Nhất Tâm Bất Loạn hay Lý Niệm Phật Tam Muội, thì tự tại vãng sanh, Thiền Tông thì nghiệp sạch tình không. Mật Tông thì “Tam Mật tương ưng” (ba nghiệp thân, khẩu, ý hoàn toàn thanh tịnh) tùy nguyện tái lai. Những vị đắc quả A La Hán thì nhập Niết Bàn.

2) Ngoài những vị nói trên đều bị cận tử nghiệp chi phối, điển hình:

- Vua A Kỳ Đạt suốt đời hộ trì Tam Bảo như cất chùa, nuôi tăng, v.v... Giờ chót bị người hầu làm rớt cây quạt vào mặt, nổi sán rồi chết, sanh làm con rắn mãng xà.

- Thiền sư công phu đắc lực, những ngày cuối cùng thương mến chăm sóc bụi mía trước am, để rồi chết sanh làm con sâu trong thân cây mía.

- Vị Ưu Bà Tắt nọ trước khi thân hoại mạng chung, vì quá yêu thương vợ nên tái sanh làm con vò trong mũi vợ.

- Vua A Dục Ka (Asoka) đã từng xây cất 84.000 cảnh chùa, 84.000 cái tháp đèn, đài thọ chi phí cho kỳ kiệt tập kinh điển lần ba. Khi sắp

lâm chung, vua ra lệnh đem của cải trong kho ra bố thí trọng đại để làm phước trước khi chết. Vị quan giữ kho phản đối. Nhà vua tức giận rồi chết, đầu thai làm con rắn độc trong vườn ngự uyển chờ cơ hội thuận tiện cắn chết ông quan giữ kho để trả thù.

25- Hỏi: Quán Kinh dạy hành giả Tịnh Độ tu Tam phước. Quý Thầy cũng khuyến khích Phật tử tu Tam phước. Vậy tu Tam phước có bảo đảm vãng sanh không?

Đáp: Theo Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ: Tam phước là Tán Thiện, tu 13 phép Quán mới là Định Thiện. Quán Kinh Sớ quyển bốn nói rằng công hạnh có hai loại: chánh và tạp. Tam phước thuộc tạp hạnh. Nhị Tổ Thiệu Đạo Đại Sư nói: “Người tu tạp hạnh, ngàn người tu chỉ có năm ba người vãng sanh”.

26- Hỏi: Hành giả Tịnh Độ phải tu sao để được bảo đảm vãng sanh?

Đáp: Trong kệ niệm Phật, Hòa thượng Trí Tịnh nói: “Người niệm Phật phải đạt từng công phu thấp nhất là Bất Niệm Tự Niệm mới bảo đảm vãng sanh”. Muốn đạt Bất Niệm Tự Niệm phải chuyên tu chánh hạnh, chánh nghiệp theo sự dạy bảo của Nhị Tổ Thiệu Đạo (Xin xem phần 5, Chuyên tu chánh hạnh)

27- Hỏi: Có cần lần chuỗi để niệm Phật không?

Đáp: Mục đích lần chuỗi là để:

- Cột tâm ý vào hột chuỗi, không cho khởi vọng niệm, vọng tưởng.

- Đếm được số câu niệm Phật, cố niệm cho đủ số đã ấn định, tránh lười biếng giải đãi.

Vậy rất cần cho những vị mới tập niệm Phật. Nhưng nếu không khéo, niệm lâu thành thói quen (tập khí) thì miệng niệm, tay lần chuỗi mà ý tự do phóng túng nghĩ tưởng lung tung đủ thứ, hoặc vì muốn cho đủ số cố gắng niệm quá nhanh, miệng niệm lia lịa, tay lần chuỗi liền tù tì, mà tâm không bắt kịp tiếng. Trường hợp này miệng niệm Phật, tay lần chuỗi mà tâm không có Phật, gọi là hữu khẩu vô tâm. Tổ Đức Nhuận bảo: “Niệm như vậy cho bề cuống họng cũng hoàn không”. Nghĩa là vô ích. Vậy lần chuỗi phải chân thật, tránh làm lấy lệ, biểu diễn. Mặt khác ý theo dõi đếm số là bị phân tâm. Tay lần chuỗi, làm thân động, thân động thì tâm động theo (không an định). Vì những lý lẽ trên, hành giả niệm Phật lâu rồi không cần dùng chuỗi, nếu muốn tính số câu Phật hiệu đã niệm thì tốt hơn nên dùng đồng hồ tính thời gian đã niệm.

28- Hỏi: Kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy tu Tam Phước. Phước thứ ba là Phát Bồ Đề Tâm. Vậy làm sao Phát Bồ Đề Tâm?

Đáp: Bồ Đề là tên khác của quả vị Phật. Bồ Đề Tâm là Tâm làm Phật. Phát Bồ Đề Tâm là phát khởi cái tâm trên cầu thành Phật đạo, dưới giáo hóa chúng sanh (thượng cầu hạ hóa). Đây là Bồ Đề Tâm nguyện.

Có một số ít chùa thực hiện lễ Phát Bồ Đề Tâm theo nghi thức đặc biệt.

- Tịnh Độ Tông Thập Nhất Tổ Tịnh Am Đại Sư dạy: “Tướng trạng Bồ Đề Tâm có tám, đó là: Chánh, Tà, Chân, Ngụy, Đại, Tiểu, Thiên Viên”. Nên đọc Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn.

- Tịnh Độ Tông Cửu Tổ Ngẫu Ích Đại Sư dạy: “Người niệm Phật A Di Đà cầu nguyện vãng sanh Cực Lạc, để thành Phật cứu độ hết thấy chúng sanh. Đó là đương nhiên đã phát Bồ Đề tâm rồi.

29- Hỏi: Bồ Đề Tâm Hạnh là sao?

Đáp: Bồ Đề Tâm Hạnh là những thiện hạnh nhằm mục đích thành Phật độ chúng sanh.

Nó rộng lớn bao trùm lục độ Vạn hạnh của Bồ Tát. Hành giả tu 52 giai vị Bồ Tát (Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác) đều tu Bồ Đề Tâm

Hạnh để thành Phật. Niệm Phật là hạnh **chánh** của **Bồ Đề Tâm Hạnh**.

30- Hỏi: *Người ăn thịt mà niệm Phật và người ăn chay mà không niệm Phật, ai hơn ai?*

Đáp: Người niệm Phật hơn người kia.

31- Hỏi: *Công danh, sự nghiệp tốt đỉnh. Giàu sang phú quý nhưt đời. Đài sen chín phẩm ở Cực Lạc. Nên chọn cái nào?*

Đáp: Người xưa nói: “Công danh cái thế, màn sương sớm. Phú quý kinh nhân, giấc mộng dài”. Tạm dịch: “công danh tốt đỉnh trên đời này cũng chỉ là màn sương sớm mai (mặt trời mọc, sương tan tức khắc). Giàu sang đến nỗi người phải kinh sợ cũng chỉ là giấc mộng dài mà thôi (giả không thật, không dài lâu). Đài sen Chín Phẩm (vãng sanh Cực Lạc) là chuyển phàm thành Thánh, tu hành không thối chuyển một đời thành Phật. Chọn cái nào, tùy ở quý vị quyết định.

32- Hỏi: *Hạnh khởi giải tuyệt là thế nào?*

Đáp: Bắt đầu công phu phải buông bỏ mọi kiến giải (hiểu biết), kể cả kiến giải Tịnh Độ. Ví như, dù là tảng đá hay cục vàng, (kiến giải Tịnh Độ) cũng vẫn án che sức chiếu soi của gương sáng (Phật tánh, Đại Viên Cảnh Trí).

33- Hỏi: Người chuyên tu Tịnh Độ có nên đọc thêm nhiều kinh sách hay nghe băng thuyết pháp để mở rộng thêm kiến thức không?

Đáp: Hành giả chuyên tu Tịnh Độ chỉ cần học hiểu, nắm vững phương pháp hành trì là đủ rồi. Điều quan yếu là dũng mãnh tinh tấn **hành trì** đạt tối thiểu là Bất Niệm Tự Niệm, để bảo đảm vãng sanh. Nên dùng hết thời gian học hỏi, mở rộng kiến thức để hành trì, niệm Phật chứng đạt sở nguyện bảo đảm vãng sanh vẫn tốt hơn. Trong Niệm Phật Tông Yếu, Pháp Nhiên Thượng Nhon bảo: “Tu Tịnh Độ Môn thì trở lại ngu si để vãng sanh” (câu đáp 87 trang 201).

Nên nhớ:

- Thế trí biện thông là một trong tám nạn.
- Đa văn như Ngài A Nan vẫn thọ nạn sắc dục bởi Ma Đăng Già.
- Đùng cậy vào một ít học thức, địa vị thế gian, học được một ít Kinh Điển Đại Thừa, chấp chặt vào danh từ ngôn ngữ ấy, tự cho mình là giỏi hơn mọi người, rồi đàm huyền luận diệu với bạn đạo và quý Thầy, Sư cô, khởi tâm cống cao ngã mạn, lên mặt chê bai chỉ trích Tăng, Ni thất học, ngu dốt... Thật là tội lỗi vô cùng. Tệ hại hơn là Sở tri chướng này sẽ tự làm chướng ngại, ngăn chặn đường tiến tu của mình. Vì vậy chư Tổ dạy: “Hạnh giải phải tương ưng” Hiểu biết như vậy, Minh Tuệ tự nhủ, và hôm nay cũng khuyên quý

vị, hãy bắt chước ngu phụ, ngu phụ lão thật niệm Phật, hầu được vãng sanh Cực Lạc, để được “tận mặt gặp Di Đà, lo gì không khai ngộ”.

- Minh tâm kiến tánh không phải do học rộng hiểu nhiều, mà do hành trì chứng đắc.

34- Hỏi : Hành giả chuyên tu Tịnh Độ khi lâm bệnh có cần niệm Phật Dược Sư hay tụng kinh Dược Sư để trị bệnh không?

Đáp: Kinh Vô Lượng Thọ nói: Phật A Di Đà là vua trong các vị Phật (Phật Trung Chi Vương). Vậy thì Phật Dược Sư trị lành bệnh, chẳng lẽ Phật A Di Đà trị bệnh không được sao?

Vả lại nếu niệm Phật Dược Sư, tụng kinh Dược Sư là tạp tu, bị xen tạp và bị gián đoạn rồi.

Vậy thì niệm Phật A Di Đà, nhứt cử không những lưỡng tiện mà là vạn tiện (được lành bệnh, lại thêm được vãng sanh Cực Lạc)

35-Hỏi: Một người suốt đời làm ác, phút lâm chung niệm A Di Đà Phật, có được vãng sanh không?

Đáp: Được vãng sanh vì đáp ứng đúng đại nguyện của Đức Phật A Di Đà, nhưng thử hỏi có mấy ai niệm được? Thiên, thiên nan, vạn , vạn nan, ức, ức, ức, người chưa từng có một. Hành giả tu Tịnh nghiệp yếu, chưa đạt Bất Niệm Tự

Niệm, còn chưa bảo đảm vãng sanh (như đã nói ở phần 3). Kể đến người thiện mà chưa tu Tịnh Độ giờ phút lâm chung cũng không tài nào niệm Phật được. Huống hồ gì người suốt đời làm ác.

36- Hỏi : Tổ thứ chín Ngẫu Ích Đại Sư dạy: “Vãng sanh hay không là do có Tín, Nguyện hay không. Còn phẩm vị cao hay thấp là do công phu sâu hay cạn”. Vậy thì hành giả chỉ có Tín, Nguyện mà không có Hạnh được bảo đảm vãng sanh hay không?

Đáp: Tín và Nguyện Tổ dạy đây là Tin sâu, Nguyện thiết. Có tin mới có nguyện, nguyện mà không hành là nguyện suông (không tha thiết), coi như không có nguyện, nên không vãng sanh.

Ví như, quý vị ở Mỹ lâu năm, nhớ cha mẹ hay con cháu ở Việt Nam, khát khao, ao ước, muốn (nguyện) về Việt Nam, nhưng chỉ muốn suông, không có thông hành, không có chiếu khán, lại không mua vé bay hay vé tàu, để đi về thì thử hỏi quý vị có được về Việt Nam hay không? Vãng sanh Cực Lạc cũng không ngoài nguyên lý này. Tín, Nguyện, Hạnh là ba chân của cái đánh, thiếu một, đánh sẽ ngã.

Nói rõ hơn, có Tín sâu, mới Nguyện thiết, có Nguyện thiết mới có Hành chuyên, Hành bền và ngược lại, nghĩa là ba thứ này tác động hỗ tương lẫn nhau, đồng tiến, đồng thoái, đồng diệt.

Kinh nghiệm bản thân cho thấy, khi hành càng chuyên, hành càng bền, nhất là đạt Bất Niệm Tự Niệm, thì Tín và Nguyện càng sâu, càng thiết tha hơn.

37- Hỏi: Hành giả có Hạnh (niệm A Di Đà, đạt Bất Niệm Tự Niệm) mà không có Tín, Nguyện có được bảo đảm vãng sanh hay không?

Đáp: Hành giả không có Tín, Nguyện khó mà đạt Bất Niệm Tự Niệm, dù cho có đạt cũng không được vãng sanh. Vì lẽ đương nhiên không có cầu, không có cảm, làm sao có ứng?

Cổ Đức đã từng dạy: “Dù cho niệm Phật vững như tường đồng vách sắt, mưa tạt không vào, gió thổi không lọt, như thế cũng không được vãng sanh” vì thiếu cảm ứng. Tín, Nguyện, Hạnh là ba món tư lương của Tịnh Độ Tông, chúng tương quan mật thiết với nhau, tác động hỗ tương lẫn nhau, cộng sinh, cộng tồn, thiếu một không phải là hành giả Tịnh Nghiệp. Bởi vậy người niệm Phật mà không có Tín, Nguyện thì không phải là hành giả Tịnh Độ, không thuộc Tịnh Độ Tông. Ví như cái đánh có ba chân thiếu một, đánh sẽ ngã.

2. Kết luận

Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ, đức tướng Như Lai nhưng vì bị vọng tưởng, phân biệt, chấp trước che lấp nên Phật tánh không thể hiện bày”. Có nghĩa là nếu dẹp hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì thành Phật. Tuy nói là ba: vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nhưng kỳ thật chỉ cần trừ vọng tưởng. Vì có vọng tưởng (vô minh) mới phân biệt, phân biệt rồi mới chấp trước. Hết vọng tưởng lấy gì để phân biệt, chấp trước. Niệm Phật là dùng danh hiệu Phật dẹp trừ vọng tưởng. Niệm Phật thuần thực vọng tưởng tự dứt, **tâm tự không, Phật tánh** tự hiện bày, đơn giản thế thôi. Tóm lại, chỉ cần có niềm tin vững chắc, có niềm tin tuyệt đối rồi, quyết tâm hạ thủ công phu bằng mười sáu chữ sau đây:

**“BUÔNG XẢ VẠN DUYÊN,
NHẤT TÂM NIỆM PHẬT,
NIỆM NHIỀU, KHÔNG XEN TẠP,
KHÔNG GIÁN ĐOẠN”.**

Quyết định sẽ thành tựu chí nguyện vãng sanh
Cực Lạc thành Phật độ chúng sanh.

Nam Mô A Di Đà Phật

CHÚ THÍCH

(1) Thập Tín gọi đủ là Thập Tín Tâm, gọi tắt là thập tâm, chỉ cho 10 Tâm mà Bồ Tát của mười giai vị đầu tiên trong 52 giai vị tu hành. Mười tâm này thuộc tín vị, có khả năng giúp cho hành giả thành tựu hạnh tín.

(2) Ngũ căn là năm pháp làm gốc nảy ra tất cả thiện pháp khác. Gồm có: **Tín căn** là tin tưởng Tam Bảo, Tứ Đê; **Tấn căn** (còn gọi là Cần căn) là dũng mãnh tu thiện pháp; **Niệm căn** là nhớ đến chính niệm pháp; **Định căn** là giúp cho tâm định ở một cảnh mà không mất; **Tuệ căn** là suy nghĩ chân lý.

(3) Tam Tạng là kinh, luật và luận.

(4) Tam Tụ Tịnh Giới là Giới Bồ Tát Đại thừa dù xuất gia hay tại gia đều tu được cả. Gồm có:

- Nhiếp Luật Nghi giới là thọ trì hết thầy giới luật
- Nhiếp Thiện Pháp giới là lấy việc tu hành hết thầy thiện pháp làm giới.

- Nhiếp Chúng Sinh giới còn gọi là Nhiều Ích Hữu Tình giới là lấy việc làm lợi ích cho hết thầy chúng sinh làm giới.

(5) Ưu Đàm Đại Sư, người đời Nguyên, họ Trương, quê ở Đơn Dương, gia thế thường thờ Phật. Mười lăm tuổi Ngài xuất gia nơi chùa Đông Lâm ở Lô Sơn tỉnh Giang Tây. Đời Nguyên lại có một hội tên Bạch Liên Hội làm tất cả các việc tà đạo làm rối loạn nước nhà. Đứng trước tình thế này, năm đầu tiên hiệu Đại Đức (1305) đời vua Nguyên Thanh Tông, Đại Sư Ưu Đàm đem hết tâm tư soạn thuật mười quyển Liên Tông Bảo Giám, làm rõ giáo nghĩa chân thật của Liên Tông, do Ngài Từ Chiếu đề xướng, đồng thời phá dẹp tà thuyết, tà hạnh của Bạch Liên Hội đương thời. Năm đầu niên hiệu Chi Đại (1308), do Bạch Liên

Đạo Nhân thuộc Bạch Liên Dương ở tỉnh Phước Kiến làm việc sai quấy, vua lại xuống chiếu bãi bỏ Liên Tông. Đại sư Ưu Đàm đích thân đến kinh đô dâng sách lên Hoàng đế Nhân Tôn, cầu xin phục hưng giáo pháp Tịnh Độ. Vua xem xong bèn chuẩn y và cho phép in ấn lưu hành, dạy Ngài làm giáo chủ, ban cho hiệu Hồ Khê Tôn Giả. Năm đầu tiên niên hiệu Thuận Hoá (1330) Đại sư ẵng ngôi niệu Phật vẵng sanh.

(6) Gia hụu: gia là tẵng thêm, hụu là sự giúp đỡ đầu ân phước của bậc thánh minh. Gia hụu nghĩa rộng hơn gia hộ, vì ngoài ý nghĩa gia hộ, Đức Phật A Di Đà còn vận lòng từ bi, dùng quả đức trang nghiêm, phước đức vô tận của mình để gìn giữ tâm chánh niệu cho hành giả, dẹp yên ma ngoại, phiền não, chướng duyên khởi lên lúc lâm chung.

(7) Chánh báo là quả báo chánh thức mà thân tâm thọ dụng. Hết thấy mọi sự vật thể gian mà thân tâm ta nương tựa gọi là Y báo.

(8) Tương ứng là khế hợp ví như thùng và nắp khớp với nhau vậy.

(9) Hám Sơn Đại Sư tự là Đức Thanh. Họ Thái, người đất Kim, Kim Lang. Xuất gia từ lúc 19 tuổi. Ngài chuyên tâm niệu Phật. Có một đêm, Đại sư nằm mơ thấy Đức A Di Đà hiện thân giữa hư không. Từ đó về sau, Ngài thấy tướng Phật dường như phờng phát trước mặt. Đại sư tham thiền gần mười năm, khi được tỏ ngộ liền vào ẩn trong núi Lô Sơn tu tịnh nghiệp. Rồi Ngài đến Tào Khê niệu Phật mà hóa vẵng, thọ 78 tuổi. Nhục thân vẫn còn thờ ở chùa Nam Hoa, Tào Khê chung với nhục thân của Đức Lục Tổ Huệ Nẵng.

(10) Phật Thuyết Thập Vẵng Sanh A Di Đà Phật Quốc Kinh nói: “Nếu có chúng sanh tin tưởng sâu xa kinh này, niệu A Di Đà Phật, nguyện vẵng sanh thì Đức Phật A Di

Đà trong thế giới Cực Lạc kia bèn sai Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Pháp Tạng Bồ Tát, Bảo Tạng Bồ Tát, Kim Tạng Bồ Tát, Kim Cang Bồ Tát, Sơn Hải Huệ Bồ Tát, Quang Minh Vương Bồ Tát, Hoa Nghiêm Vương Bồ Tát, Chúng Bảo Vương Bồ Tát, Nguyệt Quang Vương Bồ Tát, Nhất Chiếu Vương Bồ Tát, Tam Muội Vương Bồ Tát, Tỳ Tại Vương Bồ Tát. Đại Tỳ Tại Vương Bồ Tát, Bạch Tượng Vương Bồ Tát, Đại Oai Đức Vương Bồ Tát, Vô Biên Thân Bồ Tát, hai mươi lăm Bồ Tát ấy ủng hộ hành giả, dù đi hay đứng, dù nằm hay ngồi, dù ngày hay đêm, trong hết thủy thời, hết thủy nơi, chẳng cho ác quỷ, ác thần được dịp làm hại.

(11) Mười hai loại bộ kinh cũng gọi là Thập Nhị Phần Giáo, chỉ cho mười hai loại kinh được phân biệt theo hình thức và nội dung giáo pháp của Phật:

1) Khế Kinh cũng gọi là Trường Hàng, tức thể văn xuôi, trực tiếp ghi chép giáo thuyết của Phật.

2) Ứng Dụng cũng gọi là Trùng Tụng, là phần kệ tụng giải thích lại cho rõ ràng những giáo thuyết mà Khế Kinh đã nói.

3) Ký Biệt cũng gọi là Thọ Ký, vốn là thể loại giải thích về giáo nghĩa. Đời sau đặc biệt chỉ cho những lời ấn chứng trước của Phật về các việc làm trong vị lai của các đệ tử.

4) Phúng Tụng cũng gọi là Cô Khởi, là thể loại kệ tụng độc lập, trực tiếp ghi chép giáo thuyết của Phật, không lặp lại ý nghĩa trong phần văn trường hàng đã nói trước đó như vai trò của Ứng Dụng.

5) Tự Thuyết nghĩa là Đức Phật không đợi người khác thưa hỏi mà Ngài tự khai thị giáo pháp.

6) Nhân Duyên ghi chép nhân duyên giáo hóa thuyết pháp của Phật.

7) Thí Dụ là dùng thí dụ để giảng nói pháp nghĩa.

8) Bốn Sự thể loại ghi chép về hành trạng của Phật về các đệ tử ở đời quá khứ ngoài bốn sinh giám. Hoặc các kinh mở đầu bằng câu “Phật thuyết như thị” cũng thuộc thể loại này.

9) Bốn Sinh là thể loại ghi chép những hạnh đại bi mà Đức Phật tu hành trong các đời quá khứ.

10) Phương Quảng là các kinh giảng nói giáo nghĩa sâu xa, rộng lớn.

11) Hỷ Pháp cũng gọi là Vị Tăng Hữu pháp tức thể loại ghi chép những việc hiếm có của Phật và các đệ tử.

12) Luận Nghị là thể loại kinh ghi chép việc Đức Phật nghị luận về thể tính các pháp, phân biệt rõ ràng ý nghĩa.

(12) Thiện Đạo Đại Sư là Tổ thứ hai của Tịnh Độ Tông, là A Di Đà hoá thân.

(13) Tám thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạn na thức và tạng thức. Tứ trí là Diệu Quan Sát Trí, Thành Sở Tác Trí, Bình Đẳng Tánh Trí và Đại Viên Cảnh Trí

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Tịnh Độ Tam Kinh**, Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch.
- 2. Kinh Niệm Phật Ba La Mật**, Cố Hòa thượng Thích Thiên Tâm dịch.
- 3. Kinh Pháp Cú**.
- 4. Kế Niệm Phật**, Hòa thượng Thích Trí Tịnh giảng giải.
- 5. Niệm Phật Thập Yếu**, Cố Hòa thượng Thích Thiên Tâm biên soạn.
- 6. Niệm Phật Cảnh**, Đại Sư Thiện Đạo tập ký, Thích Minh Thành dịch.
- 7. Quán Kinh Tứ Thiếp Số**, Đại Sư Thiện Đạo tập ký, Thích Pháp Chánh dịch.
- 8. Liên Trì Cảnh Sách**, Thích Quang Ánh dịch.
- 9. Pháp Ngữ**, Đại Sư Ngẫu Ích tập ký, Như Hòa dịch.
- 10. Triệt Ngộ Đại Sư Thị Chúng**, Thích Nguyên Chơn dịch.
- 11. Tuyển Trạch Bốn Nguyên Niệm Phật Tập, Niệm Phật Tông Yếu**, Pháp Nhiên Thượng Nhân Soạn, Thích Tịnh Nghiêm và Nguyễn Văn Nhân dịch.
- 12. Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao**, Như Hòa dịch.
- 13. Tịnh Độ Tuyển Tập**, Tuyết Hư Lão Nhân tập ký, Như Hòa dịch.
- 14. Pháp Ngữ**, Hòa thượng Tịnh Không tập ký, Thích Nguyên Tạng dịch.
- 15. Công Đức Niệm Phật**, Hoà thượng Tịnh Không tập ký, Thích Nguyên Tạng dịch.
- 16. Từ điển Bách Khoa Phật Giáo Việt Nam**: Cố Hòa thượng Thích Trí Thủ chủ trương, Lê Mạnh Thát chủ biên.
- 17. Pháp Môn Đễ Tu, Đễ Chúng, Hợp Thời Cơ**, Thích Thông Lạc dịch.
- 18. Luận Tịnh Độ**, Nguyên tác Thích Ca Tài.
- 19. Tịnh Độ Cảnh Ngữ**, Hành Sách Đại Sư tập ký, Thích Minh Thành dịch.

- 20. Niệm Phật Kinh Luận**, Thiên Đạo Đại Sư tập ký, Thích Minh Thành dịch.
- 21. Trùng Đỉnh Tây Phương Công Cứ**, Ấn Quang Đại Sư, Vật Nhân Pháp Sư tập ký, Như Hoà dịch
- 22. Liên Tông Bửu Giám**, Ưu Đàm Đại Sư, Thích Minh Thành dịch
- 23. Đường Về Cực Lạc**, Hòa Thượng Thích Trí Tịnh tập ký.
- 24. Tịnh Độ Chỉ Quyết**, Đạo Bái Thiên Sư soạn, Thích Minh Thành dịch
- 25. Tịnh Độ Pháp Ngữ (Lá Thư Tịnh Độ, Hương Quê Cực Lạc Tịnh Độ Thập Nghi Luận, Tịnh Độ Hoặc Vấn)**, Cố Hòa Thượng Thích Thiên Tâm dịch.

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC ĐỂ THỈNH SÁCH

MỸ (USA)

Tịnh Luật Temple

8703 Fairbank N Houston Rd
Houston, TX 77064
(713) 856-7802

Tịnh Luật Monastery

31155 Bunting Rd
Waller, TX 77484
(936) 372-9534

Tịnh Luật Book & Gift Store

10515 Bellaire Blvd, Suite E
Houston, TX 77072
(281) 564-1881

Đạo hữu Diệu Tiên

10908 Claywood Dr
Austin, TX 78753
(512) 873-8399

Đạo hữu Minh Chí

25714 Pennie St..
Dearborn HTS, MI 48125
(940) 230-5312

Đạo hữu Minh Dũng

2801 Amberwood St
Springdale, AR 72762
(479) 756-1844

Đạo hữu Diệu Âm (Austin)

609 Russet Valley Drive
Cedar Park, TX 78613
(512) 694-4314
Xin để lại lời nhắn tin
minhnguyen62@msn.com

Đạo hữu Diệu Âm Lê Minh

3227 Irving St.
Fortsmith, AR 72904
(479) 522-4650
(479) 285-6576

Đạo hữu Diệu Trí

8135 E. Smooth Sumac Lane
Tucson, AZ 85710
(520) 331-8495

Thầy Thích Túc Quang

PO Box 4023941
Bedford, KY 40006
(513) 375-6767

Đạo hữu Diệu Thanh
7145 Geary Blvd, Apt # 2
San Francisco, CA 94121
(415) 283-8821

**Trung tâm văn hóa Phật
Giáo Pháp Quang**
9191 Bolsa Ave # 115
Westminster, CA 92683
(714) 892-1465

Đạo hữu Thiện Châu
2704 Waller Rd
Silver Spring, MD 20906
(301) 919-7090

Niệm Phật Đường A Di Đà
2578 Lititz Pike
Lancaster, PA 17601
(717) 475-9527

Đạo hữu Hương Hoa
685 Yorkhaven Rd
Cincinnati, OH 45246
(513) 825-4649

Đạo hữu Phương Đoan
7602 Southern Oak Drive
Springfield, VA 22153
(703) 489-9739

Đạo hữu Nguyễn Bá
622 Laurel Way, N.
Landerdale, FL 33068
(954) 598-2032

**Đạo hữu Đồng Huệ
Nguyễn Thị Lam**
11236 Madison Park Drive
Tampa, FL 33625
(813) 507-6555

Đạo hữu Thịnh Nguyễn
3800 Windstream Way
Jamestown, NC 27282
(336) 549-9208

Đ.H. Diệu Âm - Diệu Lạc
6280 Khilds Road
Lake Oswego, OR 97035
(503) 980-8863

Đạo hữu Trúc Phổ
7313 Humingbird Circle
Oklahoma City, OK 73162
(405) 213-5183

Đạo hữu Diệu Chánh
5909 Erving St
Springfield, VA 22150
(703) 915-4368

CANADA

Đạo Tràn Tịnh Quang
Sư cô T.N.D.A- Tịnh Quang
620 Nodales Drive
Campbell River, B.C.V9H OA5
Canada
(250) 923-8919)

Đạo hữu Lương T. Thanh Cao
2672 Jarry Est (E)
H1Z2C7 Montreal QC
Canada
(514) 279-7588

PHÁP

Đạo hữu Kim Thoa Võ
79 Rue Albert Sarraut
78.000 Versailles, France
09.5170.57.02

ÚC

Đạo hữu Nguyễn Đăng Hồ
10 Farnell Road
Yagoona NSW 2199
Australia
612 9786 2886
[Email: hodangnguyen@yahoo.com.au](mailto:hodangnguyen@yahoo.com.au)

VIỆT NAM

Đạo hữu Nguyễn Ngọc Tâm

138 Ngô Quyền, Phường 5

Quận 10, TP Hồ Chí Minh

957-2965

090-833-7153

Đạo hữu Đặng Kim Anh (Diệu Âm)

001 Phan Chu Trinh, Phường 2 Khu Phố 2

Thị Xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

(066) 812-531

Tác phẩm này được đưa lên website:

www.tinhluatemple.org

www.BoDeTam.org

www.QuangDuc.com

Chi phiếu (check) cúng dường ấn tống sách xin
đề: YEN TRAN và gửi về:

Thích Minh Tuệ

31155 Bunting Road

Waller, TX 77484

USA

Lời Hay Ý Đẹp :

*Hành giả Tịnh độ không chết,
sống mà ra đi.*

*Vãng sanh Cực Lạc là chuyển phàm
thành Thánh, liễu sinh thoát tử, đủ sáu
phép thần thông, bất thoái chuyển, nhứt
sanh bỏ xứ, vô lượng thọ, một đời thành
Phật.*

*Đời vậy nói: Vãng sanh tức thành
Phật*

MƯỜI CÔNG ĐỨC ÁN TỔNG KINH TƯỢNG PHẬT

- 1- Những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ.
- 2- Thường được các thiện thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước, lửa, trộm, cướp, đao binh, ngục tù.
- 3- Vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán cừu oan trái của đời trước cũng như đời này.
- 4- Các vị hộ pháp thiện thần thường gia hộ nên những loài dạ xoa ác quỷ, rắn độc hùm beo tránh xa không dám hãm hại.
- 5- Tâm được an vui, ngày không gặp việc khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiền sáng, mạnh khỏe an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.
- 6- Chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y phục đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc đời đời.
- 7- Lời nói việc làm trời người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến, ngợi khen.
- 8- Ngu chuyển thành trí, bệnh lành mạnh khỏe, khôn nghèo chuyển thành thịnh đạt. Nhàm chán nữ thân, mệnh chung liền được nam thân.
- 9- Vĩnh viễn xa lìa đường ác, sanh vào cõi thiện, tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy.
- 10- Hay là vì tất cả các chúng sinh trồng các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sinh làm ruộng phước điền cho mình.

Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phước quả thù thắng. Sinh ra nơi nào cũng thường được thấy Phật, nghe Pháp, phước huệ rộng lớn, chứng đạt lục thông sớm thành Phật quả.

ÁN QUANG TỔ SƯ DẠY:

“Án tống kinh, sách Phật được công đức thù thắng như vậy, nên khi gặp chúc thọ, thành hôn, cầu phước, thoát nạn, sám hối, cầu tiêu trừ bệnh tật, cầu siêu độ hương linh, hãy tinh tấn phát tâm Bồ Đề án tống, để trồng cội phước đức cho chính mình và thân bằng quyến thuộc”.

NIỆM PHẬT ĐẠT BẤT NIỆM TỰ NIỆM BẢO ĐẢM VĨNG SANH

Tác giả không giữ bản quyền, rất hoan nghinh mọi
phiên dịch, ấn tống, nếu cần, xin thông báo để được tác
giả cung cấp bản văn đánh máy sẵn trên CD.

Hồi Hương

Nguyện đem công đức này
Hương bốn ân ba cõi
Khắp Pháp giới chúng sanh
Đồng vãng sanh Cực Lạc
Thành Phật độ chúng sanh.

Mô Hình Chùa Tịnh Luật

